

Địa Tạng Bồ Tát
Bản Tích Linh Cảm Lục

Lời đầu sách



Em Huỳnh Hiệp là một Dược sĩ trẻ, người Việt Nam, hiện đang sinh sống tại Sacramento, Thủ phủ Tiểu Bang California, Hoa kỳ, là đệ tử tại gia của Cố Hòa Thượng Tuyên Hóa tại Vạn Phật Thánh Thành. Em luôn có tâm nguyện hướng về Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng như muốn lập thành một dự án Địa Tạng để giúp đỡ cho những người có duyên với Ngài qua sách vở ấn tống hoặc hình tượng.

Cuối năm 2007, khi tôi tịnh tu nhập thất lần thứ 5 tại Úc Châu, Huỳnh Hiệp có nhờ tôi dịch bản tiếng Nhật sang tiếng Việt về những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng không có đầu ở Fuchu thuộc Hiroshima, thế là tôi lại bắt tay vào việc và suốt hơn 4 tháng, dịch phẩm đã hoàn thành tại Hoa Kỳ vào tháng 4 năm 2008 với gần 900 trang đánh máy, chia làm 3 tập. Mới đầu tôi chỉ cho đưa lên trang mạng quangduc.com tại Úc và viengiac.de tại Đức, nhưng nhiều người muốn được đọc sách, nên em Huỳnh Hiệp một lần nữa lại lo đi vận động Tịnh Tông Học Hội Đài Loan ở Mỹ để

được ấn tổng sách này tại Đài Loan. Vào tháng 10 năm 2010 Phật Đà giáo dục Cơ Kim Hội thuộc Tịnh Tông Học Hội ở Đài Loan đã ấn tổng 1500 bộ. Mỗi bộ 3 cuốn, đến nay (2012) thì không còn bộ nào nữa cả. Cho nên quý Phật Tử Việt Nam tại Nam Bắc California Hoa Kỳ muốn tái bản lần thứ nhất và tôi cũng đã viết lời tựa cho việc tái bản này. Nay thì Huỳnh Hiệp muốn tôi hiệu đính Quyển “Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục“ bản chữ Hán do cụ Liêu Nguyên dịch và tôi cũng đã bắt tay vào việc trong mùa An Cư Kiết Hạ năm 2012 này. Cụ là người Hoa, tiếng Hán rất giỏi, nhưng Việt văn thì ý và lời cần phải chỉnh sửa lại toàn bộ. Nhưng cũng nhờ đây mà tôi biết thêm được nhiều mẫu chuyện linh ứng và nhơn quả qua sự thị hiện của ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát ở Trung Hoa từ đời nhà Đường đến nay. Quả là điều hy hữu và tuyệt diệu.

Những câu chuyện có thật qua lời kể lại của tác giả thật là linh động, khiến cho ai đã đọc được những mẫu chuyện này, cũng chẳng khác nào những câu chuyện của Đức Địa Tạng tại Fuchu, Nhật Bản đã thị hiện vậy.

Mặc dầu Đạo Hữu Diệu Hải ở Canada đã cố gắng đánh máy theo bản dịch của cụ Liêu Nguyên, nhưng có nhiều chỗ vẫn chưa rõ ý và lời. Do vậy tôi đã nhờ Sư Cô Thích Nữ Chơn Toàn rà soát lại toàn bộ cũng như đánh máy thêm vào những chỗ thiếu sai. Đúng là Sư Cô cũng có nhân duyên với ngài Địa Tạng. Cách đây 4 năm Sư Cô cũng đã giúp cho việc đánh máy quyển

sách về Ngài Địa Tạng mà tôi đã dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt. Bây giờ em Huỳnh Hiệp lại muốn tôi viết lời tựa cho quyển sách này, nhằm ghi lại mốc thời gian cũng như công trình phiên dịch, ghi chép lại của người xưa, để lại cho đời sau và Huỳnh Hiệp cũng sẽ nhờ Tịnh Tông Học Hội tại Đài Loan ấn tống, giúp cho người Việt ở khắp năm châu có cơ hội đọc đến những mẫu chuyện nhân quả và sự thị hiện của Đức Địa Tạng trong sách này để tu và để tránh dữ làm lành. Tôi dĩ nhiên là không từ chối, vì lẽ đây là việc đáng nên làm. Do vậy đã chấp bút viết mấy dòng chữ này để lại cho đời sau vậy. Ngoài ra, Thầy Hạnh Lý cũng đã giúp sửa lại lỗi chính tả cho lần cuối và Đạo Hữu Như Thân đã layout sách này. Xin đa tạ.

Viết xong tại thư phòng Chùa Viên Giác
Hannover Đức Quốc
nhân mùa An Cư Kiết Hạ
ngày 4 tháng 7 năm 2012

Hiệu đính toàn văn quyển sách:
Hòa Thượng Thích Như Điển
Phương Trượng
Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc.

Lời Phụ



Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát Tác Đại Chứng Minh:

Thời gian thấm thoát. Nhờ hồng ân Đức Địa Tạng Bồ Tát Từ bi gia hộ, chúng con vừa hoàn tất quyển sách thứ hai trong bộ sách Linh Cảm Ứng về Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát trên toàn thế giới để công hiến đến quý Phật tử gần xa. Quyển sách thứ hai này gồm toàn những mẫu chuyện linh cảm về Đức Địa Tạng xảy ra tại Trung Hoa.

Quyển sách này có được là nhờ công lao khó nhọc của cụ Liêu Nguyên và của Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác ở Đức Quốc. Cụ Liêu Nguyên tuy tuổi đã lớn mà vẫn cố gắng phiên dịch liên tục trong nhiều tháng ròng. Thật là đáng khen. Về phần Hòa Thượng Như Điển, Ngài vừa phiên dịch vừa hiệu đính sách này. Quyển sách này được hoàn chỉnh chính xác và lập thành sách là nhờ công ơn khó nhọc của Hòa Thượng. Những phần chuyên môn, những

danh từ Phật học, những phần liên quan tới kinh văn và những đoạn thiếu sót khác v.v... đều nhờ Hòa Thượng phiên dịch. Ngài không những đã giúp đỡ chúng con nhiều lần mà lúc nào cũng khuyến khích chúng con tiếp tục dự án Địa Tạng.

Trước đây, Ngài cũng đã giúp chúng con phiên dịch bộ sách thứ nhất, Những Câu Chuyện Linh Cảm Ứng về Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát tại Nhật Bản. Quý Phật Tử có thể vào websites của chùa Viên Giác hoặc của Tu Viện Quảng Đức để xem. Chúng con xin hết lòng tri ân và cảm niệm công đức của Hòa Thượng Như Điền, của cụ Liêu Nguyên, của Đạo Hữu Diệu Hải, của chị Judy Cheng, và của tất cả những ai đã đóng góp cho quyển sách này và cho dự án Địa Tạng.

Sau rốt, chúng con lúc nào cũng tri ân Sư Phụ là Hòa Thượng Tuyên Hóa của Vạn Phật Thánh Thành. Ngài lúc nào cũng âm thầm theo dõi để nhắc nhở và ủng hộ đệ tử bằng cách này hay cách khác.

Chúng con ước nguyện rằng tất cả những ai xem tập sách này đều được nhiều lợi lạc và sớm trọn thành Phật đạo. Và xin quý Phật Tử vui lòng truyền bá ra để thêm nhiều người được lợi lạc. Mục tiêu của chúng con là truyền bá ra những sự lợi ích về Kinh Địa Tạng, về sự mâu nhiệm của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát. Đức Địa Tạng gia hộ và cứu độ tất cả chúng sanh trong lục đạo luân hồi, cả người sống và kẻ đã mất. Chứ không phải chỉ giúp người mất mà thôi như một số Phật Tử lầm tưởng. Chẳng hạn như Kinh Địa Tạng chúng ta nên

trì tụng hằng ngày chứ không phải chỉ dùng để tụng khi cầu siêu mà thôi. Nếu được như vậy, thì người trì tụng sẽ được hai mươi tám điều lợi ích.

Quyển tiếp theo là quyển thứ ba sẽ được công hiến đến quý Phật Tử trong một ngày gần đây. Quyển thứ ba cũng là những câu chuyện cảm ứng tại Trung Hoa. Bởi vì Trung Hoa là một nước lớn, nên có rất nhiều chuyện linh cảm về Đức Địa Tạng. Nên chúng con cần ấn tống tới hai quyển.

Quyển thứ tư sẽ là Những Câu Chuyện Linh Cảm Ứng về Đức Địa Tạng xảy ra tại Tây Phương như Âu Châu và Bắc Mỹ. Nếu quý Phật Tử gần xa có được những sự linh cảm ứng về Đức Địa Tạng cho cá nhân mình hoặc biết ai có những sự linh cảm ứng, xin vui lòng gửi câu chuyện với đầy đủ chi tiết như là xảy ra tại Quốc gia nào, vào năm nào, xảy ra như thế nào, pháp danh hoặc tên nếu không ngại..v.v.. chúng con sẽ ấn tống những câu chuyện này thành sách sau khi thu thập đầy đủ tài liệu cho một quyển sách. Quý Phật Tử có thể gửi bằng Email hoặc bằng thư thường đến địa chỉ sau đây:

Hiệp Huỳnh (hoặc Edward Huynh)
6164 Lemon Bell Way,
Sacramento, CA 95824 USA
Email: edwardhuynh98@yahoo.com
Phone: (916) 544 - 4149

Chúng con xin tri ân tất cả và nguyện hồi hướng công đức này đến pháp giới chúng sanh đều sớm thành Phật đạo.

Hiệp Huỳnh và các bạn.

Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục

Từ chữ Hán: Phiên dịch ra Việt văn:

Liêu Nguyên

Hiệu đính bản tiếng Việt:

Hòa Thượng Thích Như Điển

Phượng trượng Chùa Viên Giác

Hannover Đức Quốc

- 2012 -

Ấn Quang Pháp Sư Giám Định



Mục Lục

1. Lời Tựa Ấn Quang Pháp Sư.
2. Lời Khen Ấn Quang Pháp Sư.
3. Lời Khen Diễn Thực Cư Sĩ.
4. Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Lục.
5. Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục.

Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục



Địa Tạng Bồ Tát, thề nguyện sâu rộng, đã lâu rồi chứng minh cùng pháp tính, mà không trở lại tịch quang, không chứng Phật quả, lấy đại từ bi biến khắp thế giới, tùy loại hiện thân, độ thoát hữu tình, như thường ở chốn u minh. Cứu bạt chúng sinh cực khổ ở địa ngục, lấy Bồ Tát xưa nay tặng phát đại nguyện, chúng sinh độ tận mới chứng Bồ Đề, địa ngục chưa sạch thề không thành Phật. Tâm tánh chúng sinh vốn lành không khác gì Phật, bởi do mê muội nên ở nơi chon thường lại vọng sanh mê hoặc. Nên khởi lòng tham, sân, si, tạo sát, đạo, dâm, nên luân hồi trong lục đạo không thoát khỏi, chẳng có thời gian ra khỏi. Sinh nhân thiên thì ít, đọa vào ba cõi thì nhiều. Bồ Tát rủ lòng thương xót, cứu giúp nhiều loài, mong rằng bỏ vọng quy chân, để khỏi mê man mà giác ngộ, phục hồi bản thân như Phật tánh sẵn có của mình mới thôi. Thí dụ như hòn ngọc Mani rớt xuống bùn lầy, những người khờ dại coi như đồ dơ bẩn, không biết là viên ngọc quý, hiểu biết thì coi như viên ngọc vô giá, vớt ra khỏi đồng

bùn lầy, rửa sạch những đồ dơ bẩn, lấy dầu thơm rửa sạch treo trên cao, ánh sáng chiếu xuống trời đất tạo thành mưa lành. Tâm tính của chúng sinh cũng như vậy. Tuy trở lại mê muội, rớt xuống đường ác, nhưng căn bản chân như Phật tánh sẵn có vẫn chẳng chừa đựng thường hằng, chẳng sinh chẳng diệt, không còn tướng thay đổi. Bởi vậy cho nên Bồ Tát cho rằng bất cứ những người nào tội nghiệp rất nặng sâu, mà chẳng có một niệm bỏ rơi tâm ấy với những sự đau khổ của chúng sanh bèn rủ lòng đóai thương và cần phải được siêu độ cho họ được sớm thoát những sự khổ.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh cảm lòng Từ Bi của Bồ Tát, thương xót sự mê muội của chúng sinh, nên đem những thệ nguyện của Bồ Tát dịch lại thành văn bạch thoại mà phổ biến, và lấy những câu chuyện từ Nhật Bản ghi chép lại những sự tích cảm ứng thành 18 chương, in ra để lưu truyền, làm cho tất cả loài hữu tình rõ biết Bồ Tát từ vô lượng kiếp đến nay, với lòng Từ Bi ấy làm cho mọi chúng sanh ra khỏi sự sinh tử chứng được Phật tánh. Từ đó quay về, cung kính cúng dường, xưng niệm hồng danh, để làm Cha Mẹ được ra khỏi cõi ngũ trược này, sinh lên thượng phẩm, trên cầu Phật Đạo, dưới độ chúng sinh, lấy tâm Bồ Tát làm tâm của mình, lấy việc làm Bồ Tát là việc của mình, để khỏi phụ lòng giáo hóa của Phật, không phụ cả mình vậy. Đây là duyên khởi của cuốn sách để lại cho đời sau.

Dân Quốc năm thứ 18 (1929) ngày 30 tháng 7

Thích Ân Quang căn tuyên.

Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục



Lòng Từ Bi của Địa Tạng Bồ Tát sâu rộng bao la, như toàn cõi mặt đất, an nhẫn bất động, cũng như chứa cát của báu, ở Đạo Lợi thiên cung qua Phật giao phó, gánh vác trách nhiệm lớn là giáo hóa lục đạo, nên ở Diêm Phù Đề chúng sinh có mối nhân duyên rất lớn, Thế Tôn đối với Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc đều khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng là hơn hết không ai sánh được. Trong Thập Luân Kinh nói rằng: “Vị Đại Bồ Tát này chứa đựng công đức rất kỳ diệu, đó là nơi sanh ra những châu báu giải thoát. Đó cũng là làm sáng tỏ của chư Bồ Tát, là chỉ đạo Niết Bàn cho các thương nhân, như ngọc như ý mưa móc tài báu. Tùy theo sở cầu đều được đầy đủ, đó là điều không thể suy nghĩ và đo lường được công đức thù thắng của Bồ Tát, là hằng hà sa số A Tăng kỳ kiếp. Nói cũng không thể hết được.

Trên núi Minh Linh Ngẫu Ích Đại Sư trọn đời mình đem hết tâm huyết, tận lực tuyên dương công đức

Địa Tạng Bồ Tát. Thời đó Vĩnh Ninh Hoằng Nhất Đại Sư, năm Nhâm Thân tức Dân Quốc thứ 21 khi vân du đến Mãn Nam Vạn Thọ ngẫm suy tầm tìm hiểu các sách vở về Địa Tạng, các cuốn tuyển lựa đều ghi: Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan gồm một quyển. Tất cả những điều có liên quan đến Địa Tạng Bồ Tát như kinh luận, chú giải, sám nghi, tán thuật, nhiều không kể xiết, chẳng biết đâu để tìm kiếm các điều quan trọng, mà nơi núi kia những kinh điển, kệ chú kính ngưỡng Bồ Tát rất nhiều.

Thời đó trong các cư sĩ tán thưởng Thánh đức của Bồ Tát. Bấm đốt ngón tay, phải kể Lý Viên Tịnh và Nhiếp Vân Đài, hai ông hoằng dương Phật pháp biên chép thân thể các Ngài, những người bạn đạo đều khen ngợi. Ông Lý Viên Tịnh năm Dân Quốc thứ 18 (1929) biên thuật cuốn Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục, ngoài các sự tích dùng ngữ thể tường thuật ra, còn ở cuốn Cảm Ứng Lục, Tàng Trữ ở Nhật Bản ghi lại 18 chương sự tích, gần đây mới nghe được và được Ấn Quang Đại Sư đề tựa. Hoằng Nhất Đại Sư coi sóc việc biên soạn và gửi thư luận bàn biên chép. Ông Nhiếp Vân Đài là cháu ông Tăng Văn Chính, là con thứ ba của bà Nhiếp Tăng Kỳ Phân tên La Kiệt, đã công bố nhiều Bản Linh Cảm Lục. Đến năm Dân Quốc 39 (1950) lại biên soạn một cuốn Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Cận Văn Lục, ghi chép lại những gì mắt thấy tai nghe, một lòng trung thực tường thuật khách quan và phụ thêm những sự việc về luân hồi, quỷ thần, nhân quả báo ứng và phương pháp tu thân của chồng Bà. Trong đó còn

tán dương Thánh đức của Bồ Tát, hữu ích cho chúng sinh chắc không ngoài ba cuốn sách kể trên.

Tiên Thất Châu Dương Tuệ Khanh cư sĩ lấy hiếu đức mà cảm động Bồ Tát, ở Kim Lăng hiển tích, soi sáng những kẻ u mê mờ. Cho nên đã lâu muốn tạc tượng Bồ Tát và in kinh sách để báo đáp Phật ân, quyền góp khi còn sống, đã từng in ấn tặng bản nguyện kinh rất nhiều. Nay nhân ngày giỗ ba năm, bèn đem tác phẩm của hai ông đến Hoằng Nhất Đại Sư của Lý Viên Tịnh và Nhiếp Vân Đài lần lượt in thành sách công bố để kỷ niệm được vĩnh viễn lưu tồn. Cuốn sách “Thánh Đức Đại Quan” là in theo nguyên bản của pháp hội Hương Cảng, Ấn Quang Đại Sư có sửa sai lại và cư sĩ Lưu Thế Hầu lấy máu ngón tay vẽ bức Thánh Tượng để tồn trữ chân tích. Hai cuốn Bản Tích Linh Cảm Lục và Linh Cảm Cận Văn Lục, kể lại những thánh tích để luận xưa nay, rất cảm động lòng người đem ích lợi cho đời chẳng ít. Nay đem xếp lại biên soạn làm một, xóa trừ những nơi trùng hợp, sắp xếp lại thứ tự, những dấu chấm phết cho rõ ràng, nhìn là hiểu liền, mà người phát tâm ấn hành trên thị trường đem tài bản được gọt gòn không đến nỗi sai lầm, được đăng nợ mất đăng kia, nên rất tiện lợi cho độc giả.

Các nhà in cũng tái bản rất nhiều loại Địa Tạng Linh Cảm Lục phát hành ra trên thị trường. Đại ý cũng đều dựa theo nội văn nhưng hơi câu thả sự thực trước mắt, là in ra đừng để mai một và thất truyền mà cũng là để người đời sau khởi lòng tin, hướng về Bồ Đề khi

biên soạn cuốn sách này đều vội vã chưa kịp kiểm soát lại, hoặc chưa kịp viết thư hỏi và tìm hiểu những người biết chuyện, vội vả lựa ba bản để xếp về cuối. Một là đọc bài của Lý Văn Khải cư sĩ về: “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Linh Cảm Ký”. Một khác là đọc cư sĩ Đỗ Tuệ bản “Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký” và một là đọc bài của Tiên Thất “Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát hóa thân”. Chờ mong các vị đại thiện tri thức nhân duyên phát nguyện rộng, suru tâm những sự tích linh cảm của Bồ Tát, soạn lọc xếp đăng vào sách để tăng thêm trang, để cho kẻ nghe thấy càng mang lòng tin, chí tâm quy y, lễ bái cúng dường. Nương theo kinh tu hành, là báo đáp ân từ bi của Bồ Tát vậy. Há chẳng tốt sao? Đồng thời việc sắp xếp in ấn cũng như để lưu trữ lại vậy.

Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 55,
năm Bính Ngọ, ngày 25 tháng 2
(nhằm ngày 25 tháng 2 năm 1966)
Đệ tử Ưu Bà Tắc Thụy Kim Châu Cận Thức
ở Đài Kiên.

Bài Tán Thưởng thứ nhất

Ý dư Đại Sĩ, thệ nguyện hoằng thâm,
Mẫn niệm chúng sinh, trường kiếp trầm luân,
Bi vận đồng thể, từ khởi vô duyên,
Đương xứ địa ngục, dịch giải đảo huyền
Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ Đề,
Địa ngục vị không, thành Phật vô ký,
Do thử nhân duyên, chư Phật tán thán,
Huống bỉ lục đạo, năng bắt bi luyến,
Hư không hữu tận, thệ nguyện vô cùng,
Dục báo thâm ân, đặc ấn tôn kinh,
Nguyện kiến văn giả, đồng sinh tịnh tín,
Triển chuyển lưu thông, lợi ích vô tận.

- Ấn Quang Pháp Sư.

Dịch nghĩa:

Khen thay Đại Sĩ, thệ nguyện sâu xa
Thương cho chúng sanh, chìm đắm lâu đời
Vận dụng lòng từ, thương kẻ vô duyên
Ở nơi địa ngục, đâu được cứu khỏi
Chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ Đề
Địa ngục trống không, thành Phật không hạn
Do nhân duyên này, chư Phật ca ngợi
Ở lục đạo kia, sao chẳng xót thương!
Hư không có hạn, thệ nguyện vô cùng
Muốn báo ân sâu, hay in chép kinh
Nguyện người thấy nghe, được sinh cõi tịnh
Quảng bá rộng khắp, lợi ích vô cùng.

Bài Tán Thưởng thứ hai

Bồ Tát đại nguyện, nan tư nan lượng,
Đao Lợi thiên thượng, văn Phật tán dương,
Vạn thiên thánh chúng, pháp hội Tể Thương,
Đô môn độ hóa, đáo tuyền Phật trường,
Phân thân vạn ức, quảng bạt man cường,
Đàm thí pháp vũ, hỏa ngục thanh lương,
Cửu kinh trần kiếp, hóa ác vi lương,
Thiết Vi phổ tế, ân trạch uông dương,
Độ như vị tận, bất vãng Tịch Quang,
Ai tai đa chúng, xuất tội tiệm vong,
Khứ như hoàn chi, khổ hải mang mang,
Đa sinh quyến thuộc, tùy giả di vong,
Kiến văn lợi ích, bỉ Địa Tạng Vương,
Hữu duyên lễ tụng, dĩ tiến phúc đường,
Bản tích linh cảm, đáo xứ phóng quang,
Lưu thông diễn khuyến, hoạch phúc vô lường.

● Diễn Thực Cư Sĩ.

Dịch nghĩa:

Nguyên lớn Bồ Tát, khó nghĩ khó lường
Từ trời Đao Lợi, chư Phật tán dương
Trăm ngàn thánh chúng, pháp hội tề tựu
Đều mong hóa độ, đến tuyền Phật trường.
Phân thân vạn ức, rộng khắp vô cùng
Mưa pháp bố thí, ngục nóng mát dịu
Trải qua kiếp số, hóa ác thành tốt
Thiết vi lợi lạc, ân đức thấm nhuần
Độ như chưa xong, chẳng ở Niết Bàn
Thương thay nhiều loại, tội khỏi dần quên
Ra khỏi lại vào, khổ sở bời bời
Nhiều đời quyến thuộc, theo đó mà nghĩ
Thấy nghe lợi ích, Địa Tạng Vương kia,
Có duyên lễ tụng, liền đến chốn phước
Bản tích linh cảm, đến nơi phóng quang
Lưu thông khuyến khích, phước báu vô cùng.

Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Lục

Ứng Hóa Thánh Tích Của Địa Tạng Bồ Tát



Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng nói với Phổ Quang Bồ Tát rằng: “Nên biết Địa Tạng Bồ Tát có thể nói là vị Bồ Tát có trăm ngàn vạn ức đại uy thần lực và những việc lợi ích, chúng sinh ở cõi Diêm Phù đối với vị Đại Sĩ này có nhiều nhân duyên, những chúng sanh này nghe danh Bồ Tát, thấy tượng Bồ Tát, cho đến nghe dăm ba chữ trong Kinh hoặc một câu kinh kệ đều được ân huệ thù thắng an lạc, đời sau này hay trăm ngàn vạn đời sau đều được đoạn chính sanh nơi phú quý tôn nghiêm.” Đức Phật từng nói với Quán Thế Âm Bồ Tát rằng : “Địa Tạng Bồ Tát ở cõi Diêm Phù Đề cũng có nhiều nhân duyên. Nếu nói đến những việc thấy nghe lợi ích của chúng sinh thì nói trăm ngàn

kiếp cũng không hết được. “Cho nên chúng ta được thấy Địa Tạng Bồ Tát với những người trên thế giới này, quả là có nhân duyên rất lớn, sự nghiệp độ sinh của Địa Tạng Bồ Tát thực không kém gì Quán Thế Âm Bồ Tát. Đức Phật Thích Ca ở Đạo Lợi thiên cung tuyên dương và khen thưởng công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Khiến cho Quán Âm công bố cho mọi người biết. Bởi vậy, chúng ta được biết nhị vị Bồ Tát có mối nhân duyên rất sâu với chúng sanh ở quốc độ này. Trên đời phần lớn đều biết đến sự độ sinh của Quán Âm Bồ Tát, nhưng đối với sự giáo hóa của Ngài Địa Tạng Bồ Tát thì rất ít hiểu biết, mà đối với Địa Tạng Bồ Tát hóa độ chúng sinh ở địa ngục thì ít người nói đến. Đó thật là một sự lầm lẫn vậy. Nếu chúng ta đọc xong cuốn sách này thì mới hiểu rằng: Chúng sinh muốn cầu phúc các Bồ Tát rất có thể cầu ngay được, không cần đợi đến kiếp sau, hưởng hồ trong Kinh nói rằng: “Bồ Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả.” cứu quả cố nhiên là cần nhưng cứu nhân càng gấp. Người trên đời tạo nhân thập ác thì đời sau chết xuống địa ngục, đó là quả. Địa Tạng Bồ Tát đối với những kẻ đã xuống địa ngục vẫn còn cứu giúp hưởng hồ những người chưa xuống địa ngục, chẳng lẽ lại bỏ không nghĩ đến.

Vị Đại Bồ Tát này giáo hóa ở địa phương nào khác thì mắt thịt chúng ta không nhìn thấy, cho nên không hiểu, nhưng ở địa phận Trung Quốc thì có ngàn vạn chính xác, có những sự tích ứng hóa của Bồ Tát Địa Tạng. Ngay ở địa hạt tỉnh An Huy Cửu Hoa Sơn, ở Trung Quốc có bốn đạo tràng tại bốn đại danh sơn. Ở

núi Phổ Đà Nam Hải có Quán Thế Âm Bồ Tát Đạo Tràng, Ngũ Đài Sơn tại Sơn Tây, có Đạo Tràng của Ngài Văn Thù Bồ Tát. Núi Nga Mi ở Tứ Xuyên có Đạo Tràng của Ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Cửu Hoa Sơn ở An Huy có Đạo Tràng của Địa Tạng Bồ Tát. Cứ đến tháng bảy những người thiện tín hành hương đến cúng bái núi Hoa Sơn đông vô kể. Vì ngày 30 tháng bảy là ngày đắc đạo của Bồ Tát Địa Tạng. Nhân dịp này tôi xin kể lại nguyện thành lập Đạo Tràng của Bồ Tát Địa Tạng. Mong rằng chúng ta hãy nhớ kỹ chuyện này, ta có thể xưng Địa Tạng Bồ Tát hay Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng đều được cả.

Khi Phật diệt độ 1500 năm, giữa lúc năm thứ 4 Vĩnh Huy nhà Đường, miền Đông có một nước gọi là Tân La tức là nước Cao Ly bây giờ (Đại Hàn) tại miền Đông Bắc có vị thái tử gọi là Kim Kiều Giác, năm 24 tuổi xuất gia tu hành, mang theo một con chó trắng, gọi là Thiện Thịnh, vượt biển đến Trung Quốc, ở tỉnh An Huy, phủ Trì Châu huyện Thanh Dương trên núi Cửu Hoa. Ở mãi trên núi Cửu Tử, tịnh tọa 75 năm, có Sơn Thần cúng dường đồ ăn thức uống, cho đến đời Đường Huyền Tôn Khai Nguyên đêm 30 tháng 7, năm thứ 16 mới thành đạo.

Lúc bấy giờ ở chân núi Cửu Hoa Sơn có một ông già, người thường gọi ông là Mãn Công. Ngày thường ông làm những việc thiện, thường cúng cấp đồ chay cho 99 vị Tăng nhân, nhưng còn thiếu một vị mới đủ con số 100. Nay có Thầy trên núi là Địa Tạng Tăng

nên bèn muốn mời xuống núi cho đủ số 100. Điều này đã mong mỏi trong nhiều năm rồi. Giữa đêm thành đạo được Sơn Thần dẫn Ngài xuống núi đến xin gặp Mãn Công, hỏi xin Mãn Công một miếng đất bằng chiếc áo cà sa. Mãn Công nói: “Đất đai núi Cửu Hoa đều là của tôi. Vậy Bồ Tát tùy ý lựa chọn bao nhiêu cũng được”. Lúc bấy giờ Bồ Tát lấy áo cà sa tung ra bao trùm cả núi Cửu Hoa, Mãn Công thấy vậy mừng lắm, bèn cúng dường Bồ Tát cả ngọn núi Cửu Hoa. Lại bảo con ông xuất gia tu hành, tức là Hòa Thượng Minh Đạo. Về sau Mãn Công cũng xuất gia tu hành. Vì lý do xuất gia tu hành sau nên phải bái lạy con mình là Sư Phụ. Trong bức tượng của Bồ Tát Địa Tạng bên trái, một Tăng nhân trẻ tức là Minh Đạo Hòa Thượng, bên phải một người già là Mãn Công. Còn chó trắng là Thiện Thịnh, sau ngày Bồ Tát nhập định 20 năm, đến năm Chính Đức năm thứ 2, ngày 30 tháng 7 hiên thánh, xây tháp. Từ đó Cửu Hoa Sơn tại tỉnh An Huy thành Đạo Tràng lớn của Bồ Tát Địa Tạng. Nếu nói đến sự việc của Bồ Tát cứu độ chúng sinh thì như Đức Phật đã nói cả trăm ngàn kiếp cũng kể không hết. Cho đến như đoạn trên đã nói sự tích đất nước ở phía Đông là sự thật. Trong các cuốn như Thần Tăng truyện, Cao tăng truyện, Cư Sĩ truyện, Cửu Hoa Sơn Nhân Vật Chí, v.v. đều có ghi chép những việc này.

Nhân Duyên trong Quá Khứ Của Đức Địa Tạng Bồ Tát



Đại nguyện độ sinh của Địa Tạng Bồ Tát vì sao mà có? Chúng ta đã biết đời quá khứ và nhân duyên của Bồ Tát, thì có thể hiểu rõ. Đời quá khứ của Bồ Tát từng là con trai của một trưởng giả, từng là con gái của Bà La môn, từng là một vị Quốc Vương, từng là Quang Mục Thánh Nữ. Tất cả đều ghi chép rõ ràng trong cuốn bản nguyện Kinh Địa Tạng Bồ Tát. Nay ta hãy nói đến hai chuyện, một là con trai trưởng giả, hai là con gái của Bà La Môn.

Trước tiên, ta nói đến thời quá khứ rất xa xưa, có một vị Phật hiệu là Sư Tử Phấn Tấn đầy đủ Vạn Hạnh Như Lai ra đời. Lúc bấy giờ Địa Tạng Vương Bồ Tát còn là một phàm phu, là một con trai của một vị trưởng giả. Ông ta nhìn thấy tướng Đức Phật rất trang nghiêm đoan chính, lòng rất vui sướng, bèn đến lạy Phật Như Lai mà hỏi rằng: Sao Phật lại có tướng tốt như vậy? Phật trả lời: “Muốn tu có tướng tốt như đây, cần phải phát đại nguyện, vĩnh viễn phải siêu độ mọi đau khổ

của chúng sanh thì mới có thể thành tựu”. Vị con trai của trưởng giả liền thề nguyện trước Phật rằng: “ Con từ nay về sau phàm có chúng sanh trong lục đạo chịu khổ, con phải tìm cách cứu độ, làm cho thành Phật, rồi con mới chịu thành Phật. Nếu trên thế gian này còn có lục đạo luân hồi hay còn có tam đồ ác đạo, thì con vẫn còn là một vị Bồ Tát để hóa độ chúng sanh. Cho nên Địa Tạng Bồ Tát ở trước Phật Sư Tử Phấn Tấn đầy đủ Vạn Hạnh phát tâm thệ nguyện cho đến nay, không biết rằng đã trải qua bao nhiêu đại kiếp không thể nói cho hết. Siêu độ rất nhiều kẻ không thể hết những chúng sinh. Cho nên đến bây giờ vẫn còn là một vị Bồ Tát, chưa chịu thành Phật.

Ta lại nói đến quá khứ rất xưa kia, có Đức Phật hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai xuất thế. Lúc bấy giờ có một vị Bà La môn Thánh nữ, rất tin tưởng Phật pháp, nhưng trái lại Mẹ của vị Thánh nữ lại không tin Phật pháp và còn phỉ báng Tam Bảo. Bởi vậy khi chết phải xuống địa ngục. Thánh nữ biết là Mẹ mình sau khi chết thế nào cũng chịu rất nhiều khổ sở. Do vậy bèn bán hết gia tài để làm nhiều Phật sự, tu sửa chùa tháp Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Có một hôm, thành tâm ý thiết, cảm Phật linh ứng. Bỗng nghe có tiếng vọng từ trên hư không rằng: “Muốn biết Mẹ hiện ra sao, về nhà niệm Phật sẽ rõ”. Thánh nữ về nhà, bèn ngồi trang nghiêm một lòng đọc thánh hiệu của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, đọc một ngày một đêm bỗng linh cảm thấy mình đến một bờ biển, nước trong biển sôi sùng sục, có rất nhiều

người ra vào ở trong đó, bị bọn ác quỷ và độc thú đánh đập cấu xé, khổ cực đủ điều, thảm thiết như thế thật không dám nhìn. Thánh nữ một lòng niệm Phật, cho nên không khiếp sợ chút nào. Lúc đó có một Quỷ vương đến chào đón, Thánh nữ bèn hỏi: “Đây là đâu?”. Quỷ vương trả lời: “Đây là bờ biển địa ngục“. Những người ở thế gian làm những điều sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, tranh tụng, chửi rủa và phạm nhiều tội lỗi. Chết đi sau 49 ngày vẫn không có ai cầu phúc sám hối, thì phải xuống biển này. Phía Đông còn có biển lại càng khổ hơn biển này. Biển phía Đông lại còn có biển nữa lại khổ hơn. Qua ba lớp biển nghiệp mới tới địa ngục, lại càng khổ nữa”. Thánh nữ lại hỏi thêm: “Mẹ ta hiện ở đâu?”, và nói tên tuổi ngày sinh, ngày chết. Quỷ vương xét xong trả lời: “ Khi mẹ cô mới tới phải chịu khổ ở dưới địa ngục, nhưng vì có người con có hiếu cầu phúc, ba hôm trước đã sanh Thiên rồi”. Lúc bấy giờ Thánh nữ như mơ mới tỉnh, biết Mẹ đã được siêu độ, bèn ở trước tháp của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai lập đại thệ nguyện. Nguyện: “Trong tương lai, tất cả những chúng sinh trong tam đồ ác đạo bị tội, thì phải cứu bạt cho tận sạch, cho họ thành Phật rồi mình mới chứng Bồ Đề. Nếu tội nhân địa ngục chưa hết, thì không thành Phật”. Cho nên Địa Tạng Bồ Tát cho đến nay vẫn còn là Bồ Tát.

Chúng ta đã được biết nhân duyên quá khứ của Ngài Bồ Tát Địa Tạng, tưởng cũng nên hiểu rằng, Bồ Tát ở trong quá khứ đã phát ra lời nguyện rất lớn, phải cứu vớt mọi sự đau khổ của chúng sinh và cùng các

chúng sinh sống vui vẻ. Tất cả mọi chúng sinh đều độ hết, sau đó mới thành Phật. Cho nên Địa Tạng Bồ Tát phân thân đầy khắp thế giới. Mỗi thế giới hóa thân thành vạn ức, mỗi thân độ trăm ngàn vạn ức người, làm cho quy hướng về Tam Bảo. Vĩnh viễn lìa khỏi sự đau khổ của sinh tử, đến nơi sung sướng. Cho nên chúng ta mỗi khi đọc danh hiệu Bồ Tát, thường xưng là Nam Mô Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát. Bởi vì Địa Tạng Bồ Tát Nguyên Kinh ghi là: Thích Ca Mâu Ni Phật ở Đạo Lợi Thiên Cung xoa đầu Địa Tạng Bồ Tát, khen ngợi thần lực của Địa Tạng Bồ Tát không thể lường được. Từ bi không thể lường, trí huệ cũng không thể lường được, biện tài cũng không thể lường được, làm cho chư Phật trong vạn kiếp đều khen ngợi mãi không ngừng.

Phật lại còn ân cần kê lại cho chúng sinh thuộc trời người đang ở trong nhà lửa chưa thoát ra tam giới. Căn dặn Địa Tạng Bồ Tát, nếu có những Thiên nhơn, trong Phật pháp có được chút ít căn lành cũng nên phải phù hộ, giáo hóa làm cho tăng trưởng đừng để thoát thất. Nếu có rớt xuống cõi ác, nhưng có thể niệm một câu hay tên một vị Bồ Tát, hay một câu Kinh Kệ trong Kinh điển Đại Thừa, cũng phải dùng thần lực cứu bạt, hiện thân đủ loại đừng để xuống địa ngục, làm cho sinh Thiên hưởng lạc vui vẻ. Ta có thể thấy tấm lòng của Như Lai cứu giúp cho chúng sanh giống như Cha Mẹ yêu thương con cái của mình. Hiểu thấu sự đau khổ của con cái, bèn tìm hết mọi cách để chữa chạy, tuy phải đau khổ cũng không giám than gì, khi lâm chung lại sợ

con cái mất đi sự nương tựa, cố tìm cho được họ hàng hay bè bạn, trịnh trọng gửi gắm cho họ để chết khỏi ăn năn. Chúng ta đọc Địa Tạng Bản Nguyên Kinh, đến đoạn Đức Phật giao phó, mới biết là chúng sinh chúng ta đời ơn Đức Phật nhiều lắm, mãi đến ngày nay chúng ta gây nên những nghiệp chướng, nên chịu quả báo đau khổ. Nhưng Địa Tạng Bồ Tát luôn luôn phù hộ chúng ta, lúc nào cũng chỉ dẫn, nhưng khổ nổi mắt chúng ta chưa mở, không nhìn thấy được dung nhan Đại Sĩ, không nghe được sự giáo hóa của Đại Sĩ, nhưng Đại Sĩ lại độ thoát chúng ta trong sự sinh tử. Chúng sanh chịu ơn giúp đỡ mà không biết, cũng giống như ánh sáng chiếu soi khắp nơi, nhưng người mù thì không được hưởng lợi ích đó, vì chẳng thấy được. Đau đớn thay! Đức Thích Ca Thế Tôn từ bi vô tận. Địa Tạng Bồ Tát được Phật giao phó, thể hiện mọi việc từ bi vô cùng vô tận. Chỉ mong rằng mọi người chúng ta hãy mau ngưng làm việc ác, tu thiện, cung kính Tam Bảo, tự nhiên được Phật và Bồ Tát phù hộ.

Công Đức và Lợi Ích Của Địa Tạng Bồ Tát



Địa Tạng Bồ Tát tuy có mối nhân duyên lớn với chúng sinh trên thế giới, đã có nhân duyên lớn như vậy, vậy thì cúng dường Bồ Tát sẽ được công đức, lợi ích gì ? Trong các chương ở trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện kinh phẩm Diêm Phù Chúng Sinh Nghiệp Duyên, phẩm Như Lai Tán Thán, phẩm Địa Thần Hộ Pháp, phẩm Kiến Văn Lợi Ích và phẩm Chúc Lụy Thiên Nhân đều có tường thuật rất rõ ràng. Bây giờ chúng ta sơ lược đại khái nhắc lại.

Nếu có chúng sinh nào khi nghe đến tên Bồ Tát mà chấp tay hoặc khen ngợi, kính cẩn hay luyến mộ, thì người đó siêu việt 30 kiếp tội. Nếu có chúng sinh nào họa hình Bồ Tát, hoặc đúc hay khắc tượng Bồ Tát bằng vàng, bạc, đồng, hay bằng đá, rồi một lần chiêm ngưỡng lễ bái, thì người đó trăm lần sanh lại trong cõi trời 33 vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo. Nếu là đàn bà mà chán làm thân gái, tận tâm thờ phụng hình tượng Bồ

Tát, cho đến trọn đời, thì kiếp sau thoát khỏi thân gái. Nếu có chúng sinh nào ca hát, tán tụng trước tượng Bồ Tát, Phật, trời nhạc, ca vịnh rồi dùng hương hoa cúng dường hoặc khuyên gọi một hay nhiều người làm theo, thì ngay bây giờ và sau này đều được thiện thần phù hộ, người ấy vĩnh viễn lìa khỏi mọi sự gian nan và tai vạ bất ngờ.

Nếu có chúng sinh nào nằm liệt trên giường bệnh, cầu sống và chết cũng không được, và lại có người đêm nằm mơ thấy ác quỷ vào trong nhà, hay đi đường hiểm trở chơi đùa với quỷ, lâu rồi thành bệnh đêm nằm khổ sở, buồn rầu thâm thảm. Đó là luận theo con đường của nghiệp chưa định là nặng hay nhẹ, cho nên tạm chưa được khỏi bệnh, hay khó xả bỏ thọ mạng. Sự việc đó dưới con mắt phàm tục của chúng ta thì cảm thấy rất khó hiểu. Nhưng nếu ta đối trước Chư Phật, Bồ Tát, lớn tiếng đọc một lượt Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, hay lấy vật dụng đáng quý nhất của bệnh nhân, như quần áo hay châu báu, lớn tiếng nói trước bệnh nhân rằng: “Tôi là bệnh nhân trước kinh và tượng, tôi không tiếc mọi vật này, xả bỏ tất cả để cúng dường in kinh, đúc tượng Bồ Tát, Phật hay xây Tháp và Chùa, hoặc thấp đèn thờ cúng và bố thí cho thường trụ”. Cứ như vậy đọc trước bệnh nhân 3 lần để người bệnh nghe rõ. Nếu bệnh nhân đến lúc hấp hối, từ 1 đến 7 ngày, cứ lớn tiếng xưng bạch như trên và lớn tiếng tụng Kinh này, thì người này sau khi chết, những tội ác dù nặng đến đâu cũng đều được thoát khỏi hẳn.

Nếu có chúng sinh nào thấy có người đọc Kinh này (tức là Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện), một lòng khen ngợi, và cung kính sẽ được ngàn muôn phương tiện. Hãy khuyên họ cần tận tâm đừng thối chuyển, công đức này sẽ không thể lường được. Nếu có chúng sinh nào nằm mơ thấy quỷ thần hiện hình, hoặc khóc lóc hay thở than, hay sợ hãi. Đó đều là do trong quá khứ có những quyền thuộc rơi vào ác đạo chưa được ra khỏi. Không trông mong được phước lực cứu bạt. Nếu đối trước Phật thành tâm đọc Kinh này, hay là nhờ thỉnh người khác đọc 3 hoặc 7 lần, sẽ nhờ công đức đó đều được giải thoát. Từ đó trong giấc mơ không còn thấy quỷ thần nữa. Nếu có người hèn kém, chẳng được tự do biết mà sám hối tội xưa, niệm đọc danh hiệu Bồ Tát ngàn vạn lần, thì thường được tôn quý. Nếu có trai gái mới sanh trong 7 ngày, mà đọc kinh này và niệm danh hiệu Bồ Tát hàng vạn lần, thì hải nhi ấy tội trong đời trước được tận diệt. An lạc lâu dài, tăng thêm phước thọ.

Nam Diêm Phù Đề, chúng sinh có những cử chỉ và ý niệm không đẹp, đó đều là nghiệp chướng và tội ác. Nếu trong 10 ngày chay, tức là mỗi tháng ngày mùng một, mùng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi tám, hai mươi chín và ba mươi vì những ngày kể trên là ngày tập hợp các tội, hãy đối trước tượng Phật đọc một lượt Kinh này, thì bốn bề trong xứ đều lia khỏi mọi tai nạn. Những người cư ngụ trong khu này trong trăm ngàn năm mãi mãi lia khỏi tội ác. Cơm no áo ấm, tai ương đi khỏi, phước

đến, những câu nói ở trên đều là những lời của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói với Phổ Quang Bồ Tát.

Ở tại phía Nam có một nơi thanh tịnh. Có một am đường xây cất bằng vật liệu, đất, đá, tre, gỗ. Trong am nhiều pho tượng hình và Địa Tạng Bồ Tát tạc bằng vàng hay đá đất và gỗ. Thắp hương, thờ cúng, chiêm lễ tán thán, nếu ai ở chỗ đó có 10 điều lợi ích:

Một là Đất đai màu mỡ.
Hai là Người, nhà bình an
Ba là Kẻ chết được sinh Thiên.
Bốn là Giàu sang sống lâu.
Năm là Mọi mong cầu được như ý.
Sáu là Không có tai họa về nước và lửa.
Bảy là Tránh mọi tà ma.
Tám là Tuyệt khỏi ác mộng.
Chín là Ra vào đều có thiện thần phù hộ.
Mười là Thường gặp Thánh nhân.

Đó là những lời của Kiên Lao Địa Thần trình với Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nếu có chúng sinh nào khi lâm chung nghe thấy tên Bồ Tát bằng tai, sau khi chết đi vĩnh viễn lìa khỏi ba đường ác khổ sở, nếu quyền thuộc người đó lấy đồ vật quý giá hay tiền tài của người bệnh, tạc hay vẽ tượng Bồ Tát Địa Tạng. Hoặc có thể khi bệnh chưa lâm

chung được tai nghe mắt thấy sự việc này, thì người này nghiệp báo nặng sẽ được trừ khỏi.

Tôi có một người bạn tên là Hứa Bình Khôn, có đứa cháu ngoại tên là Cố Tồn Tín, từ năm lên 2 cho đến lúc 6 tuổi bị chứng bệnh kết hạch, các thầy thuốc đều bó tay. Lúc đó nghe lời khuyên của Hứa Bình Khôn, người nhà đem những đồ quý giá của đứa trẻ, bán được một số tiền. Rồi trước mặt đứa bé nói ba lần, đem bán những đồ này được 10 đồng. Khôn tạc bức tượng của Địa Tạng Bồ Tát đặt ở giữa sảnh đường dưới nhà. Mỗi ngày kính cẩn lễ bái. Không bao lâu, bệnh tình đứa trẻ không chữa mà khỏi. Đến nay đã 4 năm qua. Tất cả những chứng bệnh lật vật như nhức đầu cảm nóng cũng không có nữa. Ngày mùng 2 tháng 3 năm Dân Quốc thứ 16 (1927) tôi đến thăm Hứa Bình Khôn ở đường Nạp Kim số 283 tại Thượng Hải, được biết đó là chuyện mắt thấy tai nghe. Chứng minh là công đức lợi ích của Bồ Tát Địa Tạng thật không thể lường và còn rất nhiều sự tích linh cảm của Bồ Tát Địa Tạng, qua các thời đại ghi rõ sự thực, có ghi chép tường tận ở trong Linh Cảm Địa Tạng Bồ Tát (Xin các tín hữu hãy đọc kỹ).

Và tuổi thọ lại càng tăng lên, nếu những người ấy nghiệp báo đã hết, vì phạm tội nghiệp, đáng phải xuống địa ngục, thì mọi nghiệp chương sẽ được thuyên giảm, sớm được siêu độ, sung sướng vui vẻ. Nếu có những chúng sinh khi thiếu thời, cha mẹ và anh chị em đều mất, quanh năm nhớ tiếc muốn biết bây giờ họ ra sao?

Người này nếu có thể ở trong một cho đến 7 ngày, tạc hay họa hình Bồ Tát. Nghe tên, thấy hình, kiên trì chiêm lễ thờ cúng, chẳng thối sơ tâm, thì quyền thuộc của người này nếu rớt xuống ác đạo, thì được giải thoát sanh lên cõi người, cõi trời được vui vẻ. Nếu là những người đã được sinh nhân thiên rồi sẽ được chuyển sanh lên hàng Thánh, hưởng thọ sự vui sướng vô cùng. Nếu trong 21 ngày, một lòng chiêm lễ hình tượng và đọc tụng danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát đủ mười ngàn lần thì được Bồ Tát hiện thân, cho biết quyền thuộc ở nơi đâu, hoặc ở trong mộng dẫn gặp người thân. Nếu lại có thể mỗi ngày tụng niệm danh hiệu Bồ Tát một ngàn lần, cho đến ngàn ngày sẽ được Bồ Tát sai khiến quỷ thần hay Thổ Công trong xứ đó hộ vệ. Trong đời này sẽ được mọi sự an lạc, và cũng được Bồ Tát xoa đỉnh thọ ký cho.

Nếu có chúng sinh nào muốn phát lòng từ tâm mà cứu độ chúng sinh, muốn vượt khỏi tam giới, tu vô thượng Bồ Đề, người này nếu gặp được Bồ Tát, nghe danh Bồ Tát, một lòng quy y thờ cúng lễ bái, thì những mong muốn nhất định được mau thành, kể cả những chuyện bình thường cầu gì được nấy. Nếu có chúng sinh nào đọc tụng Kinh điển Đại Thừa mà không dễ thành thuộc lãnh ngộ, nếu nghe tên Bồ Tát, thấy tượng Bồ Tát, kính cẩn dâng hương hoa, mọi cách phụng thờ cung kính thưa thỉnh, lấy một ly nước trong đặt trước tượng Phật, một ngày một đêm sau chấp tay, nhìn về phương Nam trịnh trọng mà uống, uống rồi kiêng rượu thịt, tà dâm, giết hại, và vọng ngữ trong bảy ngày hay

hai mươi một ngày. Người đó ở trong mộng thấy Bồ Tát hiện thân, được gội nước, khi tỉnh giấc sẽ cảm thấy thông minh, nghe đọc Kinh điễn qua tai thì nhớ mãi mãi không quên.

Nếu có chúng sinh nào ăn mặc thiếu thốn, mang nhiều bệnh tật, hay gia đạo bất an, đêm ngủ hay ác mộng đủ loại khổ sở thì cung kính. Xưng danh hiệu Bồ Tát đủ mười ngàn lần, tự nhiên tai nạn sẽ đi, phước đức sẽ đến. Nếu có chúng sinh nào trước khi có việc phải vào rừng và vượt biển, trước khi đi phải tụng niệm danh hiệu Bồ Tát một vạn lần, thì sẽ được quý thân Thổ Công phù hộ, miễn được mọi sự nguy nan. Những sự việc kể trên đều là lời nói của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nếu chúng sinh nào thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, hay nghe thấy tiếng tụng Kinh, hay tụng niệm và thờ phụng, cúng dường những đồ ăn thức uống, quần áo và những đồ quý giá, thành tâm cúng bái đánh lễ thì sẽ được 28 thứ lợi ích:

1. Là Thiên Long hộ niệm.
2. Là Quả lành thiện càng ngày càng tăng.
3. Là Gặp các bậc Thánh.
4. Là Bồ Đề chẳng thối.
5. Là Y thực phong túc.
6. Là Các tật bệnh không đến.
7. Là Rời xa thủy và hỏa tai.
8. Là Không có bị nguy về đạo tặc.

9. Là Ai thấy cũng đều kính mến.
10. Là Quỷ thần hộ trì.
11. Là Nữ chuyển thành nam.
12. Là Con gái Vua chúa.
13. Là Đoan chính tướng tốt.
14. Là Đa sanh Thiên thượng.
15. Là Hoặc làm Đế vương.
16. Là Túc trí mạng thông.
17. Là Hữu cầu giai tòng.
18. Là Quyển thuộc sung sướng.
19. Là Mọi chuyện đều tiêu diệt.
20. Là Nghiệp đạo vĩnh trừ.
21. Là Nói đi đều thông.
22. Là Đêm nằm an lạc.
23. Là Tiên vong ly khổ.
24. Là Chứa phước suốt đời.
25. Là Chư Thánh tán thưởng.
26. Là Thông minh lợi căn.
27. Là Có lòng từ mẫn.
28. Là Sau cùng thành Phật.

Nếu chúng sinh nào lễ bái chiêm bái lạy hình tượng Bồ Tát hay khen ngợi những việc làm trong Địa Tạng Bản Nguyên thì sẽ được 7 điều lợi ích như sau :

1. Là Mau tới đất Thánh.
2. Là Ác nghiệp tiêu diệt.
3. Là Chư Phật phù hộ.
4. Là Bồ Đề không giảm.
5. Là Tăng trưởng bản lực.

6. Là Túc mạng đều thông.
7. Là Cuối cùng thành Phật.

Những điều này đều là do Đức Phật Thích Ca nói với Hư Không Tạng Bồ Tát.

Còn có điều rất quan trọng, tức là trong phẩm Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện xưng Danh Hiệu đã ghi rõ Địa Tạng Bồ Tát không đợi Phật hỏi, tự mình trình trọng thưa với Phật rằng: Nếu có chúng sinh nào xưng niệm Phật danh hiệu, có thể giảm vô lượng tội, được vô lượng phước. Vậy thì Chư Phật quá khứ như Vô Biên Thân Phật, Sư Tử Hống Phật, Ca Sa Tràng Phật, Bảo Tánh Phật, Bảo Tướng Phật, Bảo Thắng Phật, Tịnh Nguyệt Phật, Mãn Nguyệt Phật, Nguyệt Diện Phật. Nếu được nghe danh hiệu Chư Phật trong khảy móng tay rồi phát tâm quy y, ở vô thượng đạo, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.

Nếu người ấy mạng chung, người nhà thay thế lớn tiếng niệm Phật, người mạng chung được trừ đi mọi trọng tội, hưởng hồ là tự mình niệm Phật. Ta thấy rằng Chư Phật Bồ Tát rất thương yêu chúng sinh, còn hơn là Cha Mẹ thương con cái, phàm có nhớ nghĩ, sẽ được hóa độ. Còn có một vị Phật A Di Đà, rất từ bi. Thế giới của Đức Phật này gọi là Tây Phương Cực Lạc, chỉ cần niệm đọc câu Nam Mô A Di Đà Phật đời ta sẽ được 10 thứ lợi ích công đức. Khi sắp chết thì Phật đến tiếp dẫn. Từ đó thoát khỏi những khổ đau luân hồi. Như có người chí tâm niệm một tiếng Thánh hiệu sẽ được diệt

80 ức kiếp sinh tử trọng tội. Ta nên biết rằng niệm A Di Đà Phật được công đức rất lớn:

1. Là vì A Di Đà Phật đã từng phát đại nguyện tiếp dẫn chúng sinh về Tây Phương, thế giới Cực Lạc. Vì vậy chúng ta với thế giới Cực Lạc có mối nhân duyên rất lớn.

2. Là vì A Di Đà Phật là pháp giới tạng thân, có công đức của Chư Phật trong mười phương. A Di Đà Phật là một vị Phật có đầy đủ tất cả, cũng giống như lưới báu, ngàn hạt châu xâu thành một xâu, một hạt lại xâu thành ngàn hạt châu, không thừa không thiếu. Cho nên công đức của việc niệm Phật A Di Đà rất lớn. Ta nên biết rằng, các công đức và những sự lợi ích khác, phàm những việc có liên quan đến phước báu sau này, dù có hưởng trọn một ngày, chúng ta chỉ niệm A Di Đà Phật, không những kiếp này được hưởng ngay phước báu, mà sau khi đến Tây Phương Cực Lạc vĩnh viễn không thay đổi, vĩnh viễn siêu thoát lục đạo luân hồi, trọn vẹn xa rời khỏi sanh tử. Chúng ta thường tụng niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát và chuyên tâm một lòng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, sau này được hưởng những niềm vui thật là vô cùng vô tận.

Ứng Cơ Chỉ Bày Của Địa Tạng Bồ Tát



Địa Tạng Bồ Tát thường tùy theo căn cơ giáo hóa chúng sinh. Ngàn vạn lần kỹ lưỡng dặn dò, chúng ta phải hiểu rõ lẽ phải nhân quả, để khỏi bị đau khổ. Bởi vì nếu chúng ta trồng nhiều căn lành, sẽ hái được quả tốt, trồng nhân ác sẽ nhất định bị quả ác. Giống như trồng bí được bí, trồng đậu được đậu, quyết định luật đó nhân quả không sai, cho nên Bồ Tát gặp kẻ giết người, nói là sẽ bị quả báo đoan mệnh, kẻ trộm cướp sẽ bị quả báo khổ, những kẻ tà dâm sẽ đọa làm chim bồ câu, uyên ương báo. Những kẻ độc ác phỉ báng người sẽ bị lưỡi mọc mụn khô báo, những kẻ giận hờn sẽ gặp quả báo xấu xí, những kẻ bòn sên gặp quả báo cầu chẳng được. Kẻ bất hiếu với Cha Mẹ sẽ gặp quả báo tại trời sát hại. Phỉ báng Tam Bảo sẽ gặp quả báo cầm điếu. Kẻ săn bắn háo sát sẽ gặp quả báo phải luân hồi xa cách. Kẻ ngạo mạn tự cao sẽ gặp quả báo hèn hạ như gặp những kẻ tội nhân. Bồ Tát sẽ nói cho họ biết

quả báo của mọi thứ tội, nếu những kẻ tội lỗi đó, mà không biết sám hối, sau khi bị quả báo, khi chết đi còn phải xuống địa ngục chịu mọi sự khổ sở. Người đời phần nhiều chỉ biết hơn thua trước mắt, không hiểu luật nhân quả, làm những điều phi pháp không còn biết luật nhân quả là gì. Quả thực không biết sự đau khổ mai này ra sao ? Thật là điều đáng thương và đáng tiếc.

Nên biết rằng luật báo ứng chia làm 3 loại: Loại thứ nhất là hiện báo, tức là làm những chuyện thiện ác trong đời này của mình, phước hay họa cũng đến ngay trong đời này. Loại thứ 2 là sinh báo trong đời này, làm việc thiện hay ác, để đến đời sau sẽ gặp được phước hay họa. Loại thứ 3 là hậu báo, đời này mình làm những việc thiện hay ác, phải đợi đến đời thứ 3, thứ 4, hay hàng ngàn vạn kiếp hoặc cho đến vô lượng kiếp mới biết phước hay họa. Nói tóm lại, phạm những ai tạo nghiệp chướng, không có lẽ gì là không có quả báo. Trong đời này những người gặp tai ương, nếu không oán trời thì trách người, không chịu nghĩ đến trả nợ của tiền kiếp mà hỏi hận. Loại người này chỉ nhìn thấy lành dữ trước mắt, có lúc ngẫu nhiên làm một việc thiện mà gặp họa thì cho là không nên làm việc thiện. Có khi làm những điều ác phước thì cho rằng làm việc ác cũng không đáng ngại. Vì họ không hiểu luật báo ứng của việc thiện ác, không phải việc một sớm một chiều mà là việc tích lũy từ nhiều đời. Thí dụ như mùa Đông băng tuyết đóng dày 3 thước, đâu phải chỉ do một ngày lạnh mà kết thành. Họ chỉ biết tính toán sự lợi ích của nhất thời trước mắt. Cho nên tham lam làm những việc hại

người, ích kỷ, người đòi nay phần nhiều là không có tâm từ. Như vậy trách sao cho khỏi thiên hạ lại đến mức độ này.

Trong 10 năm nay, một trận đao chiến miền Tây Dương, tử thương cả ngàn vạn người, chết đói mấy trăm triệu người. Ngay các tỉnh ở Trung Quốc, thiên tai nhân họa chết quá triệu người. Một trận động đất tại Nhật Bản chết khá nhiều vạn người. Ta thử nghĩ chỉ trong khoảng 10 năm mà đã tai hại như vậy, lòng người trước kia so với lòng người ngày nay tốt hơn nhiều, là vì phần nhiều tin ở đạo lý nhân quả. Cho nên hơn một trăm năm mười năm được thiên hạ thái bình thật không có gì là đáng kể. Người đời chỉ biết lòng người hiện nay so với cổ nhân ngày xưa thì hư đốn, thế đạo hiện tại không bằng ngày xưa, chúng ta có thể biết đó là đạo lý của nhân quả. Đó là một sự thật rất minh bạch. Một thế giới như vậy, một gia đình hay một con người cũng như vậy. Từ cổ chí kim không thiếu gì những chứng cứ thật hiện ra. Như vậy còn chưa tin ư? Ta hãy nhìn những người trên thế giới này, có kẻ nghèo có người giàu, có người khổ có người sướng. Có người mạnh cũng có kẻ yếu: Có người đẹp cũng có người xấu. Có người khôn cũng có người dại, đều không giống nhau. Trong đó nhất định có một lý do. Lý do đó là nhân quả. Đời người thế nào cũng có sự chết, nhưng chết đâu có xong, thế nào cũng có đời sau. Tức đã có đời sau thì thế nào cũng có luân hồi, đã có luân hồi thì thế nào cũng có đạo lý nhân quả, làm chủ trong đó.

Địa Tạng Bồ Tát từ bi vô cùng, chỉ muốn mọi người đời lìa khỏi đau khổ, được sung sướng, cho nên tìm đủ mọi cách khuyến hóa mọi người hiểu rõ đạo lý nhân quả. Đã như vậy thì chúng tôi nhân dịp này khẩn thiết kêu gọi mọi người cần phải hiểu rõ đạo lý nhân quả, cần phải biết trong các tội nghiệp, sát sanh là nặng nhất. Mọi người chúng ta cần phải ăn chay niệm Phật. Nếu hiện thời chúng ta chưa thể ăn chay được thì tốt hơn hết là đừng sát hại sinh mạng.

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục



Lời thệ nguyện sâu xa của Địa Tạng Bồ Tát bao la. Mỗi nhân duyên của Ngài với chúng sinh trong các cõi thế giới rất là rộng lớn. Có lúc Ngài xuống địa ngục để cứu vớt những kẻ có tội. Thánh tích linh cảm của Ngài rất nhiều và lan tràn khắp nơi. Tiếc rằng người đời ghi chép lại rất ít.

Mùa Đông năm qua tôi ngẫu nhiên có dịp được đọc Tục Tạng Kinh, được biết là có Sa Môn Thường Cẩn ghi lại vào đời nhà Tống. Cuốn sách tập trung những việc linh nghiệm ghi lại Địa Tạng Bồ Tát thành một quyển. Chuyện linh cảm của Ngài ghi rất nhiều ở dưới đời nhà Đường và nhà Tống, cũng chưa thấy được đóng thành sách để phổ biến, cũng vì thời gian quá lâu và xa xưa, người ghi chép có thể có rất nhiều sai lầm về sự duyệt xét lại, vì vậy nên tập truyện được tu chỉnh lại ít nhiều.

Nay sao lại được mười tám chương để công bố.
Mong rằng người thấy kẻ nghe, đem lòng tin tưởng,
cúng dường, xưng niệm sẽ được phước lợi vô biên.

● Lý Viên Tịnh.

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục Mục Thứ



1. Vẽ tượng khỏi hiểm nguy.
2. Nghe danh khỏi tù tội.
3. Giúp Cha sanh Thiên.
4. Niệm danh hiệu Đức Địa Tạng khỏi bị quý.
5. Thờ pháp sống lại.
6. Đổi nhà thành Chùa.
7. Nhờ Đức Địa Tạng, cứu thoát nạn cọp xé.
8. Khắc tượng Địa Tạng, cầu siêu cho thân mẫu.
9. Dịch lớn chẳng lo.
10. Niệm danh hiệu Địa Tạng khỏi nạn binh đao.
11. Được gặp Mẹ hiền.
12. Lửa tắt, được sống.

13. Đồi chết yểu, sống lâu hơn.
14. Cầu phước được vàng.
15. Phóng quang tiêu trừ tật bệnh.
16. Cầu nguyện được mọc răng.
17. Con thảo gặp của quý.
18. Bồ Tát hóa thân

Vẽ Tượng Khỏi Nguy Hiểm



Đời Nhà Lương ở Hán Châu thuộc huyện Đức Dương, Chùa Thiện Tịch. Trên bức vách ở phía hành lang phía Đông Chùa có một bức họa do Trương Tang Dao vẽ tượng Địa Tạng Bồ Tát, hình dáng như một Tăng nhân, khoác áo ngời nghiêm chỉnh, thường có ánh sáng tỏa ra khác thường. Lân Đức nguyên niên đời nhà Đường, có vị Sư trong Chùa vẽ theo kiểu bức tượng cũng có ánh sáng tỏa ra.

Lân Đức năm thứ ba lúc Vương Ký đi nhận nhiệm sở ở Tư Châu chức sử, cũng thường tập vẽ bức tượng đó và rất thành tâm tôn thờ. Lúc đó đoàn thuyền 10 chiếc cùng đi, giữa đường gặp cơn gió bão nổi lên, chín chiếc bị đắm, duy chỉ có thuyền của Vương Ký là bình yên vô sự. Rõ ràng là được Bồ Tát Từ Bi phù hộ. Vương Ký thành kính phụng thờ.

... Cũng năm thứ ba Bà Thiên Hậu được biết chuyện này, bèn ra lệnh cho họa sĩ phóng theo vẽ bức tượng đó, cũng lại có ánh sáng tỏa ra như trước.

Đến năm Đại Lịch nguyên niên, có vị Đại Đức ở Chùa Bảo Thọ thấy bức tranh trong đạo tràng cũng tỏa ánh hào quang, bèn viết sớ tâu nhà Vua. Vua cũng thành tâm đánh lễ và ca ngợi vô cùng. Bức tượng thường tỏa ánh hào quang thì quốc gia an lạc.

Lại có một thương gia, vợ mang thai 28 tháng mà chưa sanh, một ngày kia thấy ánh sáng trong bức tranh vẽ hình Địa Tạng tỏa ra, bèn quyết tâm một lòng cung kính mô phỏng vẽ hình Bồ Tát Địa Tạng, đêm đó liền sinh một đứa con trai, khôi ngô tuấn tú ai trông thấy cũng yêu mến. Đó là nhờ ở ánh sáng vi diệu của Bồ Tát vậy.

Nghe Danh Khởi Tù Tội



Đời nhà Đường ở Ung Châu, huyện Vân, có một người đàn bà, thường hay ăn chay cúng Phật, rất có lòng tin. Trong nhà có cung phụng một pho tượng Địa Tạng Bồ Tát tạc bằng gỗ, cao một thước sáu, rất là linh ứng. Lý Thị có nuôi một tỳ nữ, tuổi trên 50 thường tà kiến không tin ở chánh pháp. Một ngày kia chờ Lý Thị có việc vắng nhà bèn đem bức tượng bỏ ra ngoài hoang vu ở sân ngoài nhà. Khi Lý Thị trở về, bèn khóc lóc tìm kiếm. Bỗng thấy bãi hoang trước nhà có ánh sáng tỏa ra, vui mừng ra rước bức tượng về, nhưng không biết người Tỳ Nữ đã làm việc ấy. Ngày hôm sau người Tỳ Nữ ngất đi, bất tỉnh, sau đột nhiên tỉnh lại, khóc lóc hối hận, tự mình kể lại sự việc đã làm rằng: “Khi tôi chết thấy hai quan nhân cưỡi ngựa, đọc quan điệp, tôi phạm tội lớn vì đã hủy hoại và làm nhục Thánh Tượng”. Nay phải trói đi để chờ Vương khiển trách và phạt giáng xuống địa ngục chịu tội. Lúc đó có một vị Thầy bước vào. Vua mời ngồi rồi kính cẩn hỏi nguyên do. Thầy ấy đáp rằng: “

Người này là Tỳ Nữ của đàn việt tôi, tuy làm nhục tượng của tôi nhưng tôi không nở trách phạt, mong Vua ra ơn ban cho mệnh thọ”. Vua nói rằng: “ Tôi xin làm theo ý Thầy”. Lúc đó tôi hối hận vô cùng, tôi bèn khẩn rằng: “Nam Mô Địa Tạng Đại Bồ Tát”. Liền đó các tội nhân trong sảnh đường cũng đồng thanh tụng niệm, khóa tay tự mở. Thầy ấy dắt tay tôi ra khỏi ngoài sảnh đường. Tôi bèn tỉnh lại.

Lý Thị nghe xong lại càng kính trọng pho tượng. Từ đó những người trong huyện lại càng tín ngưỡng hơn trước.

Giúp Cha Sanh Thiên



Thời nhà Đường thuộc Châu Phủ, có Bà nội của vợ Thứ Sử quy kính Đức Địa Tạng Đại Sĩ, lòng tin rất chân thành, duy có Cha Mẹ ruột chưa có sanh tín tâm, Bà nội vì Cha Mẹ bỏ tiền ra mà tạc một pho tượng Địa Tạng Bồ Tát màu vàng, cao ba thước, thành tâm cung phụng. Lúc đó Cha nàng vì có việc phải đi xa, Mẹ nàng ở nhà một mình. Đêm đó có kẻ trộm định ăn trộm quần áo, nhìn vào khe cửa thấy Địa Tạng Bồ Tát ngồi nghiêm trang. Ngày hôm sau tên trộm đó cải trang đến nhà thăm dò thì thấy có mình mẹ của Tổ Thị, đâu có thấy Thánh Tượng gì, nên lấy làm lạ, bèn tự thú tội lỗi của mình. Trong lòng hổ thẹn và kể lại thấy chuyện đêm hôm trước.

Sau Cha nàng đi Phủ Châu, dọc đường bị kẻ thù vây đánh chém giết, bỗng có một vị Thầy áo màu vàng lấy tay đỡ dao, lấy đầu đón giáo, bị hại nằm dưới đất. Lúc đó kẻ thù tưởng rằng đã chết bèn rút đi, nên Cha nàng tránh khỏi bị hại. Ông lấy làm lạ, về nhà kể lại chuyện đó cho con nghe, sanh tâm hy hữu cùng đến Phật Đường lễ bái, thấy đầu pho tượng có vài vết dao,

màu vàng phai nhạt chút ít, hình như có rướm máu. Bà nội biết ngay đó là Bồ Tát Địa Tạng đỡ đòn chịu ba nhát dao để cứu nạn cho Cha nàng. Cha nàng liền sinh chánh tín và đón Mẹ đến nhà, ngày đêm cung phụng. Ba người ngày đêm lễ bái cúng dường. Cha nàng sống đến bảy mươi chín tuổi mới mất, ba mươi lăm ngày sau, Bà nội nằm mơ thấy Cha hiện về, mình mẩy sáng sủa đứng lơ lửng trên không, bay bổng tự nhiên sanh tâm hy hữu, quỳ lạy mà hỏi rằng: “Con hiện sống ở đâu?”. Đáp rằng: “Sống ở tầng trời thứ tư cùng với các đồng sự đều là bồ xứ. Người trời phần nhiều là nhờ Bồ Tát Địa Tạng hướng dẫn. Bà mẹ thọ đến ba mươi lăm năm sau, còn con thì sống được 25 năm. Chồng nàng sống được 28 năm.” Nói xong biến mất. Từ sau Mẹ và chồng nàng tất cả rất ứng nghiệm như lời Cha đã nói.

Từ đó dân làng cả Châu đều nô nức tạc hay vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát để phụng thờ. Mọi người đều được hưởng linh nghiệm che chở của Bồ Tát.

Niệm Danh Hiệu Đức Địa Tạng Khỏi Bị Quỷ



Đời nhà Đường có cư sĩ Lý Tín Tư, người xứ Lư Thủy, cả gia đình gồm hơn 30 người, bị ma quỷ quấy nhiễu. Lần lượt bị ốm đau, có người thổ huyết, lại có kẻ ngất đi. Lúc đó Tín Tư rất là phiền não, hỏi chư Tăng phương pháp giải cứu. Vị Thầy ấy suy nghĩ rất lâu và nói rằng:

Khi Đức Phật còn tại thế ở chân núi Tỳ Phú La, trong nhà trưởng giả Kiều Đề, cũng bị ác quỷ quấy nhiễu, trong gia đình chừng 500 người. Lúc đó ai nấy đều bệnh khổ cả 10 ngày chưa tỉnh lại. Khi đó ngài Địa Tạng Bồ Tát vân du đến nhà trưởng giả, khi đó Ngài sinh lòng từ bi niệm chú cứu vớt, yêu ma được trừ đi. Mọi người được yên ổn, các người nên theo phương pháp đó, quy y Địa Tạng Đại Sĩ, nhất tâm xưng danh. Suy nghĩ tin theo và làm theo, vẽ hình Bồ Tát. Từ đó trong 50 năm, huyện Lư Thủy không ai bị ma quỷ quấy nhiễu nữa.

Thờ Pháp Sống Lại



Đời nhà Đường ở núi Trung Sơn, thuộc Chùa Khai Thiện, có pho tượng Bồ Tát Địa Tạng cao ba thước, hào quang bốn thước rưỡi, đã lâu năm không biết ai là người tạc tượng này. Sau này có ông Đặng Tông Đô Đốc Dương Châu, năm 61 tuổi bị bệnh thường mà chết, ngực còn ấm thoi thóp thở nên thân nhân chưa dám vào liệm. Đến đêm chợt tỉnh lại, ngày đêm thương khóc, bèn bảo người nhà đi dắt ông đến Khai Thiện Tự, hỏi một Tăng rằng: “Trong tự có một pho tượng Địa Tạng Bồ Tát, cao ba thước, hào quang bốn thước rưỡi, ở đâu? Tôi muốn đến để cúng bái và phụng thờ”. Chư Tăng nghe theo lời tìm kiếm, sau tìm thấy, Đặng Tông kính bái rồi ngỏ ý xin rước pho tượng về phụng thờ. Vị Tăng hỏi: “Tại sao?”. Đặng Tông đáp rằng: “Lúc tôi chết thì thấy một vị quan tứ phẩm, tôi bị dẫn tới trước một vị Vua và Vua, nói rằng: “Người không thể chết, phụng pháp là việc gia nghiệp của người, phải sống mà trở lại nhân gian, con đường âm phủ rất đáng sợ, người không thể biết được, người có muốn thấy địa ngục không? “Tôi nói có”. Vị Vương

bèn cho gọi một vị quan mặc áo màu lục đến, theo vị Vua ra ngoài thành, đi theo hướng Đông Bắc khoảng năm hay sáu dặm, có một tòa thành bằng sắt, cửa đóng, dần dần mới nhìn thấy ánh lửa mãnh liệt. Trong ngục cả trăm ngàn tội nhân đang chịu khổ.

Lúc đó có một vị Tăng vào ngục, hàng phục lửa cháy, giáo hóa các tội nhân. Lửa dần dần dập tắt. Lại đi đến một thành sắt khác, trong đó có mười tám tầng địa ngục, sự cực khổ của các tội nhân không thể nói hết được, lại thấy vị Tăng lại giáo hóa các tội nhân như trước. Sau khi du lãm ra về, vị Tăng ấy từ trong địa ngục ra hỏi rằng: “Người biết ta là ai không?”. Tôi trả lời là không biết. Vị Sa Môn đó nói rằng: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát ở Khai Thiện Tự đây. Trước kia có một vị thầy tên là Trí Tạng Pháp Sư có đồ đệ là Trí Mãn Pháp Sư, vì muốn cứu khổ tam đồ chúng sinh nên đã khắc tượng của ta. Ta thuận theo nên mỗi ngày một giờ vào mười tám tầng địa ngục và vô lượng tiểu địa ngục giáo giới khai Đạo. Những kẻ trước đã trồng thiện căn, thiện lực mạnh hơn phát tâm lập tức thoát khổ. Ngoài ra những kẻ đoạn thiện căn, tà độc ăn sâu, bất tri bất giác, khó thoát khổ ải. Còn ở trên đời những kẻ thiện căn yếu kém, còn dễ hóa độ, nếu một khi đi vào đường ác, Thánh lực cũng không thể cứu bạt được, ác tính vẫn như cũ, vì ác nghiệp quá nặng. Những kẻ bất giác này, nếu sau này có lòng hối cải, nhờ pháp lực thoát khỏi đau khổ ở địa ngục, sẽ sớm được về nhân gian. Hãy tuyên cáo cho mọi người biết, liền chiêm ngưỡng vị Tăng ấy, thân cao ba thước, đỉnh đầu tỏa hào quang

sáng chói chang. Vị Tăng đó dạy cho hai câu kệ rằng: “Nếu ở nhân gian mà tu đạo, xiên đề có tâm cũng có thể phát. Nếu vào ác đạo nghiệp, đã sâu. Trong tâm không phân biệt, không thể cứu được. Như kẻ già nua muốn đi đứng, nếu dùng lực mà đi thì dễ tiến bước. Nếu nằm yên chẳng cựa quậy không đủ sức thì nghiệp định chúng sinh cũng như vậy”. Vị Tăng đọc xong hai câu kệ rồi biến mất.

Tôi nằm trên giường bệnh nhớ kỹ việc này, sợ có sự sai trái nên chẳng dám nói cho ai hay. Nay được thấy bức tượng hoàn toàn giống như mắt thấy, vì nguyên do như vậy, cho nên muốn thỉnh rước về nhà cung phụng. Vị Tăng trong Chùa nghe vậy rất vui mừng, khen ngợi và nói rằng: “Có thể mô phỏng tạc tượng này, nhưng không thể rước đi”, đành rước thờ tạc tượng rước về cung phụng. Còn pho tượng này vẫn để nguyên trong Khai Thiện Tự.

Đôi Nhà Thành Chùa



Đời nhà Đường ở Giản Châu, huyện Kim Thủy, có ông Thị Lang họ Đặng, từ xưa đến nay rất tin đạo Phật. Một ngày kia thấy một cây gậy trên đầu có khắc tượng một vị Thầy, bèn đem về nhà, cắm ở vách. Hai ba năm sau ông bỗng bị bệnh chết đi, nhưng ngực còn hơi ấm nên người nhà nghi mà chưa khâm liệm. Qua đêm sau, ông tỉnh lại, khóc nước mắt chảy ròng kể rằng: “Lúc ta mới chết có hai người cưỡi ngựa dắt ta vào cửa của một thành lớn. Trước sảnh đường, thấy rất đông người đang bị xiềng xích. Vị Vua đang tức giận, đang muốn chât vắn tôi. Lúc đó có một vị Sa Môn, tướng mạo xấu xí, bước vào sảnh đường. Vị Vua vội cung kính đứng dậy, chấp tay quỳ lạy nói rằng: “Đại Thánh vì sao Ngài đến đây?” Sa Môn nói: “Thị Lang này là đàn việt của tôi, Vua nên tha cho y”. Vua nói: “Nay đã quyết định, số đã tận, thực lộc đã hết, khó mà tha thứ được”. Sa Môn nói: “Trước kia ta ở trên Thiện Pháp Đường ở cõi trời thứ 33, Đức Phật đã phán cho ta được cứu những định nghiệp của kẻ có tội. Từ bấy lâu nay, hưởng chi gã Thị Lang không phạm trọng tội, sao

lại không cứu được? Vua nói: “Đại Nguyên của Đại Sĩ vững chắc bất động như núi Kim Cương, tôi tuân theo lời chỉ thị, tha cho y trở về nhân gian”.

Sa Môn rất vui mừng dắt tay tôi, dẫn vào đường sống. Khi đang muốn ra đi, tôi hỏi rằng: “Thầy cứu tôi là đại ân nhân của tôi, thỉnh cho biết pháp hiệu để nhớ ơn?” Vị Sa Môn trả lời rằng: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát, xưa kia Thị Lang dọc đường có nhặt được cái gậy có khắc tượng của tôi, tuy chưa rõ biết, đem về cắm trên vách, vì niềm vui của trẻ mà khắc tượng trên đầu cây gậy. Mới khắc nửa chừng được đầu gậy, còn chưa xong nên hình dung xấu xí, Thị Lang còn nhớ không?” Nói xong thì biến mất.

Thị Lang tỉnh dậy, thấy cây gậy cắm trên vách chỉ còn đoạn đầu, bèn thuê thợ lấy gỗ đàn hương tạc lớn lên năm tấc. Pho tượng thường tỏa ánh sáng soi khắp cả gian phòng. Thị Lang lại tạc thêm một pho tượng lớn hơn, bỏ nhà làm Chùa gọi là Địa Tạng Đài phụng thờ tượng nhỏ bên trong để thập phương thiện nam tín nữ xa gần chiêm ngưỡng.

Nhờ Đức Địa Tạng Thoát Khỏi Nạn Cọp Xé



Vào đời nhà Đường, ở Hoa Châu, Huệ Nhựt Tự có một vị Thầy tên là Pháp Thượng. Năm ba mươi bảy tuổi xuất gia. Khi còn ở nhà thường đi săn. Có một hôm, thấy trong bụi cây ánh sáng tỏa ra, lấy làm lạ, bèn xuống ngựa đi đến xem, chỉ thấy một khúc gỗ mục dài hơn một thước, bèn đem về nhà. Sau lại đi săn, thấy cây gỗ độ nọ lại tỏa sáng bèn lấy làm lạ, bèn nhặt khúc gỗ để gác trên cành lại. Trở về dọc đường gặp Hồ, bèn phóng ngựa đuổi theo. Dây cung bị đứt, không có dây cung. Con Hồ trở lại hoảng sợ chạy trốn, rồi sợ quá ngã ngựa. Tự nghĩ rằng thế nào cũng bị Hồ vồ, chắc chắn không thể tránh. Đang lúc hoang mang thấy một vị Thầy hình dáng xấu xí đến đánh đuổi con Hồ. Tôi hỏi Thầy là ai? Vị ấy bảo rằng: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát, khúc gỗ mục ở bụi cây đó là thân ta. Trước kia Tăng Tô phụ của người đã từng lấy cây này xây cất Chùa, tạo tượng. Nay Chùa đã bị hư hại, tượng ta cũng bị mục.

Chỉ còn ruột cây, người thấy ánh sáng của ta nên đến cứu người.”

Sau khi tỉnh giấc, chỉ thấy tiếng ngựa hí, không còn thấy bóng con Hồ nữa, vô cùng hối tiếc bèn ở chỗ tỏa ánh sáng, kiến tạo một căn Tịnh xá, khúc gỗ mục tạc tượng Địa Tạng Bồ Tát, tiếp tục hương đăng thờ phụng, tức là Tuệ Nhật Tự vậy. Vào ngày 24 tháng 2 Pháp Thượng được 78 tuổi nói với các bạn rằng: “ Ngài Địa Tạng Bồ Tát đến nhà ta nói rằng: “ Người là ở trong pháp hội của Từ Thị Như Lai ba lần thuyết pháp. Trong lần thuyết pháp thứ hai, người là kẻ đắc đạo, hôm nay xả thọ, liền sanh Đạo Lợi.” Tôi bạch Đại Sĩ rằng: “Trên trời có cảnh giới ngũ dục, rất là sung sướng, nếu mất Bồ Đề, khó mà gặp Phật. Nay nguyện vãng sanh Tây Phương nơi thế giới An lạc.” Bồ Tát trả lời: “ Tùy theo ý nguyện của người, nếu muốn vãng sanh Tịnh Độ phải niệm A Di Đà Phật một ngày một đêm, chuyên tâm trì chí mới được vãng sanh”. Được tới Bồ Tát , từ hôm qua chuyên niệm A Di Đà Phật. Nay được vãng sanh, nói rồi chấp tay hướng về Tây Phương rồi mất.

Khắc Tượng Tiến Thân



Hồi triều nhà Đường, có một người thiếu nữ con của quan Đô Đốc họ Trần ở nước Tàu. Nàng mồ côi Mẹ hồi thuở còn nhỏ, đêm ngày rầu rĩ nhớ thương không biết làm sao thấy được Mẹ, nên không còn cái hy vọng sống đời, chỉ một lòng quyết hủy mình, dâng xuống suối vàng tìm Mẹ mà thôi. Quan Đô Đốc thấy tình cảnh ấy, thiết như dao cắt ruột, như bị muối xát vào lòng, song ngài cũng ráng làm tỉnh mà dùng lời an ủi rằng:

- Con ơi! Hết thấy nhân loại trên thế giới này, không ai là người chẳng muốn sống, nhưng vì số thọ yếu chẳng đồng, cuộc hiệp ly có khác, kẻ giàu lại chết sớm, người nghèo thì sống lâu, là bởi chỗ tạo nhân sai biệt mà xưa nay chẳng có ai cải theo ý muốn của mình được. Hướng chi Mẹ của con tuy mất rồi, thì đạo làm con cũng đồng một tâm lý biết thương mến buồn rầu, phải toan liệu cách nào choặng lưỡng toàn. Chớ nay con rước lấy sự bi quan vào lòng, rồi bỏ ngủ, bỏ ăn, bỏ uống, quyết làm cho chết thân con mà để lại cho cha

thêm một mối buồn rầu nữa, thì thiệt hại cho cái sống trong lúc tuổi già của Cha nhiều lắm. Vậy nếu con nhớ thương Mẹ của con thì con nên tạo tượng Đức Địa Tạng như trong kinh Phật đã dạy, đặng đêm ngày lễ bái cầu nguyện cho vong linh của Mẹ con sớm thoát khỏi khổ luân, sanh về Cực Lạc. Như vậy thì con cũng trả được cái công lao mười tháng cru mang, ba năm bú mớm.

Ông khuyên nói như thế rồi, bèn xuất ra năm trăm quan tiền, mướn thợ khắc tượng Đức Địa Tạng cao ba thước, và đặt bàn hương án nghiêm trang nơi phòng của vợ ông nằm khi trước, rồi để con gái của ông chiêm ngưỡng Thánh nhân mà tụng kinh niệm Phật.

Từ khi đó nàng mới an tâm, sớm chiều chí tâm cầu nguyện cho Mẹ hết khổ được vui, tiêu diêu Lạc Quốc. Một đêm nọ, sau giờ tụng kinh niệm Phật, nàng đương lúc ngủ, bỗng chiêm bao thấy một vị Tăng nói với nàng rằng: “Hồi khi ta thọ thân nữ nhân, Cha ta là Thi La Thiện Hiện, Mẹ ta là Duyệt Đé Lợi, bị khổ nơi địa ngục hết sức nặng nề, ta bèn phát tâm Bồ Đề thế nguyện cứu độ hết thảy những chúng sanh bị khổ, đặng đem công đức ấy mà hồi hướng cứu cho Cha Mẹ được siêu thoát. Nay ta cảm tấm lòng chí hiếu của nàng, nên ta thân hành vào địa ngục, thuyết pháp mà độ thoát cho vong mẫu của nàng được sanh lên cõi trời Đạo Lợi rồi”.

Trần nữ là con gái của quan Đô Đốc, nghe vị Tăng nói như vậy rồi thì nàng rất vui mừng, liền giết

mình thức dậy, đem câu chuyện chiêm bao mà tường thuật lại cho Cha và hết thầy người trong nhà nghe. Ai nấy cũng đều vui vẻ và thấy áo tượng Đức Địa Tạng thờ tại gia đổi ra sắc nám đen, y như trong cơn nạng nằm chiêm bao nghe vị Tăng nói, vì vào địa ngục mà bị lửa liếm nhằm cháy áo, thì sự tín ngưỡng của các người ấy lại càng tăng lên đến cực điểm.

Đó rồi chẳng những người trong xóm, mà cả người ở xa cũng đồng vẽ tượng Đức Địa Tạng mà thờ để cầu siêu cho Cha Mẹ, và phát tâm tu hành rất nhiều.

Khắc Tượng Địa Tạng Cầu Siêu Cho Thân Mẫu



Đời nhà Đường, có thiếu nữ con của Trần Đô Đốc. Từ nhỏ mồ côi Mẹ hồi thuở còn nhỏ, ngày đêm thương nhớ. Vì không được thấy Mẹ, mà muốn tự tử. Đô Đốc an ủi rằng: “Ta cũng là người thân, Mẹ con tuy mất, nhưng Cha con vẫn còn đây. Tại sao không chịu ăn uống mà muốn tự tử? Nếu con nhớ Mẹ thì nên tạc một pho tượng Địa Tạng Bồ Tát, cầu nguyện cứu khổ cho Mẹ con”. Bèn lo bỏ ra năm trăm tiền, thuê thợ tạc pho tượng Địa Tạng Bồ Tát cao ba thước và nói với Cha: “Xin cho phép được đặt tại phòng ngủ của Mẹ khi xưa. Nếu muốn thấy Mẹ thì được thấy pho tượng.” Đô Đốc cảm động bằng lòng để con đặt pho tượng trong phòng ngủ của Mẹ, ngày đêm lễ bái con phụng thờ. Cầu xin Bồ Tát cứu khổ cho Mẹ. Một đêm nằm mơ thấy một vị thầy nói rằng: “Mẹ hiện đang sống trong địa ngục nóng bức.”

Lúc còn là con gái Cha tôi là Thi La Thiện Kiến Mẹ tên là Duyệt Đế Lợi, sau khi Mẹ chết, thọ khổ ở

Địa ngục, nên phát tâm lòng Bồ Đề thề cứu bạt nỗi khổ của chúng sanh. Cảm lòng hiếu thảo của con nên vào Địa ngục phóng quang thuyết pháp. Cứu bạt tội khổ cho Mẹ con. Nay được sanh Thiên. Trần Nữ thấy quần áo của vị tu sĩ bị cháy xém bèn hỏi tại sao ? Vị ấy trả lời: “ Khi vào Địa ngục lửa nóng quá nên bị cháy”. Trần Nữ nghe lời mới biết là Mẹ đã thoát nạn rất vui mừng. Từ đó trọn đời thủ tiết mà cung phụng Bồ Tát.

Dịch Lớn Chưởng Lo



Đời Đường, ở Lộ Châu có ngự sử Khang Cư Thông, là người thành tín nhất mực, đã nhiều năm phụng thờ Bồ Tát Địa Tạng, và rất thành tâm họa hình Bồ Tát. Nhất mực thành kính. Chưa bỏ hình nào, phóng quang sáng tỏ. Đều do tín tâm này vậy. Ngẫu nhiên bị hai quan binh đi ngựa đến đuổi bắt, rất là sợ hãi. Hai vị quan quan bổng xuống ngựa nói rằng: “Chúng ta lầm rồi ! Địa Tạng Đản Việt. Tuy có lỗi, nhưng khó mà ghép tội ”, nói xong biến mất. Khi tỉnh giấc lại càng thành tâm hơn.

Đến đời Hy Tông Quảng Nguyên nguyên niên, trong nước xảy ra hoạn dịch, ma quỷ hoành hành, người chết chất thành núi, mơ thấy trăm ngàn quỷ quái đi qua cửa nhà nói rằng: “Nhà này là phòng Thất của Bồ Tát Địa Tạng, chúng ta là kẻ tội tở, cần thận đừng vào nhà này”. Vì thế cả gia đình được thoát nạn. Đến năm Trung Hòa, có việc phải đi xa, ông lạc đường trong bãi tuyết, vội khẩn niệm Địa Tạng Bồ Tát. Chợt có con oanh vũ bay xuống bãi tuyết, thấy lạ bèn đuổi theo thì là đến được đường chính. Khi đến Quang Khải,

bị bệnh, thành tâm cầu nguyện mong được khỏi bệnh. Nằm mơ thấy vị Thầy nói: “Người giết con chim xanh của ta, tội đáng xuống địa ngục. Nay phải đền nghiệp đó, chịu khổ đến hai ngày mới được sanh về Tịnh Độ”. Nghe xong vui mừng lễ bái, bệnh khỏi liền, qua hai ngày thì mất.

Trì Danh Giải Ngụy



Hồi triều nhà Đường, có một vị quan Biệt giá, tên là Kiện Khác, bình sanh ông có lòng tin Phật một cách thiết thật, vâng theo chỉ giáo của Phật pháp ở đời, nên trên đã được lòng Vua thương và các quan đều kính nể, dưới cũng được hàng nhân dân yêu mến, xem ông như một vị phúc tinh vậy. Một ngày kia, ông vào chùa hỏi mấy vị Tăng: “Bạch các ngài! Kẻ tại gia cư sĩ như tôi đây nên thờ vị Phật hay là vị Bồ Tát nào?”. Khi ấy các vị Tăng đều nói khác nhau, sau rốt có một vị nói rằng: “Quan lớn nên thờ Đức Địa Tạng, vì Ngài đã vâng lời Phật sắc, thề độ tất cả chúng sinh trong tam giới lục đạo”.

Kiện Khác nghe rồi để vào lòng và xin lên chánh điện lạy Phật. Khi từ giã các vị Tăng mà trở về, thì ông nghĩ: Đức Địa Tạng đã vâng lời Phật dạy mà phát nguyện độ hết chúng sinh thì lẽ nào Ngài không độ ta?

Ông phát nguyện khắc tượng Địa Tạng từ khi đó, nên quyết lòng kiếm mua cho được cây chiên đàn thứ tốt, rồi lựa thợ thiện nghệ mà mượn chạm một vị tượng

đã khéo lại trang nghiêm, xem đến phải động lòng tín ngưỡng. Đó rồi ông làm lễ an vị tượng và thường dùng hương hoa cúng dường, khi đi đứng nằm ngồi đều thâm niệm danh hiệu của Đức Địa Tạng.

Vào khoảng niên hiệu Thiên Thành, đời vua Trang Tông, cả trong thiên hạ đều nổi loạn, Kiện Khác bị vây, sắp thấy cái chết trước mắt, nhưng ông vẫn định tâm chuyên niệm danh hiệu của Đức Địa Tạng hoài. Khi ấy, bên loạn quân dường như bị cái mãnh lực gì đó làm cho họ ghê sợ trong lòng rồi giải tán, chớ không vây ép Kiện Khác nữa, nên ông được bình an vô sự. Đến lúc thời bình rồi, ông bèn thuật chuyện lại cho các hạng người ở xứ ấy nghe, thì ai nấy cũng đều cho là việc lạ hết sức.

Sang niên hiệu Trường Hưng, ông vâng thánh chỉ đi phó nhiệm một châu kia, nhưng khi đi được nửa đường lại gặp bọn oan gia vây đón thích khách. Trong khi kinh khủng, ông đã đành bó tay đợi cho chúng giết, bỗng nhiên bọn hung thủ kia chỉ nhìn thấy một vị Tăng, chớ không phải là Kiện Khác. Chúng liền hỏi hận vô cùng, cầu Ngài tha lỗi cho chúng ăn năn sám hối, thì vị Tăng đó vui vẻ nói rằng: “Tham, sân, si là ba thứ độc, nó làm cho người đời phải trôi lăn trong tam đồ lục đạo, chịu sự khốn khổ góm ghê. Vậy ta khuyên chúng ngươi hãy ráng trau dồi tâm tánh, nuôi dưỡng lòng từ và quy y Tam Bảo, đặng nhờ phần an lạc về sau, cho khỏi luân hồi thống khổ nữa”.

Nghe sơ qua mấy câu ấy rồi, chúng toan cúi đầu cảm tạ thì chẳng còn thấy vị Tăng đâu nữa, nên lòng chúng đều phập phồng sợ hãi, bèn thảm nguyện cái ác từng thiện, rồi cùng nhau trở về xứ sở. Đó là nhờ từ lực của Đức Địa Tạng gia bị mà ông Kiện Khác được an toàn vô hại.

Lần sau, ông đi lỡ đường, phần trời cũng tối, nên cùng mấy kẻ tùy ứng ở giữa đồng, chia phiên ra kẻ ngủ người thức mà canh gác. Không ngờ đến lúc nửa đêm, trời phát mưa rất lớn, làm cho đèn lửa tắt hết, chỉ có pho tượng gài trong búi tóc tỏa ánh sáng ra sáng như ban ngày. Khi ấy ông Kiện Khác đang ngủ, bỗng nghe có tiếng nói nhỏ nhỏ rằng: “Đàn việt hãy thức dậy sửa soạn mà đi nơi khác lập tức”. Ông nghe mấy lời, nhờ ánh sáng dẫn đường, liền vội vã đi tìm nơi khác mà an trú. Tản sáng ông trở lại chỗ ấy coi thử, thì thấy nước mưa trên bốn phía núi chảy dồn lại đó mà thành một trận ngập lụt thật sâu. Chùng đó ông mới biết nhờ Đức Địa Tạng độ mình khỏi bị thủy thần nhận chết.

Năm Thanh Thái ông sống đến 78 tuổi mới viên tịch. Khi ông đang hấp hối, pho tượng trong búi tóc tỏa ánh sáng, ông bèn chấp tay niệm Phật, êm đềm ra đi, theo ánh sáng bay bổng lên trời.

Niệm Danh Hiệu Địa Tạng Khởi Binh Đao



Đời Đường ở Biệt Giá có Kiện Khác có lòng tin thanh tịnh, phụng pháp là Tôn Chỉ. Ngày đó hỏi một vị Thầy rằng: “Cư Sĩ tại gia nên phụng thờ Bồ Tát nào?” Các Thầy đều nói: Nên thờ Địa Tạng được Phật phù hộ. Kiện Khác tự nghĩ nếu được Đức Phật chiếu cố, hỷ xả cho chúng ta ? liền tìm gỗ đàn hương khắc một pho tượng ba tấc, gói trong búi tóc, đi, đứng, ngồi, nằm, đều niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát. Năm Tráng Tông Thiên Thành thiên hạ binh loạn, Kiện Khác bị vây khó thoát khỏi chết, liền niệm Bồ Tát Địa Tạng, Đại Tướng cưỡi ngựa kinh hoàng bỏ chạy. Sau khi binh loạn đã bình, nói đến chuyện này, mọi người nghe thấy đều lấy làm lạ. Đến năm Trường Hưng lúc đi phó nhiệm, kẻ thù hay tin muốn hãm hại nên phục ở bên đường để chờ, chỉ thấy một vị Thầy đi qua chứ không thấy Kiện Khác. Cảm ơn giải thoát, có lần trên đường nghỉ lại, trời mưa rất lớn, đèn đóm đều tắt, chỉ có pho tượng Ngài trong búi tóc, ánh sáng tỏa ra

sáng như ban ngày. Bỗng nghe tiếng nói nhẹ như trẻ con: “ Hãy đi ngay! Đi ngay!” rất lấy làm lạ, nhờ ánh sáng dẫn đường, đi trú ngụ nơi khác. Ngày hôm sau hồng thủy rất lớn, ngập lụt nơi trú ngụ đêm qua bị chìm xuống đáy sông. Tự biết là Bồ Tát Địa Tạng phù hộ. Năm Thanh Thái thứ hai sống đến 78 tuổi mới mất, khi đang hấp hối pho tượng trong búi tóc tỏa ánh sáng bèn chấp tay niệm Phật êm đềm ra đi theo ánh sáng bay bổng lên trời.

Được Gặp Mẹ Hiền



Thời Ngũ Đại, ở Vi Châu có người đàn bà tên là Đặng Thị, người Mẹ mất sớm nhờ người bác nuôi dưỡng, ngày đêm nhớ Mẹ, bèn hỏi vị Thầy rằng: “Làm thế nào mà gặp được Mẹ? ”. Vị Thầy ấy nói: “Địa Tạng Bồ Tát bản nguyện đại từ bi, một lòng tưởng niệm, sẽ được gặp lại”. Thị Nữ ngày đêm xưng danh cầu khẩn. Sau đó lại đến gặp vị Sa Môn nói rằng: “Con nhờ ơn ân sư muốn gặp lại Mẹ con. Xin kính cúng dường áo quần và in kinh biếu”. Sa Môn bèn hỏi rõ ngọn ngành, Thị Nữ kể lại rằng: Con nằm mơ thấy ở trên lưng Thầy, rồi bay bổng lên trời đến 49 tầng Ma ni bảo điện. Trong đó có rất nhiều chư Thiên, Mẹ con cũng ở đó. Con đến lễ bái thăm hỏi, Mẹ con trả lời rằng: “Con nên ghi ơn Bồ Tát Địa Tạng đã đưa ta đến đây, mới được gặp con. Cảm ứng như vậy, đừng quên ơn Bồ Tát”.

Lửa Tắt Được Sống



Đời Ngũ Đại ở Kinh Châu có chàng Liệp Hộ, làm nghề bán nhạn. Ai cũng biết tiếng, xưng danh là Nhạn Hùng. Năm 51 tuổi bị chướng khí mà chết, vợ đem thân vứt bỏ ngoài bãi hoang để nuôi hổ sói. Ba ngày sau anh sống lại, trở về nhà. Vợ trông thấy sợ hãi tưởng là ma hiện về. Hùng kể lại rằng: “Khi tôi chết đi, có cỗ xe chất lửa chạy đến trước mặt, bị lửa đốt. Bỗng có một vị Tăng lấy nước dội lửa. Lửa tắt, tôi thấy trong người mát mẻ, có hy vọng được sống. Sau đó đến chỗ thấy heo, dê, gà, trĩ, và muôn vạn cầm thú đến trước Diêm Vương kêu la: “Trả mạng cho tôi. Xin trị tội Nhạn Hùng”. Vua nói: “Tội bay kêu vậy, Hùng tắt là người ác. Nhưng tổ tiên của y quy y Địa Tạng Bồ Tát, y là kẻ có ơn, được miễn họa tai”. Nhạn Hùng thấy vậy bèn nhất tâm khẩn tên Địa Tạng Bồ Tát. Tất cả các chim thú đều biến thành hình người. Vua bèn tha tội cho tôi. Từ nay bỏ nhà ra đi, tự xưng là Phật Nô, du hành trong nhân gian, thường nói rằng: Địa ngục cực khổ, chớ chỉ khẩn niệm Bồ Tát Địa Tạng sẽ được miễn nạn đó.

Đôi Chết Yêu Sống Lâu Hơn



Vào Đồi Tống, ở Chùa Khai Bảo có vị Sa Môn Thích Huệ Ôn nuôi một đồng tử, nhưng không biết tên là gì. Năm 14 tuổi Thầy tướng Kiện Chân nói rằng: “Là tướng đoản thọ, sống thêm tháng nữa sẽ không nuôi sống được nữa”. Sư nghe vậy, cho đồng tử đó về nhà. Lúc đó trời mưa to, đường không đi được, đồng tử bèn ngủ nhờ ở nhà một Hòa Sư, thấy bức họa Địa Tạng Bồ Tát, lấy móng tay tập vẽ hình Địa Tạng Bồ Tát trên vách tường. Sau khi trời tạnh mưa, về nhà hơn tháng sau, đồng tử bèn trở lại Chùa Khai Bảo. Huệ Ôn rất mừng rằng: “ nay nhân ngày sinh nhật của Kiện Chân, bèn mời Kiện Chân đến gặp Đồng Tử. Thấy tướng mạo của Đồng Tử, mạng sống thêm 50 năm, thấy là việc lạ, không hiểu tại sao ? Đồng tử nói rằng: “ Tôi lấy móng tay vẽ hình Địa Tạng Bồ Tát trên vách. Đêm đó có một Tăng nhân gọi tôi bảo rằng: “Năm mươi, năm mươi”, như vậy ba lần rồi biến mất.

Huệ Ôn và Thầy tướng đều lấy làm lạ về chuyện này từ xưa chưa từng có. Sau này Đồng tử đó xuất gia, tinh tu lục độ, pháp hiệu là Huệ Tạng Pháp Sư.

Câu Phước Được Vàng



Đời nhà Tống, ở huyện Trần Lưu, có một Cô thiếu nữ nhà nghèo, đi làm mướn cho người ta để mưu sinh, cuộc sống vất vả. Cô bèn ăn chay, niệm Thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, cầu xin Ngài phù hộ ban cho phú quý. Tự lượng mình nghiệp xưa rất nặng, không biết rằng có thể đạt được sở nguyện hay không?

Ngày 24 tháng 2 nhuận, năm Khai Bảo thứ 5, Cô thấy kiến bò đầy nhà, không dám vào nhà vì sợ dẫm chết kiến. Rồi lại thấy những con kiến biến dần thành màu vàng, Cô lấy làm sợ hãi. Hàng xóm thấy vậy cũng lấy làm lạ. Trải qua một ngày một đêm sau, Cô mới vào nhà, thấy các con kiến biến mất, thấy trên tấm thảm đầy là vàng, thật vừa đủ ba đấu. Thiếu nữ đem bán, thành ra giàu có. Sau đó lòng càng vững tin Bồ Tát, lấy nhà đó sửa lại làm Chùa, thờ phụng cúng bái. Sau có một Quận Chủ góa vợ, cưới thiếu nữ đó làm vợ và chịu chuộc đủ điều.

Phóng Quang Tiêu Trừ Tật Bệnh



Đời nhà Tống, làng mạc ở Liêu Thành có chừng hơn hai ngàn hộ dân, xưa nay rất phụng thờ Chánh pháp, rất tin Quan Âm và Địa Tạng Bồ Tát, nhất là Quan Âm Kinh và Địa Tạng Thập Luân Kinh. Có ngôi Chùa cổ ba gian bốn chái, mái xanh thắm đỏ, hai bên trái và phải đặt hai pho tượng Quan Âm và Địa Tạng, cao bảy thước rưỡi, chính giữa thờ tượng A Di Đà Phật, cao một trượng sáu thật trang trọng.

Đời vua Thái Tông, trong nước thái bình hưng thịnh. Bỗng bệnh dịch lưu hành, người chết rất nhiều. Thành Chủ cầu khẩn trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, thấy phóng ánh sáng soi khắp làng mạc. Ánh sáng soi tới đâu, mọi người đều khỏi bệnh tới đó. Những kẻ đã chết đều được sống lại. Có một Thần Nữ không tin Phật pháp, bị bệnh chết đi. Một đêm sau mới sống lại, ở trong Tịnh Xá, cầu khẩn Địa Tạng Bồ Tát, khóc lóc mà xin xuất gia. Có người hỏi tại sao? Thần Nữ trả lời rằng: “Tôi bị quỷ bắt trời, kêu gọi Thần cứu, Thần cũng sợ quỷ ác. Sau bị vị Thầy cảm hóa nên quỷ bỏ tôi mà

đi. Vị Thầy nói rằng: “Mi là Thần Nữ ngu dại, cậy có Thần Đạo, không tin Phật pháp. Ta là Đại Tự Địa Tạng Bồ Tát, theo lời thỉnh cầu của Thánh Chủ, cứu mạng ngu dốt của người, hãy cất Chùa làng xóm, cảnh giới ác tâm, ta không chế quỷ, vì sao vậy? quỷ tự tạo nghiệp”. Thần Nữ thuật lại lời của vị Thầy, và tự nhủ rằng: “Nay ta thấy sự việc này mà được sống lại. Từ nay cải tà quy chánh, nên xin xuất gia tu hành”. Mọi người hoan hỷ để cho Thần Nữ làm Ni Cô.

Câu Nguyện Được Mọc Răng



Vào đời Tống, trong chùa Thiên Phúc, góc phía Đông Bắc, có một pho tượng Địa Tạng, cao một thước sáu, không biết ai là người đã tạc và từ thời gian nào. Chỉ biết rằng nhiều người đồn bức tượng ấy rất linh dị, kẻ đến ngủ nhờ hay đến cầu xin gì đều rất linh nghiệm. Lúc đó có một cư sĩ, khoảng ba mươi bảy tuổi, nhưng không có mọc một cái răng nào, tìm đến trước pho tượng, không ăn cầu nguyện khắp người nhẹ nhàng. Nửa đêm nằm mơ thấy pho tượng đến sờ đầu, không bao lâu sau đó mọc 38 cái răng. Mọi người nghe và thấy linh dị như vậy, nên phỏng theo kiểu vẽ hình tượng Đức Địa Tạng này lập đàn cung phụng, đều được cảm ứng. Rất nhiều người biết chuyện này.

Con Thảo Gặp Của Quý



Đời nhà Tống, ở huyện Hải Lăng, có một đàn trẻ nô đùa bên bờ biển, chơi vẽ hình Địa Tạng Bồ Tát trên bãi cát, đột nhiên nghe tiếng sấm sét nổ vang dậy, mọi người sợ hãi chạy tán loạn. Lúc đó có một vị Thầy đến cứu hộ. Kẻ ngã đỡ lên, kẻ khóc thì an ủi. Lúc đó có đứa trẻ con của một họa sĩ hoảng quá chạy xuống biển, vị Thầy bèn cứu lên bờ, cho các thứ đồ ăn, và cho một hòn ngọc hình như thủy tinh, lớn như hạt sen. Người cha đem về nhà tạc thành Thánh tượng. Đứa trẻ lớn lên khỏe rất là giàu sang phú quý.

Bồ Tát Hóa Thân



Vào Đời Tống, có vị Sa Môn tên Trí Hữu, người xứ Tây Ấn Độ, đến Trung Hoa từ năm Thiên Phúc, ở Chùa Thanh Thái. Trong cuốn kinh tượng có hình Địa Tạng Bồ Tát, và cuốn Kinh Bản Nguyệt Công Đức, bằng chữ Phạn, trong vòng giữa có vẽ tượng và ảnh Bồ Tát Quan Âm, đầu đội mũ, tay cầm báu vật. Hai bên phải và trái có 10 hình Thánh. Năm vị bên trái là: Tần Quảng Vương, Sở Giang Vương, Tống Đế Vương, Ngũ Quan Vương và Diêm La Vương. Bên phải năm vị: 1. Kha Thành Vương, 2. Thái Sơn Vương, 3. Bình Đẳng Vương, 4. Đô Thị Vương, Ngũ Đạo Chuyên Luân Vương. Mọi người đều có ty mệnh, ty lộc, Phủ quân, Điền quân v.v... Tự nói duyên khởi rằng: “ Trước kia ở Tây Ấn Độ có Bồ Tát Từ Bi cứu thế, phát thệ nguyện lớn, vì cứu tam đồ chịu khổ thay cho chúng sinh nên vẽ hình Đức Địa Tạng, đến Thập Vương Thành cáo rằng: “Hôm nay ta phát nguyện cứu khổ tam đồ, nên giúp đỡ”. Thập Vương chấp tay kính cẩn hứa, và bạch trước hình tượng rằng: “Tất cả chúng sinh đều thuộc Đại Thánh, tùy nghi hóa

Đạo. Chúng tôi chỉ là người phụ trợ”. Lúc đó tôn tượng mỉm cười nói: “Lành thay! Lành thay! Tội nghiệp của chúng sinh không lâu nữa sẽ được giảm nhẹ”. Liền phóng ánh sáng chiếu soi nơi khổ não của tam đồ. Chúng sinh được soi sáng, mọi khổ não được giải trừ. Đó là nhân duyên vậy. Ta ở Lưu Sa gặp yêu quái, cầu niệm Bồ Tát. Vì vậy nên được cảm tích tượng đuổi đánh. Lại trong đêm mưa lớn, khổ vì không đèn lửa, không biết phương hướng, không phân biệt Đông Nam Tây Bắc, mãnh thú gầm gừ. Người và ngựa đều bị lạc đường, tượng đó tỏa ra ánh sáng như ban ngày, mãnh thú mới chạy tán loạn, đường đi mới thông. Khi qua sông lại gặp sóng lớn, sóng gió nổi lên không biết sâu cạn, nước chảy yếu, cây lá không nổi, huống hồ là thuyền bè. Bèn niệm Thánh Tượng thì thấy một vị Thầy cùng hai đồng tử, một tay cầm phan, một đồng tử cầm mái chèo. Vị Thầy tay cầm lá bùa. Vì vậy chúng ta qua bờ, khi đến bờ phía Đông thì từ biệt. Tặng Tặng lá bùa, đây là Thổ Đạo Tục.

Theo kiểu mà vẽ, để mọi người làm theo, rất là linh dị. Ba năm sau, không ai biết Trí Hữu và pho tượng ở đâu. Ai cũng nghĩ rằng đã về lại Ấn Độ. Ai cũng cho rằng Trí Hữu là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát vậy.

Bồ Tát Tứ Hoảng Thệ Nguyện

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Dịch nghĩa:

Chúng sanh không số lượng
Thệ nguyện đều độ khắp
Phiền não không cùng tận
Thệ nguyện đều dứt sạch
Pháp môn không kể xiết
Thệ nguyện đều tu học
Phật đạo không gì hơn
Thệ nguyện được viên thành.

Tụng Kinh Địa Tạng Cứu Mẹ Lành Bệnh Thủng

(Truyện này không có trong bản dịch)



Thườ xưa có một nữ giáo viên tên là Tào Tông Thanh, hiệu là Tuyết Tài, sanh trưởng tại huyện Ngô, thuộc về nước Tàu. Phu nhân họ Phan là Mẹ của nàng, tuổi quá bảy mươi, lại đau ốm hoài, có khi uống đủ thứ thuốc mà không thấy mạnh. Đến mùa xuân năm Mậu Thìn, bệnh thể của bà càng trầm trọng, toàn cả thân thể đều thủng, thầy thuốc nói là chứng “Khí hư trung mãn”, đợi khi nào nước ứ trong sớ thịt tan hết thì mới chết, không phương gì trị được.

Lúc ấy nàng Tuyết Tài mắc dạy học ở Than Gian, mỗi tháng về thăm được có một lần. Nàng thấy bệnh thể của Mẹ đã đến thời kỳ hấp hối, da sưng trắng và láng bóng, tưởng như muốn nứt nở, và nghe Mẹ kêu la rên siết không ngớt miệng, trong lòng nàng muôn phần sầu thảm. Nàng chẳng biết tính sao, bèn đến tỏ hết tự sự cho một người bạn thân rõ, và xin coi có biết phương gì chỉ dùm đặng cứu. Người ấy vì sớm biết tín ngưỡng Phật pháp và thường thấy nhiều việc linh

hiển, nên khuyên nàng Tuyết Tài tụng Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên mà cầu nguyện cho mẫu thân. Nàng lập tức trở về nhà mà phát nguyện ăn chay và thọ trì Kinh Địa Tạng ba mươi quyển.

Đến ngày 27 tháng 5, nàng tụng kinh vừa viên mãn, kể tối mặt trời mới xế qua, thấy Mẹ của nàng phát hạ lợi và tiểu tiện không ngớt, trọn đêm tới sáng, cả nhà ai cũng hoảng kinh, sợ cho bà không sống nổi. Quả nhiên ngày sau, các chỗ thũng nơi thân của Bà đều xẹp lại và da hết láng như trước nữa, rồi lần lần bà ăn uống được và trở nên mạnh khỏe như thường. Nàng Tuyết Tài rất vui mừng và biết nhờ Đức Địa Tạng cảm ứng mới được vậy. Nên nàng càng tín ngưỡng Phật pháp, cứ ăn chay và tụng kinh mãi cho đến thời kỳ Mẹ của nàng quá vãng.

Khi ấy, nàng lo tang khó và tuần tự mà trả hiếu, xong rồi nàng gởi đơn xin từ chức giáo viên, vào trong núi lo tu tịnh nghiệp. Còn những người ở trong huyện ấy thấy sự linh cảm như thế, đều đem lòng tín ngưỡng theo Phật pháp rất nhiều.

Lời Sau Khi Biên Soạn



Cuốn sách này sau khi in xong, tái bản lần thứ 5. Trong khi chờ xếp đóng thì nhận được của cư sĩ Nhiếp Vân Đài gửi đến ba bản Địa Tạng Linh Cảm Cận Văn. Hôm sau Đại Vân Nguyệt San gửi đến hai bản văn, trong có ghi: Cửu Hoa Sơn Tối Cận Linh Cảm của cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh. Cùng ngày lại nhận được bản viết tay của Hoằng Nhất Pháp Sư, ghi chép rất rõ ràng bản Địa Tạng Kinh Điển Luận. Bèn vội vã họp với Ban Biên Tập sắp xếp lại. Vì vậy mục lục kỳ này không kịp xếp in vào cuốn sách này. Dịp may mắn là cuốn Địa Tạng Bản Nguyện Kinh của Ấn Quang Pháp Sư cũng đã xuất bản trước khi cuốn sách này xuất bản. Trong có phụ lục bài Linh Cảm Lục, qua Pháp Sư giám định theo thứ tự xếp lại để in và nhờ Pháp Sư viết lời tựa. Hoằng Công thiết kế bìa sách. Mọi việc tiến hành đồng đều không trước chẳng sau. Thật là một nhân duyên bất khả tư nghì. Phận may mắn không ngờ được như vậy. Lại hơn nữa là tháng bảy trong năm tái bản lần thứ tư, đang lo không ai đưa đến đạo trường Cửu Hoa Sơn, thì Ngô Thị nhà Họ Quan đến nói là nội nhật

sẽ lên Cửu Hoa Sơn dâng hương. Không lâu sau, Quốc Quang Thư Cục gửi sách đến, người bạn họ Hà cũng gửi đèn hương đến, đều được Ngô Thị mang tất cả lên Cửu Hoa Sơn đốt. Ngô Thị nói là mùa Thu khí trời còn ẩm, tin đồ hành hương rất đông, tìm không ra người bố thí thuốc men lúc này, rất lấy làm buồn rầu. Chiều hôm đó cư sĩ đang ngủ thì từ Áo Môn ngàn dặm gửi đến rất nhiều thuốc men. Bèn giao cả cho Ngô Thị nhờ mang đốt. Tất cả mọi việc đều không có sự định trước mà may mắn như vậy.

Năm trước có người cho rằng: Năm Bính, Đinh, Mậu, lưu niên không có lợi, năm trước tệ hơn năm sau. Quả nhiên năm Bính bệnh tật liên miên, thuốc thang không hiệu quả. Tự nghĩ ngày sinh của mình vừa hợp với Thánh Đản của Địa Tạng Bồ Tát, nên phát nguyện biên soạn cuốn Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Lục, rất chóng được hoàn thành. Như có chư Hộ Pháp gia hộ giúp cho. In xong để phân tặng khắp mọi nơi và thành kính tụng niệm cầu xin, không lâu sau lại soạn cuốn Linh Cảm Lục. Đến năm Đinh thì bệnh tật thuyên giảm rất nhiều. Những người thọ lòng cảm ơn lòng từ bi và công ơn sâu xa của Bồ Tát thật không biết phải nói gì hơn, quá lớn lao, sâu nặng.

● Lý Viên Tịnh ghi.

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Cận Văn Lục

Nhiếp Vân Đài Cư Sĩ
Biên Tập

Nhiều Tác Giả

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Cận Văn Lục



Mục Thứ

- Lời Tựa.
- In thành Kinh sách năm thứ 24 gồm 9 truyện
- Giác Hữu Tình Nguyệt San 12 truyện
- Hoằng Hóa Nguyệt San 2 truyện
- Lạc Thanh Địa Tạng Pháp Hội 9 truyện
- Thập Luân Kinh Hậu 1 truyện
- Bốn mươi năm thân cận trải qua những
linh cảm ứng.
- Chứng Minh về Luân Hồi
- Chứng Minh việc nói chuyện với quỷ

- Hồi Ký của Bà Cố Cát Cương
- Sự chỉ bày sách cho trẻ của một vị
Pháp Quan (Luật Sư)
- Nói việc khuyến khích nương vào Kinh
Địa Tạng tu hành
- Tu trì phương pháp
- Phụ lục phương pháp tu trì.

Lý Văn Khải:

Đọc Địa Tạng Bồ Tát
Bản Nguyên Kinh Linh Cảm Ký.

Đỗ Tuệ Bản:

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký.

Châu Dương Tuệ Khanh:

Đại Nguyên Bồ Tát Hóa Thân.

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Cận Văn Lục



Lời Tựa

Đại Giác Thế Tôn nói trong Hội Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn về Quan Thế Âm Bồ Tát rất được tán thán tuyên dương về uy thần oai lực của Quán Thế Âm Bồ Tát, những khổ não nguy nan của chúng sinh làm cho có nơi nương tựa. Nhắc đến thánh hiệu của Ngài, cầu gì được nấy. Kể từ Tấn Ngụy Lục Triều đến nay: Phẩm Phổ Môn (Quan Thế Âm) Kinh đã đơn hành truyền bá: Những kẻ tu hành cảm được sự linh ứng rất mạnh. Ta đã thấy những kỹ thuật gia biên thuật rất nhiều, và đăng tải trên các sử sách cũng chẳng ít. Nhớ năm xưa đã từng ghi chép trong sách cổ truyền về sự tích linh cảm của Quan Thế Âm, phân loại thành sách, thất truyền đã lâu. Nhưng các giới ghi chép về

Quan Thế Âm Linh Cảm lục, các nhà sách Phật học vẫn còn rất nhiều.

Thế Tôn ở Đạo Lợi Thiên Cung vì Mẹ thuyết pháp và nói Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh. Nói đến Địa Tạng Bồ Tát thì trước kia vì cứu độ Mẹ mình được thoát khỏi địa ngục, khỏi phải chịu tội. Từ đó đã phát tâm thề nguyện trọn kiếp cứu vớt chúng sinh khỏi tội, giải thoát nghiệp báo, được sinh làm người, Trời để được thành Phật đạo. Đó là lời khen ngợi, nói rõ sức mạnh oai thần, từ bi sâu xa vĩ đại của Địa Tạng Bồ Tát. Khi đọc Kinh văn này thì có thể hiểu rõ, nếu lấy cái nhìn của khoa học hiện đại mà xem, thì đương nhiên lập tức phản ứng, cho là những nhà Tôn Giáo chỉ dẫn những người hướng thiện, cảnh giác mọi người đừng làm việc ác, nên đặt ra những chuyện thần thoại như vậy, chứ sự thực không có những chuyện đó, điểm này ta đem ra tranh luận, thật vô ích. Người xưa ghi chép lại nương vào Kinh Địa Tạng, người tu hành có rất nhiều kỳ tích. Đó rất có thể chứng minh là Kinh Phật không ngoa.

Những ghi chép của người xưa đương nhiên cũng có thể cho là lời bịa đặt, nhưng nay ta ghi lại việc đã trải qua chính mình và thân hữu ta trải qua, những người này nay phần nhiều vẫn còn sống. Tôi chỉ lấy lòng trung thực mà thuật lại chuyện một cách khách quan mà thôi. Độc giả phản ứng ra sao là tùy ở nhân duyên của từng người. Phật đã từng nói Phật pháp không thể độ những người không có duyên. Phật pháp

có thể như âm thanh quảng bá của điện, làn sóng có thể thích ứng cho từng người, phải bắt đúng băng tầng mới tiếp thu được. Nếu ta chủ quan cố chấp, cho lý giải của Phật pháp là ngoa, thì đâu có phải lỗi tại Phật pháp. Nếu máy thu thanh không lấy đúng băng tầng, thì bắt làn sóng trên không gian, lẽ tự nhiên là không thu thanh được. Đâu phải tại máy thu thanh. Công phu của học Phật, phải tận trừ những chủ quan và cố chấp của mình, phải lý giải bằng khách quan, tính cách căn bản là sự tu trì.

Cho nên tham, sân, si, sát, đạo, dâm, vọng và mọi ác hành, mỗi mỗi đều do ý kiến cố chấp của mình mà phát ra. Cho nên kẻ học Phật phải triệt để bài trừ thành kiến cố chấp của mình. Nếu chúng ta giản dị mà nói nguyên nhân đọc cuốn Đặc San Địa Tạng Linh Cảm, là vì thấy nghiệp chướng của mình quá nặng nề. Mấy chục năm nay nghịch duyên chồng chất, nội tâm đau khổ và hối hận nói không hết được. Nhìn tình hình khổ não của chúng sinh xung quanh rất là đáng thương. Tam đồ tội báo không cần chờ cho đến sau khi chết mới cầu Bồ Tát Địa Tạng cứu bạt, lúc này lại càng cần thiết. Thường thấy các người nương theo kinh Phật, tu trì linh ứng như vậy. Biết mà không hoằng dương thì lòng ta đâu được yên. Cho nên thành kính in cuốn sách này để lưu truyền, để cho những chúng sinh mê muội cùng được giác ngộ và giải thoát. Phụ thêm mấy bản chứng minh sự luân hồi và chuyện quỷ thần do những người Âu Mỹ và khoa học gia ghi lại, và những học giả

nước ta mắt thấy tai nghe, để tăng thêm lòng tin của
độc giả.

- Phật tử Nhiếp Vân Đài chép thư.
Tháng 7 năm 1950.

Trong Hai Mươi Bốn Năm,
Chín Chuyện Đã Soạn Đăng
Vào Hậu Địa Tạng Bồ Tát
Linh Cảm Lục.



Lý Viên Tịnh cư sĩ biên soạn cuốn Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục tất cả chín chuyện. Trong có ba chuyện nay đã được đăng tải, chuyện Tào Tông Thanh, và Cổ Tồn Tín mộng được thọ thêm tuổi. Chuyện trai giới Tụng Niệm Được Khỏi Bệnh Phù Thũng và Tạc Tượng Khỏi Bệnh. Nay đã đăng ở đoạn trước nên chỉ còn đăng tiếp sáu chuyện nữa.

- Châu Bang Đạo Nghi.

Lễ Bái Dã Sanh



Lương Bích Bàn cư sĩ có trường nữ giả cho nhà họ Trương. Năm trước theo chồng đi Hà Nam, làm việc ở mỏ than. Lúc đó Cô đang có mang. Cư sĩ lo ngại không ai trông nom săn sóc, dạy con lấy một tờ giấy màu vàng, trên viết “Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát”, mỗi sáng thắp hương lễ bái, khi sinh đẻ sẽ được bình an. Người con gái tuân theo lời Cha, đến khi sinh đẻ thật dễ dàng ở nơi nhà quê không có bác sĩ đỡ đẻ, nhưng may không chút đau đớn gì cả. Hai năm sau lại có mang, Cô cũng làm theo năm trước. Trước sau sanh được một trai một gái, đều khỏe mạnh, diện mạo khôi ngô, trí tuệ thông minh và tâm địa hiền hòa. Mọi người chúng tôi đều thấy sự việc này.

- Nhiếp Vân Đài ghi.

Tụng Kinh Gặp Mẹ



Ngô Khế Bi cư sĩ người tỉnh Giang Tô, tháng 5 năm Dân Quốc thứ 17 (1928) Mẹ mất đi, sau thất thứ hai gặp Văn Thiệu cư sĩ khuyên nên niệm Địa Tạng Bản Nguyên Kinh. Bắt đầu từ ngày đó, mỗi ngày ông thấp hương đọc kinh một lần, cho đến ngày cuối thất mới ngưng. Một tháng sau cư sĩ đêm nằm đang ngủ ngon, bỗng tự nhớ rằng: “ Nếu người nào muốn gặp, thế nào cũng được gặp: Bèn niệm danh hiệu A Di Đà Phật và Địa Tạng Bồ Tát. Nhờ oai thần khiến cho được đến nơi Mẹ. Bỗng sau gáy như có bàn tay đẩy tới bảo dạy theo hướng bay bỗng mà đi. Xuyên qua tường vách không hề gặp trở ngại, hai mắt hé mở, bốn bên thấy lờ mờ, đi quãng đường rất dài đến được một nơi.

Bỗng có người ở đằng sau nói là: “Đến rồi ư?” Cư sĩ nói: “Vẫn chưa thấy gì, làm sao bây giờ?” Cư sĩ nhìn thẳng thấy có một bụi rậm, bèn quỳ xuống cầu xin Địa Tạng Bồ Tát cho biết Mẹ mình ở gần xa. Bỗng có tiếng ở trên không vọng xuống, có người trả lời, hiện chưa tìm thấy. Bèn hỏi người cùng đi, người đó trả lời

ra sao? Người cùng đi đó trả lời là chẳng thoái chuyển. Cư sĩ niệm rằng: Tuy chẳng thoái chuyển, tức là đã sinh Tây. Người trả lời này tức là Địa Tạng Bồ Tát. Bèn cúi lạy và nói: “Cầu xin Bồ Tát, phát đại từ bi để cho được thấy Mẹ”. Người cùng đi nói: “Hãy nhìn đằng trước”. Cư sĩ ngóc đầu nhìn lên phía trước, quả thấy Đình Đài lầu các rất là trang nghiêm. Bên trái có một vách đá, trên có một tòa lầu, Mẹ cư sĩ đến cửa sổ nhìn ra, miệng mỉm cười vẫy tay chào. Cư sĩ gọi Mẹ, thoáng cái lại thấy mẹ đứng dưới hành lang, mặc áo màu vàng nhạt, hướng về phía cư sĩ miệng lẩm bẩm, nhưng không nghe thấy nói gì. Cư sĩ xin Mẹ nói lại. Mẹ lại nói nữa: Tên tục của em cư sĩ hiện cũng ở đây đang muốn hỏi mẹ khi sắp chết có thấy đau khổ không? Mẹ cư sĩ quay lưng lại đi nơi khác, bèn lớn tiếng nói: “Xin Mẹ gìn giữ thân thể.” Trong khoảnh khắc Mẹ đã lên núi cao rồi lặn mất. Cư sĩ chấp tay ngẩng mặt lên trời cảm tạ Bồ Tát, vừa lúc đó thì thức giấc. Nhiếp Vân Đài nghe cư sĩ thuật lại tình hình trong mộng mà ghi lại. Ngô cư sĩ là học sĩ triết học trường đại học bên Mỹ, sau khi về nước nhận chức Tổng Biên Tập Thường Vụ Ấn Thư Quán, sau làm hiệu trưởng trường Trung Học Tô Châu. Trong 10 năm nay cư sĩ bỏ hết các chức vụ. Nay là hiệu đính Dân Quốc Đại Tạng Kinh. Tinh thần khổ hạnh và hy sinh của cư sĩ biểu hiện đối với Phật học hiểu biết rất nhiều.

- Nhiếp Vân Đài ghi.

Khỏi Nạn Trộm Cắp



Mười sáu năm về trước, nhằm năm Đinh Mão, Hoằng Nhất Pháp Sư đến một Chùa làng nọ ở Hàng Châu. Trong gian phòng thờ cúng Địa Tạng Bồ Tát, trong lòng Pháp Sư lúc nào cũng tụng niệm Thánh hiệu. Đêm nọ có mấy đạo tặc vào Chùa, cầm dao uy hiếp các vị Tăng, cướp đi rất nhiều tiền bạc và mọi phẩm vật, đẩy cửa phòng Pháp Sư, nhưng không vào được. Pháp Sư nghe trên lầu có nhiều tiếng động nhưng cũng chẳng để ý, cả đêm ngủ an giấc, không bị quấy nhiễu hoảng sợ.

- Thích Vong Ngôn ghi lại

Khởi Bệnh Tăng Phước



Mùa hạ 18 năm về trước, con tôi đến Lư Sơn để dưỡng bệnh. Đến nơi thì bệnh càng nặng. Nằm trên giường 4 tháng chẳng thể dậy được. Lúc đó Lương Bích Viên cư sĩ cũng ở đó, kể chuyện về sự linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát cho con tôi nghe, và khuyên đọc kinh Địa Tạng để người con chóng khỏi. Con tôi làm theo trong mười mấy ngày, bệnh con tôi có thuyên giảm. Bèn xuống núi để về Thượng Hải. Cùng lúc đó con dâu có mang, năm sau sinh một con trai. Lúc đó y in nhiều cuốn Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục phát cho mọi người để đền ơn Phật.

- Nhiếp Vân Đài ghi 18-2-năm 24

Đức Nghe Tiếng Phật



Quân Thiết Thiệu là vị tiền bối về phái cải cách về Đông y. Sau khi tốt nghiệp ở trường Nam Dương Công Học, từng làm giáo sư ưu hạng, dạy Anh văn, sau làm Biên Tập ở Thường Vụ Ấn Thư Quán, nghiên cứu y học, nhất là đối với Thương Hàn Luận của Trùng Cảnh rất là tinh tường, chữa bệnh rất là hiệu nghiệm. Vì đọc nhiều bài viết của ông ấy cho nên tôi thường viết thư thông tin thăm hỏi nhau, nên thành đôi bạn tốt. Ông ta chỉ thường khuyên mọi người học Phật, tuy không cho là bắt buộc thường phải viết thư biện luận với nhau.

Mùa Thu năm thứ 23(1934) ông ta gửi tặng cuốn Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, sau gửi thư trả lời rằng: Mới đọc trang đầu vẫn còn chưa tin tưởng, sau tự suy nghĩ do lại càng không tin. Do là tại mình cố chấp, thì cứ thử tin xem sao. Rồi tiếp tục đọc trang hai, trong lòng do dự. Sau lại đọc Địa Tạng Bản Nguyên Kinh do y gửi tặng trong mười ngày sau thì không còn hoài nghi gì nữa.

Vào tháng 9 âm lịch là ngày đản sinh của Đức Quan Thế Âm, lúc bốn giờ sáng bỗng nghe tiếng khánh, rồi nghe tiếng niệm Phật, câu nào cũng rất rõ ràng. Quân Thiết Thiều bị tai điếc hơn mười năm, dù lớn tiếng ở bên tai cũng không nghe thấy gì. Nay nghe được tiếng niệm Phật liên tục hơn mười câu, âm thanh kỳ diệu. Trong đời chưa nghe lần nào. Mới đầu nghi là phu nhân đọc kinh, nhưng lúc đó bà còn nằm bên cạnh chưa dậy, rất kinh ngạc, run lên. Bốn giờ sáng hôm sau, lại nghe tiếng niệm Phật như hôm trước. Buổi chiều hôm đó đang ngồi dưới lầu, cũng nghe thấy tiếng đọc kinh như trước. Trước nghe tiếng khánh trỗi lên, sau nghe tiếng niệm Phật. Có hôm ăn cua. Sáng hôm sau không nghe tiếng niệm Phật nữa. Bèn tự nguyện rằng: “Thề từ nay suốt đời không ăn cua nữa.” Rồi niệm Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát bảy lần. Tiếp đó khánh lại trỗi dậy, tiếp theo và tiếng niệm Phật nổi theo.

Từ đó về sau trong khoảng nửa năm, ngày nào ông cũng nghe thấy tiếng niệm Phật. Mới bắt đầu cũng tưởng rằng là bệnh ở óc, nhưng tại sao lại không nghe được những tiếng khác, thì mới biết đó là Linh Cảm của Bồ Tát Địa Tạng, hướng dẫn cho niệm Phật. Năm 24 tháng 3 ông gửi người mang hai trăm bạc nhờ in kinh Địa Tạng, dặn y thuật lại chuyện này để báo Phật ân. Lúc đó đã nhiều lần gửi thư tự thuật lại chuyện kỳ dị đó.

Tháng 6 mùa Hạ ông tạ thế. Phu nhân và con cái thuật lại tình hình trước khi chết và ghi lại như sau:

Tiên sinh trước khoảng ba hay bốn ngày, tự biết là sắp ra đi, dặn dò mọi việc rất rõ ràng, lại ra lệnh cho người nhà đừng khóc. Mọi người cùng đọc kinh niệm Phật. Buổi sáng trước khi mất, ông ngóc đầu nhìn bốn phía xung quanh, hỏi người nhà rằng: “Các người có thấy cuốn sổ cái của ta không?” Gia nhân hỏi rằng: “Trong cuốn sổ viết những gì?” Ông lại ngẩng đầu nhìn quanh chậm rãi nói rằng: “Viết rất nhiều, nhưng những chữ nhìn không rõ ” và nói tiếp “Ta đi đến chỗ đất lành, các người đừng buồn bã”. Lại nói tiếp: “Ta đã biết chuyện quá khứ và mai sau”. Người nhà yêu cầu nói đại khái, ông trả lời là: “Chẳng thể nói hết! Các con phải chăm lo niệm Phật.” Nói rồi ông lại tự lẩm bầm niệm Phật không ngừng. Trước khi chết không nói được nữa, nhưng môi còn mấp máy niệm Phật, rồi đi Tây Phương Tịnh Độ.

Căn cứ vào lúc sinh tiền, ông giữ chức Biên Tập ở Tiểu Thuyết Nguyệt San ở Thường Vụ Ấn Quán, trong bài ông viết thường có những lời lẽ phi báng Phật pháp, khi nói chuyện thường có lúc chê bai, mỉa mai Phật. Nhất là phu nhân niệm Phật đã hơn mười năm, ông nói với bạn bè rằng: “Bà ấy muốn sống nơi Tây Phương, tôi sẽ sống ở Đông Phương”. Ông tự cho mình là người có trí thức, thường hay chế nhạo Phật giáo đồ, cho là những kẻ mê tín. Nhưng ông có túc duyên thiện căn, trên những văn tự thì lại có nhiều phù hợp với ý, cuối cùng hướng về Phật pháp mà được hưởng lợi ích thực. Được Bồ Tát từ bi tiếp dẫn. Với hai tai điếc hàng ngày nghe Phật hiệu để tiên sinh được theo pháp môn niệm

Phật vãng sinh, pháp môn không thể không khởi lòng tín ngưỡng Phật. Vả lại mấy tháng nay không ngừng nghe tiếng, nên không thể không cảm giác thấy quý thân và Phật Bồ Tát thường lần quần xung quanh mình mà sinh hoảng sợ. Vì vậy nên ông thành kính sám hối, nghiệp xấu mất dần. Ông ghi trong sổ cái tức là cả đời thiện ác nghiệp vậy. Cuốn sổ đó mới đầu ông không để ai biết, tâm niệm của mình động tâm, bèn tự mình ghi chép. Đó là tâm niệm của mình, thiên đường hay địa ngục đều do lòng mình biểu hiện ra. Tội lỗi hay hình phạt, Tịnh Độ hay Cực Lạc, mọi điều là do nghiệp của mình cảm ra. Trong sách đó ghi giữa lúc thời khắc sống còn, đó là thiện ác của đời mình biểu lộ. Người thường như vậy, đại để thần trí rối loạn, không thể tự chủ, cũng như ho suyễn, ta chỉ cố gắng trấn tĩnh, làm ra dáng như không có việc gì xảy ra cũng không thể được. Duy có những người tịnh tu tịnh nghiệp, khi chết nhẹ nhõm thư thái. Tuy có bệnh nặng nhưng lúc này cũng không cảm thấy đau khổ, cho nên mới được ung dung niệm Phật, không bị tục lụy nghiệp chướng làm trở ngại.

Đọc giả đừng cho rằng khi sắp chết được niệm Phật một cách rõ ràng là chuyện dễ dàng, là bình thường mà coi nhẹ nó. Kinh A Di Đà nói: “Không có thể thiếu thiện căn và nhân duyên phước đức mà được sang Phật Quốc”. Ông Thiết Thiệu là người trung thực, dám can đảm đem thuật lại việc của ông cứu nhân độ thế. Đó là tịnh nghiệp thành tựu của ông vậy.

● Nhiếp Vân Đài ghi.

Ngày 29 tháng 6 năm 24.

Bái Kinh Hết Bệnh



Gia mẫu Trương Thị, tính rất hiền thực, mọi người đều khen ngợi, đối với chú vãng sanh và Kinh Quan Âm rất là thuần thực. Năm nay 50 tuổi, không ăn thịt đã mấy năm nay, đột nhiên bà cảm thấy bước đi khó khăn và hai bên vai tay không thể giơ lên được, dần dần cả lưng cũng còng, và vai cũng khó chịu, rất là đau đớn không bước đi được, đi lại ở trong nhà phải vịn ghế mới đi được. Sau gia mẫu và Kính cùng quy y Tam Bảo, thờ phụng tượng của Quan Âm và Địa Tạng hai vị Đại Sĩ, sớm chiều kính lễ tụng niệm. Gia mẫu tuy bệnh tật nhưng cũng cố gắng mỗi ngày tụng kinh và thắp hương lễ bái. May có Kính là người nhà ở bên cạnh nâng đỡ, rất là cực khổ. Như vậy một năm sau Kính lại phát tâm phụng tụng Kinh Địa Tạng Bồ Tát Nguyên Đệ cầu nguyện. Nhưng Kinh Địa Tạng quá dài, vì vất vả về sinh kế nên khó mà tụng niệm được toàn kinh, nên chỉ đọc Phẩm thứ mười ba và thuộc lòng đề kinh của từng phẩm một, đọc xong cung kính lễ. Như phẩm thứ nhất về Đạo Lợi Thần Thông. Trước hết quan

sát đề Kinh của mỗi phẩm, rồi nghĩ đến nghĩa kinh, sau mới lễ bái. Tiếp đến phẩm thứ hai Phân Thân Tập Hội cho đến phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên thứ mười ba, lại cũng lạy như vậy. Bái xong lại phải xưng niệm Thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát hàng trăm tiếng, kế tiếp là hồi hướng. Lần lượt làm thử như vậy, nhưng sợ rằng chẳng hiểu hết ý của Phật.

Cứ vậy vài tháng, bỗng một ngày kia gia mẫu đang ngồi, thì mê man bất tỉnh nhân sự. Kính hốt hoảng kinh hoàng, chạy vội đến bên gia mẫu, chấp tay xưng niệm Thánh hiệu Đại Sĩ, chừng 10 tiếng thì gia mẫu tỉnh lại, nôn ra những nước có bã màu đen vài bát, giống như là những máu tụ lại, vội mời danh y đến chữa trị, cho rằng khí huyết yếu kém khó mà chữa được. Bèn kê đơn bốc thuốc thử uống. Kính lại vội quỳ trước tượng Đại Sĩ, thiết tha cầu khẩn, ngày đêm xưng niệm Thánh hiệu chẳng lìa nơi tâm. Thuốc chỉ uống một thang, bệnh tình thấy khởi sắc. Kính thành tâm thiết tha cầu khẩn được khá rất nhiều. Từ đó gia mẫu dần dần chóng gậy đi lại tự nhiên được. Vài tháng sau đến nay không cần chống gậy cũng đi lại được một cách tự nhiên. Năm nay bà 64 tuổi, hàng ngày lễ Phật vái lạy, không cần sự giúp đỡ và không chút đau đớn. Có bệnh hơn mười năm không nhờ thuốc thang mà tự nhiên khỏi là điều lạ hiếm thấy trên thế gian này. Nhờ sự che chở của Địa Tạng Đại Sĩ, Ngài thệ nguyện rất sâu xa. Làm lợi ích chúng hữu tình không thể kể xiết nói là không tin Phật pháp. Nhưng nếu ta thành kính phát nguyện tất được cảm ứng. Dựa trên những linh

tích đã qua, tôi xin ghi chép lại xem để mọi người càng thêm tin tưởng lợi ích, nhằm khuyên răn những người đời sau.

- **Đệ tử Tam Bảo Viên Kính Yêm thuật.**

Tháng 6 năm Ất Hợi.

Bệnh Liệt Cảm Mộng Được Thuốc Hay



Dung Tông Tố bị bệnh tê liệt, có người gọi là phong thấp, chữa trị đã nhiều, nhưng vẫn không thấy hiệu nghiệm. Mỗi khi gặp thời tiết biến đổi, bệnh lại phát ra, chân tay sưng lên, đi lại

bất tiện, xương cốt trong mình rất là đau nhức khổ sở. Cuộc sống của Dung Tông rất khó khăn, không nơi nương tựa, có tiền đâu mà chữa trị, khổ nỗi bệnh tình cứ triển miên, đau khổ vô cùng. Trăm đường suy nghĩ lo toan, chợt nghĩ chỉ còn cách cầu trời khẩn Phật xin Bồ Tát rủ lòng từ bi, gia bị nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, bệnh tật chóng khỏi. Bèn thành tâm khẩn nguyện Quan Âm và Địa Tạng hai vị Bồ Tát. Hằng ngày quy định thời khóa, một lòng trì niệm được khả quan.

Một tháng sau, vào một đêm bà nằm mơ đến một nơi, có một căn nhà chia làm hai gian, ngăn cách trong ngoài. Có hai người vạm vỡ, mỗi người ở một gian nhà. Tông Tố không hiểu nên đi thẳng vào gian nhà phía sau. Một người cao lớn đứng lên, như muốn làm điều

gì đó. Tông Tổ đến gần, người đó mỉm cười hỏi rằng: “Cô bị chứng bệnh gì?” Tông Tổ nói thực rằng: “Bệnh phong thấp, đau các khớp xương, không có tiền chữa trị. Vị cao lớn vào nhà người đó mỉm cười không nói gì, ngồi trên ghế dựa, đoan nghiêm chẳng động, mắt chẳng chú ý đến Tông Tổ. Lại gặp kẻ không có duyên phận. Bỗng nói rằng: “Tốt hơn hết là đừng uống trà”. Chỉ câu đó thôi. Tông Tổ bèn cáo từ lui ra, tỉnh giấc thì ra là một cơn mộng, nằm mơ là chuyện rất thường, không lấy làm lạ nên Tông Tổ cũng chẳng để ý.

Thấp thoáng đã hơn một tháng, vô tình có sự cảm nghiệm, suy nghĩ tại sao người cao lớn đó lại nói như vậy, thì ra Tông Tổ có chứng nghiện uống nước trà, mà lại thích uống trà đặc. Tuy không nhớ đến lời nói trong mộng, nhưng mỗi khi uống trà thì có cảm giác lạ lùng, mấy lần mới thấy lời nói trong mộng quả có ý nghĩa. Vì mỗi khi uống trà thì thấy bệnh lại phát ra. Nếu uống nước sôi thì thấy bệnh nhẹ đi. Cứ vậy mà thử nghiệm hoài, mỗi lần đều đúng cả. Từ đó không dám uống trà nữa, thường uống nước sôi mà thôi. Chẳng bao lâu, bệnh lặn khỏi hẳn. Từ đó không còn đau đớn nữa. Thật là lạ lùng! Trong Kinh sách viết rằng: “Thuốc A Đà La chữa khỏi vạn chứng bệnh, lời nói quả không sai. Nay ghi lại để báo Phật ân, và cho những bệnh nhân được hiểu thấu.

- Tịnh Tông Học nhân Dung Tông Phương ghi.

Lấy Máu Họa Tượng Được Linh Cảm



Thành Phục Sơ cư sĩ ở Thái An Cam Túc, từ năm mười sáu, mười bảy tuổi chịu sự ngộ truyền sai lầm của Trình Chu, tự cho rằng mở mang Phật Lão là nhiệm vụ của mình, ở nơi hẻo lánh, không có cao Tăng hoằng pháp nào thân cận, nên cho lời nói của Trình Chu là danh ngôn chí lý. Từ đó theo lối tự cho là mình mở mang Phật lão, thực ra là không hiểu gì cả. Đến năm Dân Quốc thứ 16(1927) mắt bên phải bị mù, không nhìn thấy gì. Đến năm 20 tuổi, mắt bên trái cũng vậy, mới bắt đầu thì cho là thiên đạo vô tri. Sau đại ngộ mới cho là mình sai lầm, bèn cùng con cất lực sám hối, sửa lại những sai lầm ngày trước, quy y Ấn Quang Đại Sư, hết sức tu tịnh, bắt chước lập hạnh của Liễu Phàm, học pháp Tịnh Ý cải tâm.

Tuy tu được tâm địa sáng suốt, nhưng đôi mắt vẫn còn mù lòa. Bèn tự tác văn sám hối, có y là Tịnh Niệm cư sĩ (Pháp danh là Si Cũ Kiến), trích máu vẽ tượng Phật, trích mẩu vẽ tượng Phật lấy sơn đỏ để viết Kinh.

Lại nhờ Trí Tùng Thượng Sư truyền cho mật chú, sớm chiều trì tụng. Đến ngày 17 mùa Đông năm Ất Hợi (Dân Quốc 24), sáng dậy thắp hương đọc kinh, sau khi sắp xong thì trời mờ sáng, lễ bái các Tôn Thánh hiệu. Khi đến Đại Nguyên Địa Tạng Bồ Tát, chữ Bồ vừa đọc ra, chữ Tát còn chưa đọc. Bỗng thấy trước Phật một luồng ánh sáng tỏa ra như làn điện lóe lên trên không gian. Từ đó về sau, hai mắt sáng lại, nhìn thấy mọi vật vậy.

- Bài của Thánh Tử.

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký



Cư sĩ Nhạc Sư Úc ở Hà Nam, Trung Châu, là nơi kinh Phật pháp được truyền nhiều nhất. Vợ mất sớm, có một con gái đã đi ở riêng. Trong nhà chỉ còn Mẹ già. Năm Dân Quốc thứ 20 (1931), Mẹ bị xe kéo đụng phải, bị thương bên chân trái, chữa mãi cũng không khỏi, cả ngày chỉ nằm trên giường, tiểu tiện và đại tiện, kể cả sự ăn uống cũng phải nhờ cư sĩ giúp đỡ. Ngày đêm kêu khóc, quần áo cũng ít thay đổi. Thập thoáng đã mấy năm, vất vả vô cùng, không làm ăn gì được. Vốn liếng cũng gần cạn.

Ngày 23 tháng 1 năm Dân Quốc thứ 23 (1934) Sư Khang và bạn là Trương Khế Chính đến thăm, thấy mẹ cư sĩ vẫn còn nằm liệt trên giường bệnh, mà nét mặt cư sĩ tiêu tụy, đầu tóc bạc phơ, Sư Khang bèn tặng cư sĩ năm đồng và cuốn Kinh Địa Tạng Bồ Tát. Tiền thì cư sĩ nhất định không chịu nhận, bèn để trên gối của Mẹ, chỉ nhận cuốn Kinh thôi. Từ đó hàng ngày sớm chiều hướng về Mẹ đọc Kinh Địa Tạng Bồ Tát và xưng danh

hiệu, một trăm ngày đến cả một ngàn biến và niệm danh hiệu Bồ Tát đến một trăm ngàn lần, cầu xin hồi hướng để cho Mẹ được tiêu trừ thập ác trọng tội, sớm được thoát khỏi mọi đau khổ mà được sung sướng.

Cho đến 5 giờ sáng ngày 29, Bà Mẹ nói với cư sĩ rằng: “Ta thấy trong người nhẹ nhõm và cảm thấy đói”. Cư sĩ vội vã vào bếp nấu một bát mì. Mẹ cư sĩ ăn uống rất vui vẻ, xong lại đòi ăn táo. Cư sĩ vui quá nói rằng: “Bệnh Mẹ khỏi rồi”. Nhưng bà Mẹ nói “Không phải thế đâu, e rằng Mẹ con ta sắp vĩnh biệt đây”, vừa nói xong, táo còn chưa ăn hết thì tự nhiên mất. Cư sĩ vội niệm Phật. Lúc đó có Châu Đồng Sinh đến, nói với cư sĩ rằng: “Đêm qua tôi nằm mê thấy bà đến cho biết cho hay sáng mai tôi phải đi. Trong lòng nghi hoặc nên đến thăm mới biết là bà đã mất, rất lấy làm lạ.

Đêm 31, linh cữu của Mẹ được an táng. Cư sĩ đau lòng vì Mẹ mất đi, từ nay một mình cô độc, cứ khóc lóc thảm thiết. Bỗng nghe có tiếng người nói rằng: “Thôi đừng khóc thương Mẹ nữa, Bà đã được Địa Tạng Bồ Tát tiếp dẫn đi rồi”. Cư sĩ mở mắt nhìn quanh, cửa đóng then cài sao lại có tiếng người? Nhớ lại việc Sư Khang tặng Kinh, bèn hướng về Mẹ niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, để hồi hướng và tin là uy đức của Địa Tạng Đại sĩ gia hộ cho Mẹ vậy. Từ đó mỗi ngày cư sĩ hướng về bài vị của Mẹ tụng kinh và xưng niệm Đại Sĩ Thánh hiệu.

● Bài của Vu Sư Khang.

Địa Tạng Quan Âm Linh Cảm Ký



Quan Âm Bồ Tát có lòng đại từ bi thương xót chúng sinh, Với 32 Ứng Thân độ thoát tất cả loài hữu tình. Thiên Thủ Thiên Nhãn cứu chur khổ nguy. Địa Tạng Bồ Tát có đại hoàng nguyện, chúng sinh chưa độ hết thể chẳng thành Phật. Hiện tự mình khi quy y Tam Bảo được nghe Đại Pháp, biết Quan Âm và Địa Tạng là hai vị Đại Sĩ đối với chúng sinh ở cõi Ta Bà có mối nhân duyên rất lớn: Sống chết bệnh hoạn và tất cả mọi khổ não đều được sự gia hộ. Vì vậy Hiện thường tự trì thánh hiệu của hai vị ấy. Nếu gặp khi nguy nan hay đau khổ, đọc Kinh khẩn thiết, để cầu hai vị ấy, nguyện thì không bao giờ không linh nghiệm. Vào giữa lúc tháng 8 năm 28 (1939) tôi bắt đầu bị bệnh, Cha và Anh của tôi đều y thuật rất cao minh, cũng đành bó tay, nôn nao suốt ngày, kẻ đến thăm đều lắc đầu thở than, đều cho rằng bệnh này không chữa được nữa. Hiện tuy bệnh trọng nặng nhưng còn sáng suốt, tự biết rằng bệnh này nếu còn sống được trừ ra phải nhờ ơn Chư Phật và Bồ Tát Địa Tạng ban ơn mới được. Lúc đó có Hoàng Nhất Pháp Sư và Thường Tính

Pháp Sư đang tá túc ở Chùa Phổ Tế, làng Liên Hồ áp ta. Tính Thường Pháp Sư nghe Hiền có bệnh bèn đến hỏi thăm, và tặng cho một bó hương rồi nói: “Thắp hương này chí thành khẩn thiết tụng niệm Quan Âm Địa Tạng Thánh hiệu, quyết định thế nào cũng sớm gặp Thầy gặp thuốc. Hiền ngày đêm thành tâm tụng niệm, gia nhân cũng tụng niệm theo. Bệnh tình có biến chuyển. Bó hương thắp hết thì bệnh đã khỏi hẳn. Trong lúc bệnh, khi nằm ngủ thường có ác mộng, bỗng thấy một ngọn núi lớn đổ xuống đè lên mình, Hiền liền niệm Đại Sĩ Thánh hiệu. Bỗng lại thấy một quả núi lớn hơn bay đến chặn những ngọn núi đang muốn đổ như cảnh tượng này, chẳng phải chỉ một lần. Hiền không biết lấy gì để báo đáp hồng ân của các vị Đại Sĩ, nên ghi rõ Sự Tích Linh Cảm này để khởi tín nguyện.

Địa Tạng Bồ Tát Tiếp Dẫn Tiết Phụ Sinh Tây



Chi dâu Trương Thị tên là Thọ Thân, pháp danh Thắng Thọ, Trần Bội Ngọc, người huyện Trấn Giang Phúc Kiến. Sinh ra trong gia đình lương thiện, thông minh từ nhỏ, khi lớn lên đọc sách Nho. Khi chị còn ở nhà thì đối với cha mẹ rất là hiếu thảo. Khi đến tuổi cập kê về Giang Hạ làm dâu của Trương Tôn Du Đường Công. Lấy nhau được 49 ngày thì chồng chết, chị thề thủ tiết thờ chồng. Mẹ chồng bị bệnh nặng, thuốc thang đều vô hiệu, chị cắt thịt để làm thang thuốc. Vì sự hiếu thảo cho nên người làm cảm động đến trời, Mẹ chồng được kéo dài thêm 3 năm tuổi thọ. Họ hàng nội ngoại đều khen ngợi. Trong gia đình, từ em dâu, các cháu, cho đến người giúp việc và hàng xóm đều ngợi khen đức độ của Trương Thị. Có người trong hoàn cảnh đói khổ hay bệnh tật đến nhờ cũng được Trương Thị tận tâm giúp đỡ, chưa hề thoái thác. Cuộc sống rất là đạm bạc, ăn uống, sự ăn uống phục sức rất là đơn giản.

Tháng 5 năm Dân Quốc thứ 30 (1941) Đại Đức Hoằng Nhất Pháp Sư hoằng dương Chánh pháp. Chị dâu rủ tôi cùng đi gặp Pháp Sư, để quy y Tam Bảo và ăn chay trong tháng hai, tháng 6 và tháng 9. Tôi cũng vì tác nghiệp, chưa đến nhà chồng. Chồng chết đi, nên sớm chiều bầu bạn với chị dâu hơn mười năm được chị yêu mến. Một đêm nọ nhìn tướng chị Dâu, thân như chị em. Bất ngờ chị bị bệnh ung thư vú, mỗi ngày càng thêm nặng. Mấy tháng sau, tức là ngày mùng 2 tháng 6, giờ Tuất thì chị qua đời. Xả báo thân sanh về Tây Phương. Sau khi chết còn lưu lại thân phụ. Kể từ trước chỉ tự học không vị Tăng nào chỉ dẫn. Thật là đáng thương tiếc. Khi chị Dâu trong lúc đau ốm vẫn kiên trì ăn trường trai, gạt hết mọi ý nghĩ, một lòng niệm Phật cầu sinh Tây Phương. Trong lúc chị đau nặng, cả gia đình lớn bé hơn mười người, mọi người đều ăn chay. Vài chục người ngày đêm thay phiên nhau không ngừng đọc Kinh niệm Phật chẳng gián đoạn. Anh trai chị dâu là Chân Đình cư sĩ thường đến khuyên giải và an ủi, vì vậy nên chị dâu càng thêm sáng suốt.

Khi chị hấp hối, Tôn Thừa Kinh đưa cháu nội chín tuổi, dưới ánh đèn điện soi sáng, bỗng nhiên thét lớn lên, mặt mũi tái mét. Mọi người vỗ về hỏi tại sao? Thừa Kinh đáp: “Sau lưng Bà có một người tướng mạo như Phật, cao lớn, đầu đội mũ có nhiều góc, mình mặc áo có nhiều vải vá, tay cầm cây trượng dẫn dắt Bà nội đi”. Vì lúc đó trong nhà có treo bức họa ảnh của Địa Tạng Bồ Tát, mọi người mới ngỡ ra là Thịnh Đức cảm

được sự đến rước nên Địa Tạng Bồ Tát đến tiếp dẫn chị sinh Tây Phương, không còn nghi ngờ gì nữa.

Chị dâu được đặc biệt sang nơi thắng cảnh Phương Tây, nên tất cả mọi nghi thức tang lễ đều theo nghi lễ Phật giáo. Qua năm ngày sau hỏa táng ở Vũ Sơn. Hỏa táng chưa đầy hai tiếng đồng hồ, lấy ra tro hài cốt trắng trẻo sạch sẽ, đựng vào trong hủ, hiện gửi ở núi Thanh Nguyên, hang Di Đà, để chờ chọn ngày xây tháp kỷ niệm. Tôi nghĩ đến mọi hành vi đáng kính của chị lúc bình sanh. Tuy văn hóa kém cỏi, nhưng cũng xin ghi vài nét về đức tính của chị ấy.

Xét về đức tướng của chị ấy, Thanh Nhãn Trương Nữ Sĩ là họ hàng của tôi. Thường nghe chị là người phúc đức trang nghiêm. Chị mất đi trong một buổi sáng là nhờ thông gia cư sĩ Chấn Đình đến thăm, niệm Phật hồi hướng. Lại nghe cháu chị Tôn Thừa Kính thấy hình Thánh Tượng Địa Tạng Bồ Tát xuất hiện. Khi hỏi kỹ Thừa Kính thì y như là lời nói của mọi người. Đứa trẻ đó năm nay 9 tuổi, đã vào trường học vài năm rất là thông minh, là đứa trẻ hiện đại, từ xưa đến nay không tin Phật pháp. Bỗng thuật lại chính mắt trông thấy tượng Phật, như thế đủ biết là y nhờ Thịnh Đức của Nữ Sĩ cảm hóa, không nghi ngờ gì nữa. Đó là Ứng hóa của Địa Tạng Bồ Tát, Chánh pháp để đời. Tội chướng sâu dày của người đời rất nặng, được nghe một danh hiệu của một vị Phật, một vị Bồ Tát đã là rất khó, huống hồ được thấy tượng Bồ Tát?

● Diệp Thanh Nhãn ghi lại

Lời soạn giả: Bản văn này của Trần Bội Ngọc Nữ Sĩ (Pháp danh Thắng Ngọc), với Trương Thọ Thân Nữ Sĩ đều là quý tộc ở Tuyên Châu, có lễ độ, có học vấn. Bội Ngọc Nữ Sĩ chưa về nhà chồng thì chồng đã chết, một lòng thủ tiết, về nhà chồng chăm sóc cậu cô, làng xóm khen ngợi, vào hạng liệt nữ. Cả nhà họ Hoàng, chị em dâu đều có khí tiết cao cả, rất là hiếm có. Sau này Bội Ngọc Nữ Sĩ qua đời vãng sanh Tây Phương chắc là Địa Tạng Bồ Tát sẽ đến tiếp dẫn.

Nam Mô
Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát

Chúng sinh độ tận
Phương chúng Bồ Đề
Địa ngục vị không
Thề bất thành Phật.

Đó là đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát vậy.

Trước kia tôi từng cảm thấy Bồ Tát Từ Bi mà phù hộ, thật là không thể ngờ được. Đó là Khê Viện Bút ghi lại. Từ khi tôi tin Phật đến nay thoáng đã mười lăm năm. Vì là ở hàng ngũ quân chính, ít có thì giờ tu trì, Địa Tạng Kinh cũng chưa được đọc. Năm Dân Quốc 32 (1943) tôi phục vụ ở Quảng Đông Hưng, Ninh Phòng Không chỉ huy bộ. Trong bạn đồng sự có hai vị họ Trần, có tính thích bắn chim đang bay. Tôi thường

khuyên can và thừa cơ tuyên dương Phật pháp, và khen mọi thân uy cũng như công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Quyển thuộc của hai vị họ Trần và một vị họ Hứa được Phật pháp cảm hóa, đều lập bàn thờ cúng bái, tuyên dương Thánh Hiệu Bồ Tát. Lòng tin của vị họ Hứa rất là vững chắc, rất là siêng năng thành kính.

Mùa Thu năm đó, tôi vì mắc bệnh nên xin từ chức về quê. Một hôm nọ, ở nhà bỗng ngẫu nhiên mở cuốn Địa Tạng Bản Nguyên Kinh ra xem, mới được vài ba trang, cảm thấy mùi thơm trong quyển Kinh tỏa ra, không lâu thì ngửi thấy mùi thơm phảng phất đầy nhà mãi không tan. Lúc đó tôi đang bị bệnh chưa khỏi, bởi lẽ nhà nghèo không đủ tiền mua thuốc để chữa trị. Vài ngày sau có báo động khẩn cấp, tôi vội chạy ra hàm trú ẩn, vừa ra khỏi cửa thì phi cơ địch đã đến dội bom một cách kịch liệt. Tôi là người đang có bệnh, sợ quá ngất đi, nằm dưới đất như người trúng gió mất hồn. Lúc đó người nhà đã chạy hết vô hầm phòng không, nên không ai biết gì cả. Tôi từ 3 giờ chiều chết giấc mãi đến 7 giờ mới tỉnh lại, qua bốn tiếng đồng hồ. Kỳ lạ hơn nữa là hai ngày sau, bệnh tôi tự nhiên khỏi hẳn. Đó cũng là nhờ pháp lực Từ Bi của Phật cả. Nay nhờ ơn Phật và Bồ Tát, nên ghi chuyện này để nhớ ơn mãi.

● Phùng Tuệ Lai ghi.

Thần Uy Của Địa Tạng Bồ Tát

Son Thiên Thích Huệ Khánh



Tôi đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh, rất tán thán mọi công đức độ sinh của Bồ Tát. Nghĩ lại năm xưa tôi lên núi Cửu Hoa, những hoạn nạn dọc đường may nhờ Bồ Tát từ bi gia hộ, nên nay xin kính cần thuật lại như sau:

Năm Dân Quốc thứ 32(1943) ngày mùng 01 tháng 10 âm lịch, tôi đáp chuyến xe buổi sáng đi Nam Kinh. Lúc đó máy bay màu trắng của nước ta oanh tạc Hạ Quan, toàn cảnh giới nghiêm, chuyến xe đến Vô Hồ bị ngưng trệ. Khi đến Vô Hồ vào lúc nửa đêm, thì đèn đuốc tắt hết, cả ánh sao sáng cũng không có, trời tối đen như mực. Quân Nhật kiểm soát trạm xe rất nghiêm ngặt. Trạm xe lửa cách thành phố khoảng hơn một cây số. Tất cả hành khách đều đi tìm đường vào thành, còn tôi thì đi một mình, không có bè bạn, đến xứ xa lạ đêm tối như mực, không biết đi về hướng nào. Tôi còn đang phân vân suy nghĩ. Bỗng có một vị Tăng đến dắt tôi đi đến một quán trọ. Tôi hỏi địa chỉ thì vị Tăng đó niệm

một tiếng vái rồi đi. Sau tôi suy nghĩ, một là hiển nhiên Bồ Tát hiện ra chỉ dẫn.

Sáng hôm sau, tôi đi thuyền đến Đại Thông rồi đi Đòng Phố và đi dò đến huyện Thanh Dương bằng đường thủy, ước chừng 60 cây số. Ông lái dò cho hay: “Thuyền này thế nào cũng đi qua Hồ Kỳ Sơn”. Trên đó có một đám người, nếu hề thấy người nào từ trong khu Nhật chiếm đóng đi ngang qua thì thường bắn xả xuống. Mấy năm nay bị chết rất nhiều. Mọi người đều rất sợ hãi. Riêng tôi chẳng quan tâm mấy. Vì tôi đến Cửu Hoa Sơn lễ Phật hành hương, nên coi thường sự sống chết, dù có gặp nguy hiểm cũng có Bồ Tát phù hộ. Cho nên tôi rất thản nhiên. Mặt trời đã lặn, màn đêm phủ xuống, gió tuyết thổi từng cơn rất lạnh, mười giờ dò bắt đầu nhổ neo, tôi an ủi bốn người hành khách cùng đi chung, khuyên đừng sợ hãi. Còn tôi thì thành tâm niệm Phật và xưng Thánh hiệu Bồ Tát, rồi ngồi xếp bằng chân, chấp hai tay tụng niệm thành kính cầu khẩn. Sau bốn tiếng đồng hồ mới ngưng. Các hành khách đều im lặng không ai lên tiếng. Chỉ nghe tiếng nước chảy róc rách, thuyền xuôi hạ lưu, hai bên bờ cây cối um tùm, các ngọn núi nguy nga. Những tiếng thú rừng kêu la, tiếng rất thê thảm. Trăng mờ tuyết phủ, mọi người hoảng sợ. May không có chuyện gì xảy ra ngoài ý muốn. Đó cũng là nhờ thần uy của Bồ Tát phù hộ vậy. Đó là điều thứ hai khi trời rạng sáng thì đến huyện Thanh Dương, thấy thành quách tan hoang, nhà cửa xiêu vẹo, những nhà cửa còn lại nguyên vẹn rất hiếm. Đó cũng bởi mùa Hạ năm 31(1942) bị Không quân

Nhật bản oanh tạc mới ra nông nổi này. Từ huyện Thanh Dương đến núi Cửu Hoa, tính ra đến 120 lý (30 cây số), tuyết xuống phủ đầy đường. Người đi chùn bước, đoạn đường còn 60 lý tiếp theo thì tính toàn đường rừng, đường đi càng khó khăn. Muốn tìm người hướng đạo thì kiếm không được. Bỗng có một vị Tăng muốn đến Chùa Thúy Phong muốn được đi cùng. Có dịp may mắn hiếm có như vậy mọi người đều vui mừng, vì gặp được nhân duyên đặc thù này, đều tin rằng Bồ Tát ngấm ngấm phù hộ. Đó là điều thứ ba, đêm đó nghỉ tại Thúy Phong. Sáng hôm sau khởi hành lên đường đi Cửu Hoa Sơn. Từ đó lên Cửu Hoa Sơn còn chừng 80 lý, đường khúc khuỷu quanh co, trèo đèo lội suối rất là khó đi. Thêm vào tuyết đóng thành băng, đường trơn mà khó tìm ngã đường. Mỗi bước đi là một khó khăn. Trụ Trì Thúy Phong Tự ái ngại, cố ý giữ lại, nói là trong 18 năm qua thì năm nay sao mà lạnh buốt quá như vậy. Nhưng tôi quyết một lòng đi hành hương, sao lại e ngại khó khăn? Rồi chúng tôi bàn nhau, quyết định ngày mai lên đường. Tuyết đóng dày từng thước, khó phân biệt được đường lối, gió lạnh thấu xương. Vượt khỏi vài ngọn núi, đường đi hẹp và hiểm trở, băng tuyết càng trơn. Chúng tôi đi một bước là ngã một lần, toàn thân lạnh thấu xương. Có chí đi chiêm bái Bồ Tát nên một lòng thành tâm niệm Phật hiệu, không quản khó khăn, chắc mọi khổ sở gian nan đều được giải trừ gia bị. Chúng tôi cùng nhau cố gắng leo lên một ngọn núi, nhìn bốn phía xung quanh tuyết phủ trắng xóa, núi non trùng điệp. Lúc đó mọi người đã đi được

nửa ngày, chân tay giá lạnh, gió thổi trên mặt lạnh như dao cắt, không thể tiến bước được nữa, bốn phía không một bóng người, tìm đâu ra chỗ nghỉ chân? Đi thêm được vài bước nữa chúng tôi bỗng phát hiện bên sườn núi có một căn nhà tranh, có thể vào trú cho khỏi bị giá lạnh. Chúng tôi nhóm lửa sưởi ấm, khi đã ấm cúng lại tiếp tục lên đường. Đến xế chiều khí trời chuyển lạnh, gió thổi càng mạnh, đường rừng trơn thêm. Càng về tối, gió rét run người, hai hàm răng run bần bật. Đường đi, thế núi nhiều đoạn cao thấp và quanh co, càng thêm khó khăn. Chúng tôi chỉ còn cách cố gắng mà bước đi, ngã rồi lại đứng dậy, băng rừng vượt núi. Xa xa thấp thoáng nhìn thấy đỉnh tháp ẩn hiện. Biết là Thánh Địa Bồ Tát đã gần, mừng quá tôi quên cả mệt mỏi. Bước đi thấy nhẹ nhàng. Cuối cùng đã lên được trên núi. Nếu không có thần lực của chư Phật, Bồ Tát phù hộ thì rừng sâu tuyết phủ, lạnh cứng cơ thể con người không thể gượng dậy được, đã vùi thân nơi núi tuyết rồi. Đó là điều thứ tư. Khi xuống đến chân núi Chùa Quảng Tế, cách Bảo Tháp không xa, đêm đó tôi bèn vào Tháp lễ bái chiêm ngưỡng kim dung và nhục thể Bồ Tát. Tôi ở lại tháp đó một đêm, tán thán khen ngợi công đức của Bồ Tát tứ thế hoàng thân, khiến cho tôi càng phủ phục sát đất, cung kính đánh lễ một trăm lạy. Ghi chép trong Địa Tạng Kinh Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ Tát rằng trong mười phương thế giới không ai có thể ngờ sức mạnh thần uy của Bồ Tát, cứu hộ mọi tội khổ của chúng sinh. Đức Bản Sư đã thốt ra kim khẩu như thế

khuyến người ta cảm động đến chảy nước mắt. Tôi lẽ bái không cảm thấy mệt nhọc.

Sáng hôm sau, chúng tôi thăm viếng các Chùa, danh sơn Thánh Địa, đều có các cao Tăng Đại Đức chỉ dẫn, chúng tôi thấp đèn, cúng dường đủ thứ. Những người nghe tin này ai ai cũng khen ngợi vô cùng. Tiếc rằng vài năm vì loạn lạc về chiến tranh, khách hành hương thưa thớt, Chùa chiền tiêu điều, và có vài ngôi chùa lớn như Đông Nhai và Long Hoa đều bị quân Nhật phóng hỏa đốt hết. Mang tội hủy hoại các chùa và tháp, không biết sám hối, nên bị bại gia vong quốc cũng chưa đủ để đền tội báo xưa. Cứ xem như công đức đạo tràng của Địa Tạng Bồ Tát.

Trên núi Cửu Hoa Sơn, có chín mươi chín ngọn cao vót nghiêm trang, khó mà lên được. Bồ Tát thể nguyện hoằng thâm, có duyên lớn với chúng sinh, nên lúc thời bình khách hành hương đến tấp nập. Nổi đuôi nhau lên núi, đường đi như đất bằng vậy. Tuệ Khánh đến hành hương trong lần này, với một tâm niệm chí thành, tôi xưng tụng Thánh hiệu Bồ Tát, trên đường tuy gặp nhiều khó khăn nhưng cũng đều thoát khỏi cả. Nay nhớ lại, tôi xin ghi rõ đăng trên sách này để tuyên dương ơn đức của Bồ Tát.

Phụ:
 Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm
 Cận Văn
 ❀❀❀

Tả Quân Phục Hòa, là cháu ngoại anh hai, và cũng là cháu bốn đời của Tả Văn Nhượng, rất thành tín với Phật pháp, và cũng rất ham nghiên cứu về khoa học. Nghe nói mẹ của Tả Quân ngày thường rất tôn kính và tin Phật pháp, và nhất là trì kinh Địa Tạng, thường chế luyện các thứ thuốc để phát cho các bệnh nhân. Năm 24 tuổi, Bà mắc bệnh mê man, bèn bảo gia nhân lo liệu đồ chay, rước Chư Tăng đến , thành kính tụng niệm Địa Tạng Kinh 3 ngày. Mẹ Tả Quân thấy Địa Tạng Bồ Tát hiện ra là một vị Cao Tăng, mình mặc áo cà sa, tay cầm Tích Trượng , đến bảo rằng: “Tuổi thọ của ngươi đã hết. Nhưng nghĩ đến người xưa, nay rất có lòng thành kính Phật, đã làm nhiều việc thiện, nên nay cho sống thêm mười hai năm nữa”. Từ đó bệnh khỏi. Sau sống mãi đến năm 36 tuổi mới êm đềm ra đi. Phục Hòa nói ngày trước thường nghe mẹ dạy dỗ phải làm nhiều việc thiện.

- Nhiếp văn Đài ghi lại.

Tào Tông Thanh Nữ Sĩ, hiệu là Tuyết Tài, người huyện Ngô Thục, Mẹ là Phan Thị phu nhân, bị mắc bệnh toàn thân sưng phù trên ba năm nay, bắt đầu khởi từ mùa Xuân năm Mậu Thìn. Chuyện được kể rằng: “Theo lời các thầy thuốc thì bệnh này gọi là khí hư trung mãn”, phải chờ đến khi nước trong da chảy hết mới chết, không có cách gì chữa khỏi được. Lúc đó tôi còn làm việc ở Thân Giáng, mỗi tháng mới về nhà một lần. Vào tháng Tư tôi về nhà, bệnh tình Mẹ tôi đã đến lúc lâm nguy, da bóng loáng như gương, nước đầy phù thũng, da như muốn nứt ra, đau đớn khôn cùng, tiếng khóc kêu la không ngớt. Tôi thật buồn rầu và rất đau lòng. Tôi đành cầu cứu những bè bạn tin Phật, được họ chỉ dẫn thành kính cầu nguyện Đức Địa Tạng Bồ Tát để cứu bịnh Mẹ, sẽ được cảm ứng.

Tôi liền phát nguyện mỗi ngày thành kính tụng niệm Địa Tạng Bồ Tát ba mươi lần, ăn chay ba tháng. Nếu Mẹ tôi được khỏi bệnh thì tôi trọn đời phụng thờ Phật, hành Địa Tạng nguyện, phổ độ chúng sinh cho đến kiếp sau và độ cho những chúng sanh khổ sở trong địa ngục. Đến buổi sáng ngày 27 tháng 5, khi tụng kinh viên mãn, đến buổi chiều Mẹ tôi bèn đi tiểu liên tục suốt một ngày rưỡi mới ngừng. Cả gia đình kinh hoàng sợ hãi. Mẹ tôi cũng tưởng là mình từ nay không khỏi được nữa. Các thầy thuốc đến khám bệnh đều rất lấy làm kinh ngạc, cho rằng một người già lớn tuổi đã hơn 73 tuổi mà còn có sức khỏe như vậy, có thể đã thông được hậu môn, nước chảy ra hết. Hai ba ngày sau, nước da trở lại bình thường, bệnh đã được khỏi hẳn, da dẻ

hồng hào, như ngày cây khô thay da và mạnh khỏe như thường. Bệnh xưa đã lành hẳn.

Tào Tông Thanh Nữ Sĩ còn nói thêm rằng: “Từ ngày tôi nhờ ở Bồ Tát Địa Tạng linh ứng mà cứu chữa cho Mẹ tôi, lòng kính mến và tin Phật càng thêm thành kính”. Ngày 4 tháng Giêng năm Kỷ Tỵ, tôi đến huyện Thân, đến bái yết Đại Ngu Pháp Sư, nhưng bị cự tuyệt, và nói tôi với Đại Sĩ có duyên, và thề hành Địa Tạng nguyện. Hôm sau pháp sư bèn truyền Đại Pháp cho tôi, thành tâm tu pháp, sớm chiều thề trước Phật, nguyện tận kiếp sau, vĩnh viễn phổ độ những chúng sinh chịu khổ dưới địa ngục. Cũng vì vậy nên với địa ngục chúng sinh tôi có tương cảm. Đêm 20 trong tháng, tôi nằm mơ cảm thấy hoang mang, một mình đi trên đường hương về cầu sắt như có tiếng vọng bên tai, bảo tôi đi lên cầu. Vừa đi được mấy bước thì nghe có tiếng khóc than kêu van thê thảm dưới cầu vang lên, như tiếng khóc than của hàng ngàn vạn người lớn bé già trẻ. Lúc đó tôi rất lấy làm thương cảm, đau xót. Nhớ nghĩ đến hồi còn nhỏ thường nghe người ta kể lại, khi xây cất cầu cần nhiều mạng sống để tế lễ, không có tiếng khóc của người bị hại. Trong lòng cảm thấy bất an. Tôi đi thêm một đoạn đường dài khoảng hơn một dặm, tiếng khóc vẫn còn. Đi đến cuối cầu thì tôi có thấy một cửa thành bằng sắt cao lớn, ra khỏi cửa thành thì tôi chợt tỉnh. Lúc đó mới biết mình đang nằm trên giường. Mãi đến lúc đó tiếng khóc thảm thiết như còn văng vẳng bên tai, không hề giảm bớt. Khi tôi trấn tĩnh lại tinh thần, dưới ánh đèn, tất cả mọi vật trong phòng, thực không có thứ

gì mà có thể gây ra tiếng động. Xét cho kỹ tiếng khóc rất là thê thảm. Cảm thấy đau xót thương cảm không thể cầm được, nước mắt tôi tuôn ra như suối. Tôi mới tỉnh nhận ra đó là tiếng khóc thê thảm của những chúng sinh bị đau khổ trong địa ngục mà ra. Tôi bèn mặc áo ngói kiết già và âm thanh này mới hết. Đến ngày hôm sau, tôi sang báo cho Pháp Sư Đại Ngu biết. Sư nói: “Đó quả là tiếng khóc của chúng sinh bị nạn ở dưới địa ngục. Con đã thề nguyện, phát Địa Tạng nguyện, nên mới có cảm ứng như vậy, và được nghe những tiếng khóc than thảm thiết đó thì lại càng nên quyết tâm tu hành, công đức sớm được viên mãn, thì chúng sinh ở dưới địa ngục sớm được thoát nạn.” Tôi nghe lời chỉ bảo của Đại Sư, và cũng vì có lời nguyện trước nên bỏ hết mọi ý nghĩ, chuyên tâm tu hành, liền bỏ công việc và đầu tháng 5 vào rừng tĩnh tu.

Cố Tôn Tín, là cháu ngoại của học giả Hứa Viên Chiêu, năm lên hai tuổi bị chứng bệnh kết hạch, triền miên trong ba năm mà bệnh vẫn chưa khỏi. Mọi danh y đều bó tay. Nghe lời Hứa Viên Chiêu, đem tất cả những đồ vật yêu thích của cháu, y theo lời trong Kinh, đến trước mặt Tôn Tín đọc ba lần, nên đem bán các đồ vật ấy được mười đồng, rồi đem số tiền đó đi tạc một tượng Địa Tạng Bồ Tát, hàng ngày thành kính lễ bái. Từ đó bệnh của Tôn Tín khỏi dần, đến nay đã ba năm mà các chứng bệnh cảm cúm lật vặt cũng không bị. Ngày mùng 2 tháng 3 năm Dân Quốc thứ 16 (1927) tôi có dịp đến thăm ông Viên Chiêu ở Thượng Hải, để trả

tiền đường sá nhà cửa thì được mắt thấy tai nghe chuyện này.

● Lý Viên Tịnh ghi.

Cư sĩ Tào Hựu Tân, người ở An Huy, từ nhỏ ốm bệnh. Mẹ là Vi Thị, đến núi Tư Sơn cầu nguyện, mong Bồ Tát phù hộ để cố tật của con được khỏi. Cả hai mẹ con đều thành tâm lạy Phật. Nhục Thân Tháp là nơi thắng địa của Bồ Tát, hàng ngày thiện nam tín nữ đến thắp hương cúng bái rất đông. Trước tháp là Thập Vương Điện. Trở xuống là Bạch Mã Đình, Hóa Thành Tự, ao Phóng Sinh, quanh co hàng trăm trượng, đường đi quanh co uốn khúc, người đi vất vả. Vi Thị phát nguyện, thề đi quyên góp lấy tiền tu sửa lại con đường. Khi lâm chung Vi Thị trời lại, bảo con đừng quên chuyện này.

Lại con đường này đã hơn mười năm nay, Hựu Tân một mực nghe theo lời Mẹ, vì công trình tu sửa lớn lao, đến nay vẫn chưa thực hiện được. Ngày tháng 2 năm Mậu Thìn, ngày lễ Quán Âm Thánh Đản, Hựu Tân lên cúng bái trên Chùa và lễ Tháp. Cúng xong Hựu Tân bèn đến trước Thiên Đường du lãm phong cảnh, bỗng nhiên thấy Mẹ Vi Thị và một số nữ gia nhân, mỗi người mang một cái túi, ở cổng chánh giáng xuống ngay trước mặt, cách Hữu Tân khoảng mười bước. Hựu Tân nhìn thấy mẹ rất rõ, bèn vội sấn bước đến gần,

nhưng thoáng cái đã biến mất. Hựu Tân bèn nghĩ rằng, lời Mẹ trời lại khi lâm chung đến nay chưa hoàn thành, nên hiện thân điếm hóa nhắc lại. Từ đó Hựu Tân lại càng gắng sức quỳên góp để sớm hoàn thành ý nguyện của Mẹ. Nay linh sơn thẳng cảnh đường sá trang nghiêm, có thể nói là lấy lòng hiếu, và báo Phật ân để làm lợi lạc cho chúng hữu tình.

● Hứa Chỉ Tịnh ghi.

Triệu Quế Khanh, người ở Hợ Phì, tỉnh An Huy, là người làm ruộng nhưng hiếu học. Vợ chồng ở với nhau đã quá 50 tuổi, chỉ sinh được một đứa con tên là Tồn Kim, đang vào học trong một Trường Tư Thục. Cuối Thu năm đó, Tồn Kim bị bệnh cảm cúm, mấy ngày thì mất. Vợ chồng Quế Khanh thương khóc vô cùng. Một buổi tối kia nằm mơ thấy Địa Tạng Bồ Tát đến an ủi rằng: “Con của người đã mượn xác hoàn hồn, cuối năm người đến núi, có thể gặp được”. Khanh tỉnh giấc, vui mừng khắp khởi, nghĩ rằng đêm ngày nhớ con thành ra ngây dại, mộng mị khó tin, nhưng Bồ Tát báo mộng thì cũng không dám bỏ qua.

Tháng chạp năm đó vợ chồng cùng nhau đến Triều Sơn, đến trước Phật điện bỗng thấy có một đứa trẻ chạy đến, lớn tiếng kêu Cha Mẹ. Hỏi tên tuổi và quê quán thì biết đây là Tồn Kim và Triệu Nhi là hai đứa

trẻ trao đổi sinh tử, diện mạo tuy khác nhưng tiếng nói vẫn như xưa, và nói rằng: “ Nhờ Bồ Tát phù hộ mới được mượn xác hoàn hồn.” Hai Vợ chồng mừng quá mới dắt đứa trẻ về, coi như con mình vậy. Cha mẹ của Triệu Nhi nghe vậy không đồng ý, hai bên tranh chấp và kiện tụng. Tôn Kim mà nói là đội lốt Triệu Nhi hoàn hồn, và cũng không muốn trở về nhà Cha Mẹ nữa. Sau được mọi người hòa giải nên hai gia đình đi lại với nhau và công nhận đứa bé là con chung. Đó là một phán quyết mới của hai họ Triệu và họ Kim. Năm Dân Quốc thứ 9 (1920) cúng dường tặng một tấm bảng đề là “Phật Pháp Vô Biên” treo trên núi Chiêu Sơn để kỷ niệm sự việc này và khi Hựu Tân lên núi được thấy. Biên chép sử liệu việc này như vậy.

- Hứa Chỉ Tịnh ghi.

Phụ Lục

Sách của Hoằng Nhất Pháp Sư của Lý Viên Tịnh



Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục đến nay đã 5 lần tái bản, rất được người đọc hoan nghênh. Trong cuốn Địa Tạng Thập Luân Kinh có ghi rất nhiều lời văn khen ngợi cảm ứng, mong rằng quý vị đọc Bản Kinh này (Kim Lăng Bản, Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh) rất tốt. Xin đọc kỹ cuốn Kinh này từ sau lời tựa sẽ được hiểu biết nhiều lắm. Lại chiêm nghiệm Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh, Kim Lăng Bản và sự chú thích Kinh cũng như Địa Tạng Bồ Tát đã nói. Duy Bản Kinh này nói vì chân như quán pháp, nên không được thông dụng phổ biến. Kể cả Bản Nguyên Kinh, cộng ba loại, người đời gọi là Địa Tạng Tam Kinh, lại gọi là Kim Cương Tam Vị Kinh Bản Kim Lăng cuốn chót, cũng như Địa Tạng Bồ Tát nói lại. Những văn thông dụng dễ hiểu dùng ghi lại càng tốt.

Những cuốn Kinh kể trên phần nhiều gọi là Địa Tạng Bồ Tát. Duy có Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán Kinh gọi là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ngoài các cuốn Kinh có đề rõ Địa Tạng Bồ Tát, như 4 cuốn dịch Bản Hoa Nghiêm Nhập Pháp Giới (đời nhà Tấn dịch 60 cuốn, nhà Đường dịch 80 cuốn, đời Tây Tần biệt dịch), những tác phẩm này gọi là Phật nói La Ma Già Kinh. Nhà Đường đời Trinh Nguyên biệt dịch phẩm này là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, đều ghi rõ là Địa Tạng Bồ Tát. Nhưng Tây Tần gọi là Trì Địa Tạng Bồ Tát, nhà Tấn dịch là Đại Địa Tạng Bồ Tát. Trinh Nguyên biệt dịch là Hoa Nghiêm Thập Địa Kinh. Phật nói Tám Đại Bồ Tát Kinh v.v... tất cả đều có tên của Địa Tạng Bồ Tát, ngoài ra có trăm ngàn bài tụng Đại Tập Kinh Địa Tạng Bồ Tát thỉnh vấn Pháp Thân Tán một quyển. Còn Bí Mật Bộ (Mật Tông) có ghi Địa Tạng Bồ Tát, không thể kể hết được. Nhiều người chịu ơn sâu xa của Bồ Tát, góp viết lại những sự hiểu biết của mình. Trong cuốn Linh Phong Tôn Luận của Ngẫu Ích Đại Sư cũng có viết rất nhiều tác phẩm của Địa Tạng Bồ Tát. Mong các vị thiện tín nên đọc. Còn trong Tục Tạng Kinh có ghi Địa Tạng Bồ Tát phát tâm nhân duyên Thập Vương Kinh thì đây là cuốn kinh giả, không nên để lưu hành trong nhân gian.

Hỏi: Trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát cũng có câu vãng sinh Tịnh Độ không?

Đáp: Có, nay thí dụ như Bí Mật (Mật Tông), Địa Tạng Bồ Tát nghi quỹ nói rằng: “Địa Tạng Bồ Tát nói chú này và lại nói là Thành tựu pháp, nếu nghĩ đến diệt tội sinh thiện, sinh thân, sau sinh Cực Lạc. Lấy cỏ Hộ Ma, ba vụn lần. Địa Tạng Thập Luân Kinh nói rằng: “Sẽ sinh nước Tịnh Độ, nơi ở của Đạo Sư, lên chỗ Vô Thượng Thừa, mau được trí tối thắng.” Lại rằng: Sẽ sinh quốc độ Phật, xa lìa các việc ác, qua kia chúng Bồ Đề, xa lìa các sân giận. Lại nói rằng: “Như thế Bồ Tát cả phước đức lẫn trí huệ, nhanh chóng đầy đủ, chẳng lâu sau an trú nơi nước Phật thanh tịnh, chúng được vô lượng chánh đẳng Bồ Đề.” Lại nói: “Mau đến Tịnh Phật quốc, chúng được Đại Bồ Đề.” Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh viết rằng: “Kinh viết rằng: “Địa Tạng Bồ Tát nói, nếu người nào muốn sinh ở nơi kia hiện ở Tịnh Phật Quốc, lẽ đương nhiên phải theo danh từ nơi thế giới Phật ấy, chuyên tâm tụng niệm, một lòng không loạn. Nếu là kẻ quan sát, quyết định được sinh ở Phật Tịnh Quốc, thì cần lành tăng trưởng rất nhanh và không ngừng”. Cho nên Ngẫu Ích Đại Sư nương theo Chiêm Sát lập ra sám pháp, ai muốn tùy ý vãng sinh tại Tịnh Độ Phật Quốc thì nên thọ trì tu hành sám hồi pháp này. Trong sám hồi pháp phát nguyện văn rằng: “Xả bỏ qua thế giới kia, sanh ở trước Phật, thân được thọ ký, trở lại trần lao, phổ độ quần mê, đồng quy Bí Tạng.”

Sám Pháp có bốn Bộ



- 1- Bản tiếng Phạn - Địa Tạng Sám - Bản của Dương Châu, gồm 3 quyển.
- 2- Địa Tạng Sám Nghi - Bản của Hàng Châu, gồm 1 quyển.
- 3- Bản tiếng Phạn - Địa Tạng Sám Nguyên Nghi - Bản của Dương Châu gồm 1 quyển.
- 4- Chiêm sát Sám Nghi - Bản gọi là: Chiếu Sát Hành Pháp phụ nghi sơ hậu. Lại có thêm một hàng về Bản của Dương Châu, gồm 1 quyển.

Loại 3 và 4 này do Ngẫu Ích Đại Sư biên soạn, quá hay !

Địa Tạng Bồ Tát Phóng Quang Ký



Tháng 2 năm Dân Quốc thứ 33 (1944) vào buổi sáng tôi lên lầu Tán Mỹ lễ Phật. Đến 8 giờ tối, lại đến sảnh trước nơi Thờ Quan Âm Đại Sĩ và tụng niệm danh hiệu Chư Phật Bồ Tát. Vì muốn yên tĩnh, tôi tắt đèn đứng nghiêm, chấp hai tay hướng về Phật, miệng niệm mắt nhìn chăm chú, trong lòng thành kính có cảm giác như ban ngày, rồi tiếp tục tụng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát một ngàn lần. Sắp đến số lần, tôi bỗng nhiên thấy có ánh sáng chói lòa, to lớn như miệng chén, chiếu như ngọn đèn, cách ba thước về phía bên trái tượng Quan Âm Đại Sĩ. Mới đầu tôi tưởng là có người cầm đèn đi qua vườn, soi sáng vách tường. Tôi quay đầu nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy mặt trăng chưa ló dạng, khuôn viên vắng tanh, không có người qua lại, đoạn tự nghĩ có lẽ là thị giác của tôi có vấn đề, nhìn về chỗ cũ ánh sáng đã tắt không thấy gì nữa. Tôi trở lại chỗ cũ tiếp tục tụng niệm, thì thấy ánh sáng lại nổi lên, nhưng hơi cao hơn lần trước một chút. Tôi mới nhớ ra

là chỗ đó có một pho tượng của Địa Tạng Bồ Tát, hình dáng như năm trước mà em tôi là Trí Phương đã vẽ để in ra gửi tặng các đồng bào ở hải ngoại và quốc nội, để truyền bá cho mọi người thờ phụng. Đoan chắc là ánh sáng của Bồ Tát, tôi vội gọi em tôi đến xem. Khi hỏi thì em tôi cũng đồng một ý kiến. Lúc đó phụ thân tôi cũng bước vào, cùng chúng tôi xưng niệm Thánh hiệu, ánh sáng được vài phút thì tắt. Trước kia mẫu thân tôi nghe lời khuyên, cả người cùng áp là cư sĩ Hạng Trí Nguyên, trường trai lễ Phật hơn 10 năm. Cả gia đình cũng vậy, không ai là không sùng tín Tam Bảo, trước sau quy y với các Đại Sư: Ấn Quang, Trí Tùng và Diệu Trân, bao năm nay. Anh em tôi có nguyện vọng hoằng pháp để làm lợi ích, tháng Giêng năm nay Mẹ tôi bị bệnh, cánh tay bên phải không cử động được linh hoạt, bước đi khó khăn, mà Cha tôi bên cạnh vú trên ngực bị bệnh bứu, đang tìm cách chữa chạy. Còn anh em tôi thì cho là tại sao có nông nỗi này? Biết là vì túc nghiệp sinh ra, chỉ có Phật lực mới có thể khỏi được, nên lại càng chăm chỉ thành tâm niệm Kinh cầu Phật phù hộ.

Đến đêm 29, Mẹ tôi lưỡi cứng không nói năng gì được, hình như là bị trúng gió. Anh em tôi phát nguyện, ngoài việc xưng tụng danh hiệu của Chư Phật ra, xin thành tâm khẩn nguyện đọc Địa Tạng Bản Nguyện Kinh. Đồng thời thay Mẹ tôi sám hối tội chướng. Bệnh tình quả nhiên thấy khỏi dần. Mẹ tôi từ ngày mắc bệnh, ngày đêm thành kính tụng niệm và xưng danh Địa Tạng Bồ Tát, đâu phải một ngày, để có được ánh sáng đêm qua, thực ra là sự hiển linh của Bồ

Tát. Bởi thế lòng tin của anh em tôi càng thêm bền vững. Cả gia đình tôi rất vui vẻ, tin chắc rằng bệnh tình của Cha Mẹ thế nào cũng được sớm khỏi. Mà ân đức của Bồ Tát quả làm cho Anh Em chúng tôi cảm kích vô cùng. Bản Nguyên Kinh chép rằng: “Nếu đời vị lai có thiện nam thiện nữ, cầu xin đời này hay đời sau, có ngàn vạn ức lời nguyện, nhưng phải quy y, chiêm lễ và phụng thờ hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, thì sẽ được nguyện vọng sở cầu. Mọi sự đều được thành tựu.” Phàm gặp bệnh nguy tai hại, thì nên thành kính lễ bái Địa Tạng Bồ Tát thì tự nhiên sẽ được Bồ Tát rủ lòng che chở độ thoát. Quy kính công đức không thể nghĩ bàn của Ngài. Tất cả đều là tùy theo lòng phát tâm của thế nhân trong đời này mà thôi.

Ngày hôm sau ngày phóng quang của Bồ Tát Địa Tạng, vào tháng 2 năm Giáp Thân. Đệ tử Dương Đồng Tô, pháp danh là Nhân Tăng kính thuật.

Địa Tạng Bồ Tát Thánh Ân Ký

Tô Duệ Minh Nữ Sĩ ở Thường Thục



Gia đình tôi có mấy nhân khẩu, duy chỉ có Cô tôi là ăn chay trường, thành tâm kính phụng Phật giáo. Tôi tuy tin là có Phật và Bồ tát, nhưng thờ cúng chênh mảng. Đến khi Cô tôi mất đi, thì chư vị cư sĩ trong liên xã đến giúp hộ niệm. Tôi và chư vị cư sĩ qua lại lâu ngày nên dần dần cũng kính phụng Tam Bảo. Tịnh Hành Liên Xã ở Lục Uyển Trân có vị Chính Mông Pháp Sư, tận lực tuyên dương Phật giáo hết lòng tán thán công đức cứu khổ độ nan của Địa Tạng Bồ Tát. Thường khuyên các hội viên nên đọc nhiều Địa Tạng Kinh, thế nào cũng có cảm ứng. Chính Pháp Sư khởi xướng việc này. Trong có vài tháng quả nhiên linh ứng luôn luôn thể hiện. Nay tôi ghi lại các sự tích để chứng minh về sau sự linh cảm của Bồ Tát thật không thể lường được.

Chuyện 1:

Con dâu tôi sản hậu, bị bệnh thần trí rối loạn, nói năng bậy bạ, đã nhiều ngày, nhờ các y sĩ Đông và Tây y chữa trị cũng đều vô hiệu. Tôi vì tin Phật và nhờ Pháp Sư Chính Mộng chỉ dẫn, bèn tập hợp các vị cư sĩ trong Tịnh Hành Liên Xã, cùng nhau tụng niệm Địa Tạng Kinh. Mới đọc hết cuốn Thượng, bệnh con dâu tôi tự nhiên khỏi hẳn, thần trí tỉnh lại như xưa. Đọc hết cuốn Trung và Hạ, con dâu tôi thêm thiếp ngủ ngon, bệnh tình khỏi hẳn.

Chuyện 2:

Anh thợ bạc họ Tiền, mắc chứng bệnh kỳ lạ, cổ bị sưng to, ăn uống không được, đã mấy ngày nay, đau đớn khổ sở. Lúc nào anh cũng kêu gào rằng: “XXX (Tên của một cư sĩ rất thành kính Phật giáo ở bản Trấn) đang ở thiên đường, ta ở địa ngục XXX, mau đến cứu ta”. Với người nhà của bệnh nhân đến mời một cư sĩ, cùng với các xã viên đến đọc Địa Tạng Kinh. Đọc xong bệnh nhân bỗng nói rằng: “Vừa rồi có người đến cởi dây cho tôi khỏi bị treo cổ”. Bệnh khỏi liền.

Chuyện 3:

Người đàn bà họ Đỗ, bị bệnh thương hàn rất nặng, mời các thầy thuốc Đông và Tây y đến chữa trị, nhưng bệnh tình vẫn y nguyên. Cả gia đình Đỗ Thị đều ăn

chay niệm Phật, bèn đọc Địa Tạng Kinh. Kinh đọc xong thì nhiệt độ giảm xuống, bệnh khỏi dần, rồi khỏi hẳn.

Chuyện 4:

Mẹ tôi năm nay 79 tuổi, bỗng bị chứng bệnh phong, hai chân khép lại không mở ra được, đau đớn vô cùng. Nằm trên giường bệnh mấy năm thì mất, sau đó một đêm, tôi nằm mơ thấy Mẹ hiện về nói là: “chân đau quá.” Tôi cũng chỉ cho là nhớ quá ra mộng nên cũng chẳng để ý. Ngày kia ở trong Liên Xã nói đến chuyện này, Chính Mộng Pháp Sư khuyên nên đọc Địa Tạng Kinh, có thể cầu xin cho tội nhân thoát khỏi khổ đau. Tôi bèn mời một Đạo Sĩ cùng tụng niệm. Đến ngày thứ 6 thì nằm mơ thấy Mẹ tôi bảo rằng: “đã thoát khỏi khổ đau rồi.” Đến ngày thứ 7 đọc xong Kinh, tôi lại nằm mơ thấy Mẹ đi Tây Phương. Tôi còn đi tiễn chân... Đó! Ta thấy oai lực của Bồ Tát có thể giải thoát những đau khổ của người tại u minh. Lành thay !

Chuyện 5:

Bản Trấn có người họ Đường, tên là Nhị Quan, có người con và bà chị thứ ba họ Vương có đứa cháu, đều mắc bệnh, chữa trị cũng vô hiệu, nghe qua Địa Tạng Bồ Tát thần uy linh cảm, nên thành kính đọc Địa Tạng Kinh, bệnh đều khỏi cả.

Địa Tạng Bồ Tát Thánh Uy Ký

Phương Dục Huệ



Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ 34(1945) cuộc chiến xâm lấn quân nguy địch đang kịch liệt, Bất Hiếu Tử đang hầu hạ Mẹ ở Thượng Hải. Chị tôi lúc đó cũng ở Thượng Hải. Cha tôi lúc đó có việc bận ở Trấn Giang. Ngày 28 tháng 4, tức là ngày 17 tháng 3 âm lịch, nhận được điện tín từ Trấn Giang đánh về, cho biết Cha tôi bị bệnh nặng. Tôi bèn bàn với Mẹ và chị đến thăm Cha. Mẹ tôi cho rằng hiện nay sự giao thông bất tiện, giá vé xe đắt khó mua, và chỗ đó những kẻ trộm cướp rất nhiều, đàn bà và trẻ con không nên đi. Vì vậy là chuyển đi không thành.

Mỗi khi nhớ đến Cha thì lòng dạ rối bời trăm mối. Hôm sau tôi đến nhà chị bàn việc này, và ở lại qua đêm, cùng với cháu ở một phòng. Ở khu đó đèn đóm quản lý rất nghiêm, 10 giờ là tắt điện. Trước 10 giờ thì

chúng tôi lên giường ngủ. Vì quan tâm đến Cha, tôi trần trọc mãi không ngủ được. Phòng ngủ ở trên lầu 3, trước sau đều có cửa sổ, nhìn về cửa sổ đằng sau thấy ánh trăng sáng vàng vạc. Thiu thiu giấc ngủ, bỗng tôi thấy một đám đông người đi đến, rồi dừng bước ngoài cửa, chỉ có một mình Cha tôi rẽ đám đông vào nhà. Tôi đang định hỏi thì Cha tôi đã đứng sững trước giường, kêu gọi tên tôi, tiếng rất thê thảm rằng: “Thôi ta hết đời rồi, ta sắp đi đây, con có biết không?” Nghe lời biết là sự bất tường, nét mặt tiều tụy, tôi không biết nói gì hơn, chỉ có cách nghẹn ngào an ủi rằng: “Con đã biết rồi, Cha đừng buồn, sống chết có số. Thề xác của con người chẳng có ai là có thể duy trì được mãi, ngoại trừ Phật lực ra, không còn cách nào giải thoát được. Thường ngày con khuyên cha niệm Phật là lẽ đó. Cha tuy không nghe lời, nhưng lập nguyện quy y, nhất niệm thiện ân, không phải là vô ích. Cha hãy nghe lời con”.

Cha tôi mặt mày âm đạm nói rằng: “Trễ mất rồi, ta sẽ cùng với mọi người này đi đây”, nói rồi chỉ tay ra ngoài cửa. Những người đứng chờ bên ngoài cũng ngó vào, ý như thúc giục. Cha tôi quay ra nói với đám đông: “Mọi người đứng chờ tôi như vậy, xin chờ thêm ít phút nữa, vì tôi còn vài lời nói với con gái tôi”. Nói rồi Cha quay trở lại nói với tôi rằng: “Huệ Nhi! Cha đang cần sự đọc Kinh niệm Phật để được siêu thoát. Ta rất hối hận ngày thường không nghe lời khuyên của con”, nói rồi nhìn ra ngoài đám đông nói: “Tôi đến ngay”, Rồi nói: “Cha đi đây, nhớ niệm Phật cầu siêu độ cho Cha”, nói rồi cất bước ra đi. Tôi vội hỏi Cha tôi

còn nói gì nữa không? Cha tôi quay lại nói rằng: “Không có gì đáng nói nữa, hãy nhớ niệm Phật cầu siêu cho ta”, nói rồi hai tay bưng mặt như lau nước mắt. Còn tôi cũng không cầm được hai giòng nước mắt tuôn rơi. Khi ra khỏi cửa, Cha tôi ngoái lại nói: “Ta chờ sự cầu siêu độ của con”. Bỗng trong đám đông ngoài cửa có một người cầm một vật như một sợi dây, quăng vào người Cha tôi. Tôi rất đau lòng, bèn giơ tay nói: “Người này là Cha tôi.” Tôi phụng Phật pháp, tự tin có thể xin Phật lực giải tội cho Cha tôi. Cha tôi chắc không ở lâu trong cõi u minh, chỉ trong một tháng thế nào cũng sẽ được siêu thoát. Xin nể tình khoan hạn, tôi xin hậu tạ ơn huệ”. Người đó quả nhiên nói tay, cùng Cha tôi và mọi người ra đi.

Mọi chuyện xảy ra đều không kinh động đến ai, tôi bèn đánh thức đứa cháu thì thấy nó đang ngủ ngon. Anh rể tôi là người rất nhát. Còn chị tôi thì từ xưa đến nay tự hào là người không mê tín. Tôi bèn giữ kín chuyện này, nhưng biết chắc là Cha đã mất, cả đêm không ngủ được, bèn niệm Phật hiệu. Sáng hôm sau tôi dậy sớm, về nhà Trường, bạn học giao cho tôi một bức điện tín nói là mới nhận được đêm qua, dịch xong nước mắt đầm đìa. Bản điện tín cho hay Cha tôi đêm qua đã từ trần. Lòng tôi đau như cắt.

Từ ngày hôm đó tôi bắt đầu đọc Kinh niệm Phật. Tôi tuy quy y đã mấy năm nhưng chưa hề đọc Kinh Địa Tạng và phụng trì danh hiệu Chư Phật. Nay vì Tiên Nhân mà xin ơn. Nay mới khẩn tụng Phật và danh hiệu

Bồ Tát. Lòng thành đánh lễ cầu khẩn. Đến ngày 25 tháng 2, Cha chết đi đã 8 ngày, đêm đó tôi đang quỳ tụng niệm, bỗng thấy một luồng ánh sáng trực chỉ về phía Đông Bắc, dài như một dải vải. Tôi thấy Cha tôi đang quỳ trong đó, ngày đêm tụng niệm. Tất cả đều thấy ánh sáng đó, mới đầu chỉ thấy một mình Cha tôi quỳ ở trong đó bái lạy. Ánh sáng mỗi ngày một xa. Sau đó người đến đánh lễ mỗi ngày càng đông. Có người mặc quần áo như nhà Quan cũng phủ phục vái lạy, trong ánh sáng, một điều lạ là ánh sáng đó đều chỉ hướng miền Đông Bắc, các phía khác thì không thấy gì.

Ngày 8 tháng 4, là ngày Thế Tôn Thánh Đản, ban ngày tôi đặt bàn thờ bày cúng trái cây, hoa, và tụng niệm, thì thấy trong ánh sáng có nhiều người lễ bái, cũng như mọi ngày. Vào tối, theo thường lệ tôi tụng niệm xưng danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, thì bỗng nhiên tôi thấy Bồ Tát hiện ra tay cầm Trượng cắm xuống đất, có ánh sáng tỏa ra thành một khu vực rộng lớn. Sức mạnh làm cho đất chuyển rất lâu. Chân tay tôi run bần bật, không thể tự chủ. Trong ánh sáng có rất nhiều người nhảy nhót vui vẻ, có kẻ chạy tán loạn, cũng có kẻ bay bổng lên trời, như được niềm vui thú vậy. Lúc đó Phật Quang sáng chói, không thể nhìn gần được. Lúc đó mọi người nhón nháo, có kẻ bay bổng lên trời, có kẻ chạy tán loạn, có kẻ ung dung, cũng có kẻ vội vã, nhìn kỹ chưa thể tìm thấy cha tôi hiện tình ra sao. Tụng niệm Kinh Địa Tạng Bồ Tát và xưng tôn hiệu xong rồi, tiếp theo tôi tụng niệm lễ Phật và xưng Thánh hiệu, bèn chăm chú nhìn kỹ thì không còn thấy ánh sáng ở miền

Đông Bắc nữa. Trong lòng cảm ơn và nghĩ thâm, Cha tôi chắc nhờ ơn Phật đã được siêu thoát rồi. Kể từ ngày Cha tôi mất đến nay vừa đúng ba tuần, chưa đầy một tháng. Phật ân rộng sâu, Phật lực hoằng đại, thật không thể lường được. Mừng vui lẫn lộn, tôi chỉ còn cách cúi đầu tạ ơn mà thôi.

Ngày mùng 9 sáng dậy tôi vẫn tụng niệm như thường. Bỗng nhiên ngoảnh nhìn về phía Tây, tôi thấy một dãy nhà thấp, chừng vài trăm gian. Các gian nhà tuy nhỏ hẹp nhưng rất gọn gàng và ngăn nắp, nối tiếp nhau như một xóm làng. Cách đó chừng 3 mẫu, lại có một căn nhà nhỏ biệt lập, bốn bề không có nhà bên cạnh, nhưng tường vách vẫn còn mới. Cha tôi chắc là ở đó, đi quanh gian nhà. Nghĩ rằng linh cữu Cha tôi ở chốn này, tôi nhìn các gian nhà kê cận là ở trong nghĩa địa của Thiên Chúa giáo. Lúc đó vì thời cuộc chưa yên, chưa dám gửi mai táng vào đó, rồi nhờ người quen mua miếng đất ở khu đó, để sau này thời bình thì di chuyển linh cữu về nguyên quán an táng. Nơi đó ở bên cạnh nghĩa trang Thiên Chúa giáo nên đành phải như vậy.

Từ đó tôi thành tâm cầu khẩn, mong Cha tôi lễ tạ Phật ân, vững chắc niềm tin, giữ vững thiện niệm. Không lâu thì thấy Cha tôi phủ phục dưới đất. Từ đó cứ mỗi lần khấn niệm tôi đều thấy Cha tôi ở trong gian nhà nhỏ đó, nếu thấy bóng dáng của Cha, thì lúc ông lễ bái phủ phục. Sự linh ứng mau lẹ như vậy, thật không thể lường được. Thật là một sự lạ lùng. Ngày 9 sau khi tụng niệm xong, tôi bèn lấy bản đồ ra xem, được biết

Trần Giang quả là ở miền Tây Khiết Bô, chứng minh là việc thấy ấy chẳng ngoa. Ngày 25 tháng 3, tôi lại thấy Phật Quang xuất hiện ở miền Đông Bắc. Lúc đó tôi thật không hiểu là ý gì. Một ngày kia mở cuốn Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục ra coi, tôi mới biết là đời nhà Đường, khi Dương Châu Đốc Bửu Đặng Tôn mất đi, mình sứ dẫn đi du địa ngục là ở miền Đông Bắc, thì mới tỉnh ra là Địa Tạng Bồ Tát có Tích Trọng có thể mở chín cửa ngục u minh. Nay tôi chứng minh sự kiện này là sự thật, thần uy của Phật pháp thật không thể nghĩ bàn được.

Nay tôi theo sự thật mà ghi lại, chờ khi có cơ duyên sẽ phổ biến lại cho các thiện tín nghe, để hoằng dương Chánh pháp, mượn ánh sáng Phật Quang phổ độ cho sự trầm luân của Tam Đồ.

Tam Bảo Nữ đệ tử Phương Dục Huệ
kính ký.

Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Ký

Khuông Trí Thanh



Tháng 7 mùa Thu năm Bính Tuất, chị tôi bị bệnh thương hàn rất nặng. Tất cả các thầy thuốc đều bó tay. Vừa lúc tôi đến thăm bệnh ở bên cạnh, tôi thấy cuốn Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh có ghi, nếu đem đồ quý báu như quần áo đem bán để lấy tiền tạc tượng hay vẽ lại Địa Tạng Bồ Tát, hoặc nếu người nghiệp báo đáng lẽ phải ốm đau, nhưng nhờ công đức kể trên, bệnh sẽ khỏi và được tăng thọ. Nếu phát nguyện nhờ người thay thế bố thí tiền bạc và chỉ cho Cửu Hoa Sơn Quảng Tế Tự, quyên góp giúp ít nhiều để đúc tượng Địa Tạng Bồ Tát, và khuyên chị tôi nên cầu nguyện như vậy, thì sẽ được cánh buồm chuyển theo gió. Thì cơn nóng sốt được giảm, người được tỉnh táo, bệnh tình bớt đi, mười phần thì bớt được bảy hay tám phần. Những người đứng chung quanh đều cho là lạ.

Một buổi sáng bảy ngày sau, chị tôi thấy một vị Lão Tăng, tay cầm chiếc gậy thiếc, từ từ đi vào phòng khách đứng bên cạnh giường. Chị tôi chấp tay kính cẩn, thì không thấy đâu nữa. Từ đó chị tôi thấy các bệnh chân tay bủn rủn, tinh thần mỗi mệ**tt** bỗng nhiên khỏi hẳn. Mới hay là Bồ Tát che chở cho lục đạo, phổ độ những kẻ có tình, thần thông và uy đức thật không thể nghĩ bàn. Chị tôi sau khi khỏi bệnh thì lập chí tu tịnh nghiệp, ngày đêm tụng niệm xưng danh Bồ Tát, hàng tháng trai giới lục chay, gặp ai cũng khuyên răn, và nhờ tôi viết dù**m** Linh Cảm Ký để phổ biến cho mọi người được biết, để đồng sinh chánh tín, đồng trồng căn lành.

Khương Trí Thanh ghi.

Địa Tạng Bồ Tát Thánh Ân Ký

Giác Thuần



Tôi trước kia vì bị bệnh nên xuất gia. Từ ngày xuất gia đến nay chưa bị ốm nặng lần nào, có khi tứ đại không điều hòa, nghỉ và ngồi tu chỉ quán pháp thì bệnh khỏi liền. Mùa Xuân năm nay năm Dân Quốc thứ 36 (1947) tôi đến Hàng Châu hành hương, dọc đường khai kiến Phật thất, ở lòng thuyền lập Đạo Tràng ngày đêm tụng niệm không ngừng. Thuyền nhỏ chở nhiều người, bên trong thì nóng, bên ngoài thì lạnh, nên khi về nhà tôi thấy mệt nhọc, nhưng cũng chưa để ý.

Mãi đến 23 tháng 4 tôi thấy bệnh tình trầm trọng, 10 ngày không một hột gạo hay một giọt nước vào bụng. Đêm ngày 30 bệnh tình nguy kịch, thì thấy Địa Tạng Bồ Tát một tay cầm Trượng thiếc, một tay cầm Bình Bát, đứng trước giường bệnh nói: “Hãy yên tâm niệm Phật”. Sáng hôm sau thì tôi thấy bệnh tình đã đỡ.

Đến ngày 5 tháng 5 thì tôi có thể ăn cháo được, đến ngày Lễ Phật Đản thì khỏi hẳn. Nay nhờ Đại Pháp Luân Thư Cục xuất bản cuốn Địa Tạng Bản Tích Nhân Duyên 100 cuốn để báo đáp ơn sâu đặc biệt, ghi lại việc này vậy.

Mười hai câu chuyện bên trên được trích ra từ
Nguyệt San Giác Hữu Tình

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký

Ngô Kinh Nhân



Cư sĩ Hoàng Đức Xuân, người Ninh Ba, ở Thượng Hải, khu Bồ Đông Châu, đường Y Trang, mở tiệm bán đồ mã tên cửa hiệu là Di Nguyên đã mấy chục năm. Năm xưa cư sĩ đã quy y với Ấn Quang Pháp Sư, hàng ngày rất chăm tụng niệm Kim Cang Kinh, giữ gìn lục trai rất kỹ. Kính nhân gần đây bận về công việc nên ít gặp. Nhân dịp Bồ Liên Xã cử hành lễ A Di Đà Phật thất ngày 20 tháng 11 công đức viên mãn, tôi đến bưu điện gửi thư. Ông chủ sự mới nói với chủ nhân rằng: “Hoàng cư sĩ ở bên cạnh bị bệnh từ mùa Đông năm ngoái đến nay, nên Kinh Kim Cang và lục trai giới duy trì mấy năm đến nay đã xao lãng và phá giới. Bởi thế nên hồn du địa phủ, đêm ngày kêu khóc khổ sở, có mời Đạo Sĩ đến làm phép khu trừ nhưng vô hiệu. Ông là huynh đệ, nên đến thăm ông ấy, xem ông ấy còn nhận ra được ông hay không?”

Kính nhân bèn đến hiệu ông Hoàng Đức Xuân thăm, chỉ nghe thấy tiếng kêu khóc, bèn đến bên giường bệnh hỏi: “Ông còn nhận ra được tôi không?” Ông Hoàng Đức Xuân nói: “Ông là anh em, hãy đến cứu tôi. Tôi bị nhiều đau khổ dưới địa ngục”, lời nói lắm nhắm, trông người hôn mê. Trên bàn xương thịt bừa bãi. Kính nhân bèn trách rằng ông không nên ăn những thức ăn này, và khuyên nên một lòng niệm Kinh Phật, cầu sinh Tây Phương. Kính nhân giúp ông ta cùng đọc kinh một hồi nhưng không thấy hiệu quả. Nghĩ lại khi Mẹ Kính nhân trước kia có bệnh cũng mê man tương tự như vậy. Liền đón Chư Tăng đến đọc Kinh Phật, và đọc Địa Tạng Bản Nguyên thì được khỏi. Bèn khuyên người nhà cư sĩ Hoàng Đức Xuân nên đến mời Chư Tăng đến đọc 7 bộ Địa Tạng Kinh, và niệm Địa Tạng Thánh hiệu mười ngàn lần, sẽ được Bồ Tát phù hộ khỏi bệnh. Rồi Kính Nhân từ giã ra về. Ngày mùng 6 tháng 12, ngày Hội Kỳ của Liên Xã, Kính nhân đến dự hội, nghe Trần Gia Tuấn cư sĩ cho hay rằng: “Hoàng cư sĩ chờ ông đã nhiều ngày, vì bệnh ông ấy nhờ Bồ Tát phù hộ nay đã khỏi hẳn. Sau khi đọc xong 7 bộ rất là hiệu nghiệm. Nay đọc hết 108 bộ tinh thần ngày càng tốt, đã khỏe mạnh như người thường. Nay đem cái đồng hồ bằng vàng và lo thêm ít tiền nữa để nhờ ông tạc pho Thánh Tượng Địa Tạng Đại Sĩ để cúng dường Chùa Vĩnh Định và Châu Bồ Liên Xã. Từ nay một lòng niệm Phật và Bồ Tát Thánh hiệu, hiện tạo giúp việc in ấn và kinh phí tạo, tháng trì thập trai và tiến tới trường trai, và rất mong ông đến gặp ông ấy”.

Khi Kính Nhân đến gặp, ông chấp tay tạ ơn và thuật lại sự linh cảm của Bồ Tát, kể lại tâm nguyện của mình và nhờ viết Linh Cảm Ký để thể hiện Thánh đức của Bồ Tát. Kính Nhân bèn ghi lại sự việc này, mong mọi người cùng một lòng tin, để làm cho đại nguyện của Bồ Tát tận độ chúng sinh viên mãn, là điều may mắn cho xã hội và pháp môn này thật là hy hữu (Viết xong tháng 3 năm 33(1944) Hồng Hóa Nguyệt San.

Cầu Địa Tạng Bồ Tát Để Được Biết Tên Cha

Dật Thanh



Dư 3 tuổi thì mồ côi Cha Mẹ, đổi tên và đi ở nhờ. Đến năm 24 tuổi xuất gia, vẫn không biết Cha Mẹ là ai, nay tá túc ở cửa Phật, vẫn thường nghĩ đến khổ nỗi không biết Cha Mẹ tên họ là gì, không thể hỏi hương. Gần đây gặp Phổ Đà Hồng Phật Đường, được biết ngày 18 tháng 4 có U Minh Đại Giới Phật sự, Dư bèn thưa hỏi với Trụ Trì Chiêu Công, vì không biết tên họ Cha Mẹ nên không thể cầu siêu được. Dư nghe như vậy trong lòng càng thêm bi thảm. Bèn hỏi thêm là: “ còn phương pháp nào có thể độ được?” Chiêu Công cho hay chỉ còn cách là phải thành tâm khẩn thiết, cầu khẩn Địa Tạng Bồ Tát cho biết tên họ Cha Mẹ, phải cố gắng chứ không còn cách nào hơn nữa. Dư bèn theo lời làm theo, bèn khẩn thiết cầu khẩn trước tượng Địa Tạng Bồ Tát. Đến giờ Tý ngày đêm 17, nằm mơ thấy một tờ giấy, trên viết tên Cha là Kim Chung Liên ba chữ, mừng quá bèn tỉnh giấc. Sáng hôm

sau Vu đến nói cho Chiêu Công hay và mọi Tăng chúng nghe tin này đều cho là lạ. Bồ Tát Đại Nguyên Đại Lực tùy nguyện sở cầu. Dư nay thuật lại chuyện này để người đời nếu cùng cảnh ngộ này thì có thể phát tâm cầu nguyện. Bồ Tát đại từ bi, tùy nguyện chúng sinh, trừ những người lòng không thành, ngược lại với ý Phật sợ chắc khó được cảm ứng. Nếu quả thật có chí tâm cầu nguyện, nương theo lời dạy của Phật, tin đúng cầu khẩn thì tự nhiên sẽ được cảm ứng.

(Tháng 7 thứ 33 (1944) theo Hoàng Hóa
Nguyệt San)

Lạc Thanh Phật Giáo
 Cư Sĩ Lâm Địa Tạng Hội
 Linh Cảm Ký Thuật
 Phóng Quang Thị Thoại



Ngày 24 tháng 7 năm Kỷ Sửu (1949) Lạc Thanh Hồng Kiều Địa Tạng Hội lần đầu tiên thành lập. Người sáng lập là Triệu Thường Hoa, Trương Trọng San, Quý Thạch Thần, Vương Mông Hạng, Trịnh Ký Xuân, Thương Chí Khoan v.v... Khởi đầu từ ngày đó, hay cử hành Địa Tạng Phật thất. Tôn chỉ là cầu cho địa phương nhân dân an thái. Buổi sáng trì niệm Bồ Tát danh hiệu, 2 giờ chiều thỉnh Hồ Thiên Bộc cư sĩ tuyên đọc Địa Tạng Kinh, phân làm 7 ngày để đọc cho xong. Hàng ngày trên ngàn tín hữu đến nghe đọc Kinh, rất là nhộn nhịp. Đêm ngày 24, đọc Kinh từ 8 giờ cho đến gà gáy mới ngưng. Lúc đó cư dân xung quanh thấy ánh sáng rực rỡ, chiếu thẳng vào nóc điện cư sĩ Lâm. Dường như có đèn tuần trong khu vực đi qua, thấy ánh sáng đó nghi là có sự dị thường,

bèn leo lên tường quan sát, thấy trong Chùa yên tĩnh không có tiếng động gì, chỉ thấy ánh đèn trước bàn thờ lu mờ tỏa ra. Tuần Tiểu lấy làm lạ, 4-5 đêm liền đều có ánh sáng như vậy. Tuần Tiểu tuy nghi ngờ nhưng không thể giải thích được. Trong bảy ngày có người đến dò la tìm hiểu, nhưng không ra manh mối.

Ngày mùng 1 tháng 7 nhuận, pháp hội vẫn chưa tan, Tuần Tiểu lại đến tìm hiểu lý do ánh sáng, nhưng người phụ trách pháp hội cũng chỉ thành thật trả lời là không hiểu nguyên do. Nhưng họ vẫn không tin, bèn cho người khám xét các gia cư bốn phía xung quanh, nhưng cũng không có gì lạ. Trương Vân cư sĩ nói rằng Đạo Tràng tỏa ánh sáng thì đâu đâu cũng có, không có gì là lạ. Hiện ra ánh sáng này có lẽ là Địa Tạng Bồ Tát phóng quang tỏ điềm lành. Từ đó các người đi tuần cũng thôi, không tìm hiểu việc này nữa. Mọi người đều lấy làm lạ. Vì ánh sáng linh ứng tỏa ra nên các cư sĩ vững niềm tin, hội viên tăng lên hơn 300 người. Đạo Tràng phóng quang mọi người đều biết. Các làng ở Lạc Đông trước sau thành lập Địa Tạng Pháp Hội ba nơi: Một là ở Thọ Xương Cổ Tự ở làng Đạm Khê, hai là ở Quảng Ứng Tự làng Vọng Hạnh, ba là Nam Bồ Sơn Địa Tạng Điện. Mỗi hội có chừng từ 1 đến 200 người. Phật pháp ở Lạc Đông thịnh hành như vậy là nhờ ở nhân duyên Địa Tạng Bồ Tát phóng quang mà ra vậy.

Mơ Có Người Đòi Đầu



Bản ấp có người tên là Từ Doãn Vượng, là giáo đồ Thiên Chúa, khi Mẹ mất đi, người bạn khuyên nên đọc tụng niệm Địa Tạng Kinh. Họ Từ mới đầu cũng chẳng nghĩ gì, từ từ chẳng biết tính sao, sau nghĩ đến công ơn Cha Mẹ không thể báo đền, nên nghĩ đến lời nói của người bạn Phật giáo cho rằng có lý, mới phát nguyện tụng niệm Địa Tạng Kinh. Thân mình ông bị bệnh hoạn mãi không khỏi, đêm nọ nằm mơ thấy một ông già đến báo mộng, bảo rằng nên sắc dây dưa hấu mà uống thì bệnh sẽ khỏi. Bèn thuê người lấy cây long não tạc ba pho Thánh tượng ở Mộc Tiêu Tự.

Một đêm nọ ông lại nằm mơ thấy có người đến đòi ba cái đầu. Ông lấy làm kỳ lạ, sớm chiều không được an tâm. Vài ngày sau, có một vị Tăng ở Mộc Tiêu Tự đến cho biết, Phật tượng đã tạc xong, nhưng còn thiếu ba cái đầu. Người họ Từ mới hiểu ra, bèn kiếm thêm gỗ long não để tạc cho đủ. Từ đó ông một lòng thờ Phật, tụng niệm không ngừng.

Bệnh Nguy Được Khỏi



Cư sĩ Vương Kinh Hoa, Chủ Sự Nam Bồ Pháp Hội, có con bị ốm nặng, mấy tháng nay nằm la liệt trên giường bệnh, không dậy được, thuốc thang vô hiệu. Ngày Thất kỳ của Địa Tạng Bồ Tát, ông một lòng chăm lo mọi việc ở pháp hội, không về nhà chăm nom con. Hướng trước Phật tượng phát nguyện là một lòng lấy hoằng dương Phật pháp làm trách nhiệm của mình, một lòng cầu xin cho con mình khỏi bệnh. Một ngày nọ có người hàng xóm đến báo cho cư sĩ biết bệnh tình con ông đã khỏi hẳn. Cư sĩ không tin màu nhiệm như vậy, bèn vội vã về nhà thăm con, quả thấy con mình đã khỏi và đi lại trước sân, đang đòi ăn uống. Địa Tạng Bồ Tát linh cảm quả là nhanh chóng như vậy.

Cứu Nguy Dưới Vực



Mồng 1 tháng 7 nhuận năm ngoái, ở Lạc Thanh thuộc Nam Đãng Trấn, nơi Địa Tạng Điện ở Nam Bồ Sơn, Địa Tạng Điện Thủ Sự Chu Lộc Minh và Châu Văn Toàn, hai vị cư sĩ vì Bản hội phóng quang linh dị nên phát khởi cử hành Địa Tạng Phật thất, mời Đề Nhất Pháp Sư của Bản hội đến chủ trì. Cùng đi có Lâm Hạo Sĩ cư sĩ tuyên giảng Địa Tạng Kinh, thỉnh giả có trên sáu trăm người.

Điện đó xây ở trên Nam Bồ Sơn, nước uống phải xuống lưng núi gánh lên, lên xuống phải đi tới trên 600 bậc, đường đi quanh co khó khăn. Lúc đó có một ông già phát nguyện, nước uống dùng trong 7 ngày pháp hội đều do một mình ông gánh lên cung cấp. Trời nóng nực, người lại nhiều, mỗi ngày phải dùng tới trên 20 thùng. Khi gà gáy sáng ngày mùng 2 ông dậy đi gánh nước. Trời mưa đường trơn, ông trượt chân ngã tuột xuống chân núi. Bỗng như có người có sức mạnh ở bên cạnh cứu ông. Lúc đó ông còn đang thở dốc, bỗng thấy một người đến cứu, bèn nói cảm ơn, nhưng không ai trả lời. Ông định thần nhìn lại thì thấy bốn bề vắng tanh

không một bóng người, chỉ thấy chiếc đèn lồng ở đầu đòn gánh tỏa ánh sáng, mới thuật lại chuyện này cho mọi người nghe. Mọi người nghe kể lấy làm lạ. Đề Nhất Pháp Sư nói với mọi người rằng: “May có Địa Tạng hiển linh cứu mạng ông, nếu không thì danh dự pháp hội sẽ bị thương tổn. Vì ông phát nguyện gánh nước cung cấp cho mọi người, công đức rất lớn, nên trong nguy nan được Bồ Tát cứu mạng”.

Việc này làm cho các thiện tín ở địa phương càng thêm thành kính, phát tâm sâu xa làm lợi ích cho chúng sinh.

Mơ Thấy Bồ Tát



Bản Trần Địa Tạng Pháp Hội Thủ Sự là Quý Thạnh Thần cư sĩ. Thường ngày hay làm việc thiện, và chăm đọc Địa Tạng Kinh, biết là dưới địa ngục rất đau khổ, trong lòng sợ hãi. Trong Kinh có câu, muốn biết cha Mẹ ở đâu nên đọc Địa Tạng Bản Nguyên Kinh sẽ được Bồ Tát chỉ dẫn. Cư sĩ bèn phát nguyện ăn chay niệm Phật, 30 ngày sau nằm mơ thấy Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên hoa sen, ánh sáng tỏa ra chiếu sáng mọi nơi, pháp âm trang nghiêm nói với Lý cư sĩ rằng Cha Mẹ cư sĩ vẫn còn ở Minh Đô và dẫn cư sĩ đến một nơi, thấy Cha Mẹ đang ngồi trong điện, tay cầm tràng hạt niệm đọc kinh, không nói năng gì. Gà gáy thức giấc, cư sĩ vội vàng thức dậy, thắp hương trước tượng Phật cầu xin cho Cha Mẹ sớm được về Tây Phương Cực Lạc, nguyện chung thân ăn chay không sát sinh. Hàng ngày dù bận việc tới đâu cũng đọc Địa Tạng Kinh một lần, và nguyện hoằng dương Phật pháp cứu khổ chúng sinh. Mấy năm nay cư sĩ không ngừng sáng lập Địa Tạng Pháp Hội. Nay công đức của Lý cư sĩ đã đóng góp rất lớn.

Vong Tử Sinh Thiên



Cư sĩ Triệu Gia Câu, người Cự Độ, làng Thiên Thành, là người rất tín ngưỡng Phật, rất đau lòng là khi con bị mất. Trong lúc đau đớn, cư sĩ phát nguyện cầu giải thoát cho con, xưng danh và niệm Kinh cầu Địa Tạng Bồ Tát cả vạn lần, thì phảng phất thấy xác con mình đứng dậy, từ từ bay bổng lên cao, mình mặc áo lông, chân đi vân hài, rất rõ ràng. Khi nhìn kỹ thì không thấy đầu nữa. Triệu cư sĩ thấy vậy rất lấy làm lạ, tin là linh cảm Bồ Tát, được biết là con mình đã được sanh Thiên rồi, không còn nghi ngờ gì nữa.

Mơ Thấy Pháp Tướng



Ở phố Đông Bản Trấn có người tên là Lâm Hiến Pháp, xưa nay không tin Phật, một ngày nọ nằm mơ thấy Địa Tạng Bồ Tát từ trên trời giáng xuống, mình mặc áo cà sa, đầu đội mũ Liên Hoa, Uy Dung Hiền Hách. Ông không dám nhìn thẳng, thấy bên cạnh có câu đối: Nhất Tự Phản Khuyển, Trung Hữu Nhất Ngôn Tự. Họ Lâm không biết ý nghĩa, hôm sau hỏi người ta mới biết là chữ Ngục, theo đó là Địa Ngục Bất Không, chỉ nhớ mang máng như vậy, mới biết là Bồ Tát hiện thánh. Từ đó ông phát nguyện niệm Phật, và tham gia bản hội phụng hành Phật pháp rất tinh tấn.

Chở Nước Không Khô



Hồng Kiều cư sĩ Lâm, chỉ cách Tịnh Tâm Tự có vài bước, các vị Tăng trong Chùa chuyên tu về Tịnh Độ thôi. Giới hạnh rất nghiêm, mọi người đều kính nể. Tuệ Trác và Duy Tây là hai vị thượng nhân đều được mọi người kính mến. Trong Chùa có một cái ao phóng sanh, nước trong ao lúc nào cũng đầy đủ. Sau khi phóng sanh, người bản xứ đều đến tát nước để bắt cá nhằm trục lợi. Các vị Tăng trong Chùa đến nói khó xin đừng tát nước trong ao. Họ không nghe mà cùng nhau kéo đến tát nước đông hơn trước, từ sáng đến chiều. Không thể tát cạn được một thước nước, mà xe chở nước bị hư hỏng rất nhiều. Mọi người đều lấy làm lạ, nước trong ao chở mãi cũng không cạn, biết là trong đó tát có nguyên do nên chẳng cạn, bèn bảo nhau thôi đừng tát nước ở ao đó nữa.

Đoạn Trừ Ác Mộng



Nhà bà Tiết Kỷ Cao ở bản Trấn, ở bên cạnh nhà cư sĩ Triệu Thường Hòa. Bà Tiết đêm thường nằm mơ các cơn ác mộng, kêu la om sòm. Hàng xóm thường bị quấy rầy không được yên giấc. Triệu cư sĩ nói với bà Tiết rằng, trong Địa Tạng Kinh có câu là đêm nằm ngủ có ác mộng thì hãy xưng niệm Kinh Địa Tạng danh hiệu mười ngàn lần, tự nhiên sẽ hết. Bà Tiết nói rằng: “ Nếu sự thật như vậy, tôi sẽ thử coi.” Bắt đầu ngày đêm tụng niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật. Từ đó tự nhiên bà không còn nằm mơ thấy ác mộng nữa.

Đường Nhược Lan Nữ Sĩ
Khắc Địa Tạng Thập Luân Kinh
Tự Thuật Linh Cảm



Năm Dân Quốc thứ 10 (1921) Mẹ bị đau nặng, Nữ Sĩ đang làm việc ở Nữ Sư Phạm Bắc Kinh, về quê chưa đầy 10 ngày thì Mẹ mất. Vì thời loạn nên không cầu siêu. Năm 13, Nữ Sĩ đến Trường Tiểu học ở Từ Châu, nằm mơ thấy Mẹ đòi làm chay, tính đến ngày đó vừa đúng ba năm. Năm 14 (1925) đến Đông Đại Tu Phật Điện, năm 15 bèn trường kỳ ăn chay, năm 16 đọc Địa Tạng Kinh, Nữ Sĩ mơ thấy Mẹ cho hay vào Địa Tạng Viện. Năm thứ 30 người Cha mất, Nữ Sĩ đọc Địa Tạng Kinh, mơ thấy Cha cũng vào Địa Tạng Viện. Năm 31, Cha Mẹ quá 80 ngày, theo lời chỉ giáo của Chính Cương Pháp Sư khắc Thập Luân Kinh hai cuốn.

Qua 40 Năm Gân Gũ Linh Cảm



Mùa Đông Tuyên Thống Nguyên Niên Đòi nhà Thanh, vợ ông X là Tiêu Phu nhân mắc chứng bệnh động kinh, ngất đi chân tay run lẩy bẩy. Bà sinh đứa con ra rồi hôn mê, bất tỉnh nhân sự, cảm khẩu hai ngày đêm. Ông X ngồi cạnh giường không biết tính làm sao. Bệnh nhân bỗng mở miệng gọi tên ông và con nói rằng: “Mau cúi lạy Quan Thế Âm Bồ Tát”. Ông bèn hỏi: “Bồ Tát ở đâu?” Vợ ông trả lời là ở cái bàn ngay cửa sổ. Ông vội vàng cúi lạy, lạy xong bệnh nhân đã mở mắt, người tỉnh táo ăn nói như thường. Ông X hỏi là Bồ Tát mặc quần áo gì? Vợ ông trả lời là mặc áo bào trắng, có thêu hình chữ Vạn. Một năm sau, Vợ ông may một cái áo bào có thêu hình chữ Vạn, ông đích thân mang đến Chùa Phổ Đà. Gặp lúc Bác Sĩ Ngũ Đình Phương đi cùng thuyền, nghe Bác Sĩ nói sự lợi ích của việc ăn chay. Từ đó ông không ăn các loại thịt. Đó cũng là một nhân duyên kỳ lạ. Vợ ông nghe lời của Mẹ tôi, hàng tháng vào ngày 9, ăn chay và thắp hương lễ Quan Âm. Khi Mẹ ông ốm nặng, Vợ ông tự cắt thịt của mình để làm thang thuốc. Thành tâm có hiệu như vậy

cho nên được Đại Sĩ hiển linh cứu bạt. Đây là chuyện thực không phải ngẫu nhiên.

Năm Dân Quốc 13(1924) ông vì sự nghiệp bị thất bại, đóng cửa suy nghĩ, hàng ngày đọc Kinh Kim Cang và Kinh Quan Thế Âm Phổ Môn Phẩm. Ông một mình, ở một phòng trên lầu ba, cửa sổ bằng kiếng rất sáng sủa. Trong phòng ngoài trừ một cái bàn và ghế để đọc Kinh ra thì trống trải, không có đồ vật gì nữa. Một ngày kia ông đang đọc Kinh ra không lo gì nữa thì ngửi thấy mùi thơm của hương trầm phảng phất, nhưng không có thấy lư hương. Đọc xong Kinh, ông đi qua phòng đặt bàn thờ tổ tiên, ông không thấy ai thắp hương. Đó là lần đầu tiên ông ngửi thấy mùi hương Trầm.

Dân Quốc thứ 15 (1926) tháng Giêng âm lịch, ông đến Tô Châu, ở nhà cư sĩ Lý Bá Nông. Cư sĩ dạy ông niệm bảy câu thần chú, và nói với ông rằng: “Mấy câu thần chú này có uy lực vô cùng, thường đọc thì được rất nhiều lợi ích”. Đêm Nguyên Tiêu ông cùng cư sĩ đi bách bộ ngoài vườn, nơi này gia cư thưa thớt, đều là người trồng rau. Lúc này nhà nào nhà nấy đều đóng cửa tĩnh mịch, không một tiếng động. Ông đang tụng niệm mấy câu thần chú mới học được, khi đi đến cái cầu, bỗng ngửi thấy mùi hương trầm phảng phất, xung quanh không có một cái nhà nào. Ông bèn hỏi Lý cư sĩ: “Ông có ngửi thấy mùi hương hay không?” Cư sĩ trả lời rằng: “Ngửi thấy, chắc ông đang niệm thần chú. Mùi hương này có khác với hương Trầm, đó là sự cảm ứng của thần chú đấy”.

Năm Dân Quốc 15 (1926) mỗi buổi sáng tôi cùng cư sĩ Ngô Giác Sở đọc Hoa Nghiêm Kinh, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên. Phó Quân Hàn làm việc tại hãng dệt Hằng Phong cũng đến tụng niệm cùng chúng tôi. Một ngày nọ vào mùa Đông, chúng tôi đang tụng Kinh, bỗng ngửi thấy mùi thơm hoa quế. Lúc đó bốn người tụng Kinh đều ngửi thấy cả. Tụng xong Kinh hỏi những người trong nhà thì mọi người đều ngửi thấy mùi hoa quế, mà trong nhà thật ra là không có vật gì mà tỏa được hương thơm của mùi hoa quế cả.

Năm Dân Quốc thứ 17, tôi vừa đọc Kinh và lễ bái trước bàn thờ có pho tượng của Đại Sĩ xong, bèn lên lầu đến phòng Mẹ tôi vấn an. Mẹ tôi nói: “Con vừa thắp hương, mùi rất thơm, mùi hương này chắc không phải thứ hương thường”. Tôi trả lời là đương nhiên vì đó là thứ hương Trầm. Nhưng lạ là Mẹ tôi tại sao lại ngửi thấy mùi thơm của hương? Vì Mẹ tôi đã hơn mười năm nay bị bệnh nghẹt mũi tắc, không cảm giác nên không ngửi thấy mùi gì cả. Tôi bèn hỏi Mẹ tôi là: “Hôm qua con ở phòng bên cạnh có hòa thuốc trong có xạ hương và băng phiến, Mẹ có ngửi thấy gì không?”. Mẹ tôi trả lời là không. Tôi nói là: “Con ở bàn thờ trên lầu có thắp hương cầu khẩn cho Mẹ, chắc đó là cảm ứng của Bồ Tát đấy”. Mẹ tôi nghe xong rất vui mừng. Vì từ phòng Mẹ tôi đến phòng đặt bàn thờ phải đi quanh co, mà Mẹ tôi còn ngửi thấy mùi thơm của hương trầm. Ngoài sự hiển linh của Bồ Tát ra, không còn lẽ gì khác cả.

Năm Dân Quốc thứ 16 (1927) tôi cùng Quách Hàm Trai cư sĩ đi Chùa Phổ Đà, rồi đến A Dục Vương Tự để chiêm bái Xá Lợi. Đầu tiên đến Thiên Đồng Tự lễ Phật. Thiên Đồng là một Đạo Trường xưa có tiếng. Cách Dục Vương tự cũng gần. Cuối đời nhà Thanh, vị cao Tăng Bát Chỉ Đầu Đà trụ trì ở Chùa này. Bát Chỉ Đầu Đà xuất thân là con nhà nông. Cha của Đầu Đà là tá điền của cư sĩ Quách Hàm Trai. Khi còn nhỏ cư sĩ đã cùng Đầu Đà chơi đùa với nhau. Khi lớn lên thì Đầu Đà thường đến chơi với các vị Tăng, rồi xin làm đồ đệ, không được đi học, chỉ ở Chùa học đọc Kinh kệ rồi biết chữ, tính chất cũng đần độn, rất lấy làm lạ là vì sự hiểu biết về nghĩa kinh có hạn. Đầu Đà bèn đến Chùa Phổ Đà và đến Dục Vương Tự lễ cầu Xá Lợi xin được mở mang trí tuệ và ở lại Dục Vương Tự được mấy năm.

Ngày Phật Đản, Đầu Đà đốt hai ngón tay cúng Phật, nên chỉ còn tám ngón, nên gọi là Bát Chỉ Đầu Đà. Một năm sau vẫn thấy trí tuệ chưa được khai thông, Đầu Đà bèn khoét thịt trên vai, lấy mỡ thấp đèn, rồi đi Trường Sa. Khi qua Động Đình Hồ, Đầu Đà lên Nhạc Dương Lâu, thấy trên vách có câu thơ rằng: “Động Đình Ba Tổng Nhất Tăng Lai”. Khi đến Trường Sa gặp một vị Tăng, Đầu Đà bèn lấy câu thơ đó hỏi. Vị Tăng đó nói rằng: “Câu thơ rất tốt, sau này ông sẽ thành một nhà thơ”, bèn dạy đọc ba trăm bài thơ Đường. Từ trước Đầu Đà chưa được học thơ cổ nào, nhưng từ sau khi trở về Dục Vương Tự thì đối với các sách Kinh điển bắt đầu hiểu nhiều, giải hành tương ứng, được các nhà Sư

khen ngợi. Và Đầu Đà bắt đầu tập tu khổ hạnh, bắt luận thức ăn gì thừa trong bếp cũng đều lấy mà ăn, không kiêng cử gì.

Từ đó Đầu Đà nổi tiếng là một nhà thơ hay. Cuối đời nhà Thanh, nhà thơ nổi tiếng là Vương Quân Nhiệm thường đến xướng họa. Sau Đầu Đà đến Thiên Đồng Tự ở Ninh Ba làm Phương Trượng, hơn mười năm sau thì mất. Ngoài cửa Thiên Đồng Tự có xây tháp để kỷ niệm. Cảnh tháp có cất ba ngôi Chùa, trong đó có thờ tượng Đầu Đà. Tôi vào Chùa nghe giảng Kinh, còn Quách cư sĩ thì đến tháp Đầu Đà niệm Phật hơn hai tiếng đồng hồ, nói là đến thăm bạn cũ.

Chùa có trồng cây dài hơn một dặm. Chúng tôi đi vào hàng cây. Quách cư sĩ đi trước hơn mười bước, ông nhìn trước nhìn sau hỏi tôi rằng: “Ông có ngửi thấy mùi thơm không?”. Tôi trả lời là không? ” Lại đi thêm mười bước nữa, ông lại quay đầu lại hỏi: “Có ngửi thấy mùi thơm không?”. Tôi nói không? Lại đi thêm mấy chục bước nữa. Sau đó ông Quách nói cho tôi hay là mùi thơm phảng phất từ đây cho tới cuối rừng cây mới ngưng, đó là Đầu Đà thị hiện linh cảm đấy.

Từ xưa tới nay, những kẻ được Thiên Tông Đại Sư khai ngộ rất nhiều, có người được khai thông trí tuệ. Đầu Đà khổ hạnh tu luyện, được khai thông ngộ tuệ, người từ xưa chưa được đi học mà biết làm thơ, và cách vận điệu của thơ rất cao. Đó là một điều khó, rất hiếm có. Sau khi Đầu Đà mất, thi nhân Trần Tản Nguyên khắc lại trong thi tập của Đầu Đà, và lời tựa của Vương

Nhậm Thu viết rằng: “Thi cách của Đầu Đà rất cao, có thể so với nhiều tác phẩm có tiếng trong Đường thi”. Năm sau lại viết thêm là: “Lời tựa của tôi nói là, thơ của Đầu Đà so với tác phẩm Đường thi. Nay nghĩ lại là không đúng, vì thơ của Đầu Đà nhiều tác giả còn chưa hay bằng”. Cả hai lời tựa đều được khắc vào trong tập thơ của Đầu Đà.

Như vậy đủ biết rằng thơ của Đầu Đà rất là đáng khen. Con đường làm thơ, người bình thường không dễ gì hiểu thấu. Các cuộc thi cử đời nhà Thanh cũng có nhiều người làm thơ. Nhà Hàn Lâm Viện làm thơ lấy cung chính là chính, còn những lời lẽ thơ thì gắng gượng, góp nhặt miễn cưỡng, dưới mắt của các thi nhân thực không thể đặng Đại nhã chi đường. Còn thơ của Đầu Đà mới đầu thì chưa ra gì, nhưng thành thơ hay vì sau đọc được nhiều thơ cổ, vì ít học nên không biết nhiều Kinh điển để vận dụng. Chỗ hay là ở sự miêu tả hồn nhiên, tình cảnh tả thực, cho nên có nhiều vần hay và phong độ cao. Lâm Ngữ Đường, một nhà văn mới có viết là: “Trong mười nhà thơ hay thì hết chín người là Phật học gia”.

Sau khi khai ngộ bởi Thiên Tông, có thể mở miệng luận đạo diệu kỳ. Biện tài vô sự, cũng không ngoài văn tự Bát Nhã. Việc thị hiện mùi hương linh cảm ấy có thể biết được rằng Đầu Đà đã thành tựu thật cao, lại sánh ngang hàng với các thi như đời Tấn Ngụy Lục từ đời Đường Tống trở đi. Chín trong mười người là những tư tưởng gia Phật học, hoặc có niềm tin

di truyền, lại thêm đầy đủ Phật học cùng sự liên quan với thơ văn của Trung Quốc. Chỗ Phật học là trừ ngã chấp và công phu ấy là vô thủ vô chung. Trừ ngã chấp thì chơn tướng biểu lộ. Tôi và Quách cư sĩ đến Dục Vương tự đánh lễ Xá Lợi. (là Phật thân sau khi hỏa táng thì kết thành những viên nhỏ). Hai năm trước tôi có đến lễ bái một lần rồi. Xá lợi được đặt trong Tháp, bên cạnh có khe để ta nhìn thấy. Xá lợi lớn như hạt tiêu, được gắn vào miếng kim khí hình cái khánh màu vàng treo chính giữa. Trước kia chúng tôi thấy cái khánh gắn xá lợi màu vàng. Lần này chúng tôi thấy miếng kim khí gắn xá lợi lại là màu lam thẫm. Chúng tôi nghi là điềm không lành. Bèn cùng nhau sám hối. Tôi hôm đó chúng tôi cùng nhau vái lạy chừng mười lần. Sáng hôm sau thức dậy, chúng tôi đến vái lạy thì thấy cái khánh đã đổi thành màu vàng. So với hai năm về trước chúng tôi thấy không khác gì. Tôi nghĩ xá lợi gắn trên miếng kim khí hình khánh màu vàng, nhưng hôm qua tại sao lại đổi màu lam thẫm? Sáng hôm nay lại đổi màu vàng. Các thiện tín như Tăng, Ni, cư sĩ, mỗi ngày đến chiêm bái xá lợi cũng khá đông. Sau khi chiêm bái xong, có Trục Điện Tăng đến dẫn mọi người ra ngoài sân, quỳ trước bồ đoàn, thì thấy mỗi người nhìn thấy các màu sắc khác nhau. Có người thấy màu trắng, có người thấy màu đỏ, có người thấy màu đen, có người không thấy gì, hỏi nhiều người nhưng đều trả lời khác nhau, không ai nhìn thấy giống ai cả. Đó có lẽ là tùy theo nghiệp chướng của mình mà nhìn thấy màu sắc khác nhau.

Chứng Minh Về Luân Hồi



Ba mươi hai năm trước, có một Y Sĩ người Đức-Do Thái tên là Woff, cùng đi với Y Sĩ Văn đến nói chuyện với tôi, nói là muốn nghiên cứu về Phật học. Tôi nói là lâu cao mười trượng phải xây cất từ nền móng. Phật pháp cao sâu và hoằng đại, cần phải bắt đầu nói từ Lục Đạo luân hồi. Ông Woff nói là tôi đã tin ở lý thuyết luân hồi. Tôi hỏi tại sao, thì ông Woff kể là mấy năm về trước ở bên Đức có người đàn bà có thể nói được một thứ tiếng mà không ai hiểu được. Sau này do một vị giáo sư đại học chuyên nghiên cứu về văn tự đời cổ đến nghiên cứu, mới biết người đàn bà này dùng văn tự của người dân tộc Aramaisch. Văn tự này đã mất đi hơn ngàn năm, nhưng thơ tịch vẫn còn có người tàng trữ được. Người đàn bà này chưa có trình độ giáo dục cao đẳng, tự nhiên lại biết nói thứ tiếng này, nên cho rằng Bà ấy là người của dân tộc này tái sinh, nên mới có thể nhớ lại ngôn ngữ sinh tiền. Đó là một chứng minh của sự luân hồi. Lúc đó tôi nhớ ông Woff viết cho tôi chữ Aramaisch để ghi vào sổ tay. Năm ngoái ông Woff đã qua đời nhưng bút tích của ông đến nay vẫn

còn tồn tại. Để căn cứ vào lý luận của tôi, bác sĩ Hồ Tuyên Minh thường nói với tôi rằng, ở bên Mỹ có người bệnh nhân bị đánh thuốc mê, nằm trong một bệnh viện nọ, lúc hôn mê bỗng nói tiếng La Tinh. Khi tỉnh lại hỏi y thì y không hiểu gì cả, vì y chưa học tiếng La Tinh bao giờ. Các nhà tâm lý học giải thích rằng đó là tác dụng của tiềm thức. Nhưng tiềm thức này vì đâu mà có, nếu chẳng phải từ kiếp trước đã biết ngôn ngữ này, là linh hồn chuyển thế. Và tiềm thức này từ đâu sanh?

Nhà tâm lý học cũng không thể quả quyết suy đoán được. Nhưng Phật pháp có nói ai cũng có Tàng Thức. Lại có tên gọi là Thức Thứ Tám. Tức là người đời từ trước đến nay bị tiêm nhiễm tập khí, trong tình thức ẩn tàng. Phàm người có những trí, ngu, dại hay khôn ngoan, không thể đều đặn được. Tất cả đều là do từ kiếp trước ẩn tàng đến kiếp này mới lộ ra. Đó là sự giải thích hợp lý của tiềm ý thức. Ở Ba Tây có một đứa trẻ nhà nghèo, năm mười hai tuổi tự nhiên biết một thứ tiếng không ai biết, lại có thể dịch ra tiếng Bồ Đào Nha, văn phạm rất đúng. Đứa trẻ này từ xưa đến nay chưa học văn Bồ Đào Nha. Các nhà tâm lý học Ba Tây cố tìm hiểu, nhưng không thể nào giải thích, chỉ có thể cho rằng: “Trí thức của kiếp trước đem tới.”

Mấy năm gần đây học giả Âu Mỹ đối với Phật giáo càng ngày càng thêm tin tưởng. Thuyết luân hồi của Phật giáo vấn đề này trở thành đối tượng để nghiên cứu. Các nhà tâm linh học Ban Nha có tổ chức Quốc

Tế Luân Hồi Ủy Viên Hội, mùa Hạ năm 1935 phát khởi sưu tầm chứng cứ sự thực về luân hồi của Phật giáo. Đặc San Phật giáo ở Anh Quốc cũng có luận văn bàn về sự việc này. Nội dung bài luận trích lục như sau: “Chúng cứ về sự luân hồi, đã sớm có được nhiều chuyện thật tồn tại, nhưng không biết có thể phủ định sự nhận thức kia về “việc quyết định” chăng? Thí dụ như đã từng có nhiều đứa trẻ có thể nói về việc kiếp trước. Sau khi điều tra, đã chứng minh là xác thực. Lại có những nhà thôi miên, đã làm được kẻ bị thôi miên nhớ lại chuyện kiếp trước. Có thể chứng thực là họ nói lại được ngôn ngữ kiếp trước. Thử hỏi những sự thật như vậy, có được cho là chứng cứ quyết định chưa? Haman, là một Bác Sĩ người Đức cũng có bản văn như sau: Mọi lý luận và chứng minh về mọi phương diện, chứng minh về thuyết luân hồi đã tường tận ghi trong các sách viết về luân hồi, đã nói rõ.

Sự thực về những chuyện chứng minh của kiếp trước, sách vở cổ truyền của nước ta, Trung Quốc cũng đã nói đến nhiều. Cũng như những chuyện kể về việc mượn xác hoàn hồn cũng thường có, và những chính sử cũng thường viết đến. Khiến cho những chuyện xảy ra tranh cãi kiện tụng giữa hai gia đình cũng không ít. Những quan lại xét xử thì chỉ chú trọng theo hình dáng chứ không theo linh hồn, để tránh những tệ đoan gian xảo.

Ông cư sĩ Đinh Trọng Cổ có viết Lục Đạo Luân Hồi Lục, là tuyển lục trong các sách cổ truyền, có nói

rõ về sự luân hồi, có cả vài trăm vụ, được trích trong các sách, có nói rõ tên sách và tác giả. Những người không tin có quỷ thần thì cho rằng đó là do những nhà tin Tôn Giáo, muốn khuyên người đời làm việc thiện mà đặt ra những chuyện thần thoại như vậy. Nhưng những chính sử xưa nay ghi ra theo bản án kỷ lục của các pháp đình, chứ không phải do các nhà Tôn Giáo bịa đặt ra những chuyện thần thoại như vậy. Năm Dân Quốc thứ 4 (1915) ở tỉnh Sơn Đông, có người con của một nhà nông chết đi một ngày sau sống lại, không biết nói tiếng Hoa, tự viết ra tên họ nói mình là người Giao Châu Phủ bên Việt Nam, nhân có người cùng chết một ngày nên mượn xác sống lại. Chuyện này do Tỉnh Trưởng Thái Nho Giai thân hành đến khám xét và cảnh sát trưởng Mai Quang Hy thuật lại bản án này. Các báo chí Thượng Hải cũng có đăng tin này.

Từ xưa đến nay, ghi chép những chuyện như trên đều là do các nhà bác học nho sĩ ghi lại. Họ đều là những người học rộng mà không tin Phật giáo. Thí dụ như đời nhà Thanh, có Vương Ngự Dương, Viên Tử Tài, Kỷ Nhiêu Lam, Dư Khúc Viên, đều là những thành phần học rộng cả, chứ không phải Phật giáo đồ, mà là người ghi chép những sự việc kể trên. Mỗi người đều ghi chép mấy chuyện. Từ đời nhà Minh đến đời nhà Thanh có Thôi Sùng Trình, đặt ra luật rằng nếu học giả nào nghiên cứu văn tự Phật pháp thì khi chết đi không được đặt vào Khổng Miếu để tế lễ, cho nên các nhà nho đời nhà Thanh phỉ báng Phật học, nhưng trong các bút ký của họ ghi chép sự thực về quỷ thần, luân

hồi, quả báo lại nhiều như vậy, thì đủ biết rằng sự thực chính xác. Trong lương tâm không cho phép họ làm mai một đi việc ghi chép những sự thực này. Đời nhà Tống các nho sĩ ưa mạt sát sự thực, bắt quá đó chỉ là thành kiến chủ quan của riêng họ mà thôi. Nếu nói về học thuật, như Âu Dương Tu, tu chỉnh cuốn Tân Đường Thi. Những câu nói đến sự thực về quý thần, nhân quả ghi trong cuốn Cựu Đường Thi đã bị xóa đi trên 2000 điều, đó là một chứng minh vậy. Bỏ khách quan mà tin ở chủ quan rồi kết luận một cách độc đoán. Cho nên hơn 100 năm nay, học thuật suy thoái, văn hóa trụy lạc, nguyên do chủ yếu là như vậy.

Chứng Minh Việc Nói Chuyện Cùng Quỷ

Nhiếp Vân Đài



Bản văn trong Linh Cảm Lục của Nữ Sĩ Phương Dục Huệ có thuật lại tình hình thấy ma và nói chuyện với ma. Người đời nay sẽ cho rằng nói bậy. Trên sự thật, loại chuyện này thì lời đồn ta cũng thường nghe, nhưng lời nói của người xưa thì người ngày nay chỉ cho là một chuyện đùa. Nay tôi xin chứng minh một điều là La Kỳ Tương Sĩ người Anh, nhà phát minh ra Vô Tuyến điện kiêm Hội Trưởng Hội Khoa Học, Triết Học Luân Đôn, thời thế chiến đệ nhất, con trai ông là Nai Mông Đặc tham gia chiến dịch. Một ngày nọ gia đình ông có việc vui mừng, quan khách đến rất đông. Trước khi chưa vào bàn tiệc, ông thấy con trai ông đứng ở cầu thang, nhìn kỹ lại thì không thấy gì nữa. Ông kể lại chuyện này cho Cử Tọa nghe.

Ngày hôm sau được tin con ông đã hy sinh. Từ đó ông thông tin với linh hồn con ông. Ông viết sách ghi lại chuyện này, tên sách là “Nãi Mông Đặc”, lại có tên là “Sống và Chết”. Nội dung của sách là lấy con mắt khoa học để thảo luận về linh hồn bất tử, nhà in Thương Vụ Ấn Thư Quán dịch là Khoa Học Đại Cương Thuật lại. Tâm Linh Học trở thành một môn nghiên cứu trong khoa học. Nhưng cho đến ngày nay cũng còn nhiều người chưa tin vào sự có linh hồn.

Bác sĩ Ngũ Đình Phương, nhà cách mạng nổi tiếng thường nói với tôi là, thời ông còn làm công sự Hoa Kỳ, có nghe những Thông Linh học gia có thể mời hồn ma đến nói chuyện. Ông cũng không tin, bèn mời người đó đến thực nghiệm. Người đó chiêu hồn người bạn là bà chủ nhà, nhiều năm trước kia ông ở trọ, hồn quý quả đến mà lại rủ thêm một con ma đàn bà không quen biết cùng đến. Bác sĩ nói chuyện trước kia với hồn chủ nhà cũ. Khi sắp từ giã, Bác Sĩ lấy bông hoa cài trên khuy áo tặng hồn chủ nhà. Âm hồn người đàn bà cùng đến nói: “Bác sĩ không công bằng, sao lại không tặng hoa cho tôi?” Người khách ăn cùng bàn bèn lấy bông hoa cài trên áo mình giao cho bác sĩ chuyển tặng cho âm hồn con ma, thì lúc đó ma biến mất. Bác sĩ nói, lạ nhất là hai bông hoa cũng đồng thời biến mất.

Sau lại nhờ người đó gọi hồn Lý Hồng Chương. Không lâu thì hồn Lý Hồng Chương hiện đến, ăn mặc như lúc sinh thời. Bác sĩ cùng Chương nói chuyện về hiệp ước Mã Quan, vì lúc bấy giờ Bác Sĩ là tùy viên

của Lý Hồng Chương. Bác sĩ nói là các nhà Thông Linh học không thể làm giả được, và hỏi tôi: “Ông có tin hay không? Nếu tôi không đích thân được nói chuyện với ma thì tôi cũng không tin”. Chuyện này giống như cuốn Tả Chuyện có ghi: “ Cô đột nhiên hai lần gặp hồn Thái Tử, nói chuyện với nhau. Tình hình cũng tương tự như vậy. Như thế đủ hiểu rằng, từ xưa đến nay, sự thực loại chuyện này ghi chép rất nhiều, không phải những nhà Tôn Giáo bịa đặt ra.

Tôi ghi chép bản văn của Phương Nữ Sĩ. Bèn viết thư hỏi Tô Trần hai vị cư sĩ về lý lịch của Phương Nữ Sĩ. Sau hai tháng, tôi nhận được thư trả lời của Phương Nữ Sĩ, và bài đăng tải, bài luận giác của ông X, vì dính dáng đến sự tu luyện của Đạo giáo, không phải Phật giáo chính tông, sợ sa vào tà giáo ngoại đạo, có hại đến danh tiếng của Đắc San. Như vậy đủ biết, ý kiến của Phương Nữ Sĩ rất thuần chính, ngôn hành chân thật cho nên thuật lại sự tích linh cảm. Thực có tính chất hiểu cảm Bồ Tát sự hiển linh, làm đẹp hiện tượng giới u minh. Tiếp tục trong 20 ngày là nhờ ơn Phật lực mới xong. Tôi thuật lại sự mắt thấy tai nghe của Tướng Sĩ La Kỳ và Bác Sĩ Ngũ Đình Phương, để tránh sự dị nghị của độc giả.

Cố Cát Cương Phu Nhân Thần Hồi Ký



G iáo sư Cố Cát Cương ở Yên Kinh Đại Học, là một học giả kiên quyết chủ trương vô quỷ luận. Ông chẳng những không tin quỷ thần, cõi hư vô, mà kể cả các danh nhân trong lịch sử như Nghiêu Tấn Hạ Vũ mấy nghìn năm nay mọi người đều công nhận, ông cũng có nhiều điều công kích, cho rằng vị không có những nhân vật này. Trước ngày 13 tháng 8, giới Học Thuật Bắc Kinh có một tổ chức rất lớn là Nghi Cổ Tập Đoàn, Cát Cương và Tiền Huyền là hội viên trung kiên trong tập đoàn này. Sau khi địch chiếm Bắc Kinh, Cát Cương cùng vợ và các con theo Chi1nh Phủ sơ tán đến miền Tây. Khi đến Tứ Xuyên thì ở tại Bắc Bội Trấn. Mùa Thu năm Dân Quốc 33(1944), vợ ông mất tại Bắc Bội. Vợ chồng ông tình cảm rất sâu đậm. Sau khi vợ chết ông rất đau buồn. Từ đó ông không bước vào phòng, trước kia hai vợ chồng ở chung nữa. Ông đem cửa phòng khóa trái lại. Ông và con gái, cùng một người làm và người bà con đến giúp việc thì ở các

phòng bên ngoài. Từ đó những tiếng động kỳ lạ và sự kiện quái gở liên tục xảy ra ở phòng ông khóa trái bỏ trống. Ông và mọi người trong nhà đều mắt thấy tai nghe. Việc này không thể không làm lung lay sự chủ trương vô quỷ luận của ông bị giao động đến gốc rễ. Sự việc xảy ra là như thế này. Từ sau khi khâm liệm xong, Cát Phu Nhân cứ đến 12 giờ đêm, trong phòng nghe rõ tiếng người đi lại. Tiếng đóng và mở cửa các tủ áo và ngăn kéo. Tiếng di động của ghế, như có người thu dọn và sắp xếp, cho đến sáng hôm sau mới yên tĩnh. Cát Cương và mọi người trong nhà đều nghe rất rõ. Sáng hôm sau, mở cửa vào xem thì thấy vẫn như cũ, không có gì khác thường cả.

Cứ như vậy liên tục ba ngày. Đến đêm ngày thứ Tư, ông ở ngoài phòng thấp mấy ngọn nến. Cách thức này là ông học được ở cuốn sách cổ, cho rằng nếu có ánh sáng mạnh thì ma không dám đến gần. Nào ai biết rằng, sau nửa đêm, hình như ở nóc nhà có vật nặng gì rơi xuống. Một lúc sau lại nghe có tiếng như người mở tủ quần áo, kéo và đóng ngăn kéo, như có tiếng động thu dọn đồ đạc. Từ hôm đó trở đi thì bặt đi không nghe tiếng động gì nữa. Có người đoán rằng: Ba đêm đầu con ma từ ngoài phòng đi vào, ngày thứ tư vì tránh ánh sáng nên vào nhà từ trên nóc. Từ nay ra vào từ trên nóc nhà thấy không tiện nên ít về nhà nữa. Cũng có người cho rằng: Sắp đặt dọn dẹp bốn ngày mọi việc đã xong nên không về nữa.

Đến một đêm hồn về trở lại theo tục lệ của Tứ Xuyên, rắc bột vôi xung quanh và trong phòng, đóng cửa lại. Hôm sau mở cửa vào xem trên bột vôi có dấu vết gì không, thì có thể biết là hồn ma có về hay không. Cát Cương bèn bố trí theo lời người địa phương. Sáng hôm sau mở cửa vào phòng, thấy có nhiều dấu chân người đi giày da. Những hoa ở đế giày in rất rõ rệt, quả là hoa ở đôi giày của vợ ông, đôi giày mà vợ ông đã mua tại Thượng Hải từ mấy năm về trước. Đôi giày này đã được khâm liệm vào quan tài khi vợ ông chết. Kiểu giày này ở Tứ Xuyên không có.

Câu chuyện này, những người bạn của chúng tôi tại Thượng Hải đã nghe nói, nhưng tôi vẫn không tin lắm. Tháng trước ông Cát về, gặp mặt nhau, tôi liền hỏi chuyện này. Ông tỉ mỉ kể cho tôi nghe. Tôi liền hỏi ông: “Đối với việc có ma hay không, ý kiến ông hiện nay ra sao?” Ông trả lời: “Tôi không dám nói là không có ma nữa, việc này khoa học hiện nay vẫn chưa giải thích được”.

Căn cứ vào ông Dương Âm Duy cư sĩ ở Vô Tích, là bạn rất thân với ông Cát Cương, cũng có hỏi ông về việc này, mới biết rằng quả là việc không sai.

Người biên tập

Giác Hữu Tình tháng 7 năm 35(1946)

Bức Thư Một Vị Quan Tốt Gửi Cho Con

(Sự thực về nhân quả hồn ma)



Nhân quả báo ứng, quả thực không sai, ta nói để nói để con biết. Một nữ sinh tên là Vương Lương Tiên, người làng Tân Điểm, huyện Vĩnh Xuyên, mùa Xuân năm Dân Quốc 29 (1940) vì Cha cô ngăn cản Cô cùng Trương Hồng Tùng, một thanh niên cùng làng hiện đang tu nghiệp ở trường Đạt Lập Thành Đô, yêu nhau. Một ngày nọ, Cha Cô đang lau súng ở nhà khách, Cô ở trong phòng lấy ra một khẩu súng trường, bắn sau lưng giết chết người Cha. Lúc đó là lúc vừa ăn xong cơm buổi sáng, Mẹ Cô ra vườn hái rau, các công nhân làm giấy đến xưởng làm việc. Ở nhà chỉ còn hai Cha con, sau khi bắn chết Cha, Cô đem súng để lại chỗ cũ, rồi hô lớn lên là Cha Cô lau súng vô ý nổ cò bắn chết. Sau khi các nhà chức trách địa phương đến khám nghiệm, thì thấy khẩu súng lục tháo ra để vương vãi trên bàn, vào phòng khám thấy khẩu súng trường, nòng súng còn nóng, lượm được vỏ đạn đem so sánh thì thấy

giống nhau, bèn báo cho quan kiểm tra trình sát và khởi tố. Cô này người trắng trẻo đẹp đẽ, nữ công rất giỏi và có tài hùng biện, viện lẽ đem khẩu cung khai với nhà chức trách địa phương là Cha cô lau súng vô ý làm nổ cò bị bắn chết, đổi thành Cha Cô bị có người cầm súng mưu hại (Xảy ra chuyện này trước mấy hôm có phi đồ đến mưu hại, cả làng đều biết việc này). Sau hai lần xét xử, các điều tra viên và các viên chức cứu xét tìm hiểu, mà chưa dám phán đoán và quyết định. Cho đến tháng 5 năm Dân Quốc thứ 30 (1941) tôi ra lệnh cho ông Viện Trưởng Vĩnh Xuyên, nhưng một phán đoán viên kém năng lực. Vụ án này sau lại qua ông Viện Trưởng Tự Hành thẩm xét, cũng chưa dám phán quyết. Tôi đọc kỹ hồ sơ vụ án, nhà này chia làm ba gian, nạn nhân ngồi ở gian giữa lau súng, mặt nhìn về đằng trước, đằng sau không có cửa sổ. Hai gian nhà bên phải và trái thì nhìn thấy. Trong sân có hành lang đi thẳng vào nhà bếp. Cô bị cáo khai là nghe có tiếng súng ở nhà bếp bắn ra. Vết đạn bắn vào sau lưng, nếu là người ngoài lại đến ám sát thì phải tự mang súng bắn đằng trước, chứ sao lại phải vào gian thứ hai lấy súng? Như vậy thì nạn nhân sẽ phát giác, bằng không khi bắn xong, tên sát nhân tất phải đem cả súng chạy trốn, tại sao lại để súng lại? Lý do này rất chính xác.

Ngày hôm sau đem ra tòa xét xử vụ án này. Căn cứ vào những lý do kể trên mà chất vấn, Cô Vương Tiên tuy có tài hùng biện cũng không thể chối cãi được. Ta bèn ôn tồn khuyên giải rằng: “Cha con là thiên tích, Cô bị Trương Hồng Tùng gạt, tôi đã nhờ nhà chức

trách ở Thành Đô bắt giam y. Hiện nay y đang giữ nguyên Tại Đào. Xét trong hòm của y có hình Cô mười tám tấm. Nay cho cô xem”. Vương Lương Tiên xem xong nước mắt nhỏ giòng. Thím của cô Tiên ở bên cạnh lớn tiếng kêu là: “Vương Lương Tiên, thật là quả báo nếu gặp quan thẩm phán sáng suốt.”

Tôi vì công việc bận và vì thận trọng vụ án này, nên chưa vội kết án. Đêm đó ta nằm mơ xử vụ án này, tuyên trước pháp đình là “Vương Lương Tiên giết hại Cha mình, là người trục hệ huyết thống, bị án đồ hình tù vô kỳ hạn và tước đoạt quyền công dân chung thân”. Lúc đó có vài người mặc áo dài nói rằng: “Xử rất đúng, xử rất phải, rất tài tình”. Vài hôm sau, ở trên bộ công Diêu Trấn Giáp, là chuyên viên cứu xét đến nhận chức. Diêu năm Dân Quốc 28 đỗ rất cao, năng lực cũng khá, tiếp nhận nghiên cứu vụ án này. Sau hai lần thẩm vấn, nói với ta rằng: “Vụ án Vương Lương Tiên bị oan. Tôi muốn là phiên tòa sau sẽ tuyên án là vô tội” (Vương thường may quần áo trẻ em cho Diêu phu nhân, hàng ngày chuyên trò với Diêu phu nhân). Ta đem ý kiến của ta nói cho y nghe, y cũng không chịu nghe. Ta vì bảo trì tinh thần độc lập của thẩm phán nên nói là y hãy châm chước cho kỹ.

Cách phiên tòa chỉ còn một ngày, Diêu lại nói với ta Vương Lương Tiên bị oan, câu nói của Cô thực có lý, Cha Cô bị bọn giặc giết hại không sai. Buổi chiều đó Diêu tự nhiên từ trên lầu ngã lăn xuống, lớn tiếng kêu có ma, vừa nhảy vừa chạy. Trên đầu máu chảy

không ngừng. Vực y vào phòng tôi, khi tỉnh lại nói: “Có ma kêu oan và nhiều bộ mặt kỳ lạ mắt giận dữ trợn trừng nhìn tôi”. Ba ngày liền, ngày đêm đều phải cử người coi chừng y, và lấy dây trói chặt chân tay Cô lại không thể động đậy được, nhưng miệng thì luôn luôn lớn tiếng kêu là có ma. Ngày thứ tư phải trói chặt, mượn người đưa y đi bệnh viện thành phố (Lúc đó pháp đình ở Lai Tô). Điều tỉnh lại dần dần. Điều trị một thời gian, y vẫn còn lúc tỉnh lúc mê. Tôi vì không có người phụ, đành phải tự mình kết án. Lúc Vương giết Cha chưa đầy 18 tuổi, nên tôi xử nhẹ giống như nằm mơ mấy hôm trước. Sau khi kết án Điều mới tỉnh hẳn lại, không còn kêu gào như mấy hôm trước. Đêm ngày thứ năm, chỉ có mình tôi, sau khi tụng Kinh lễ Phật xong, ta đi bách bộ ở sân, bỗng nghe có tiếng động phát ra ở phòng vị Chấp Đại Viên. Ta kinh hãi nhìn thì thấy cửa vẫn khóa, bèn gọi người đến mở khóa vào xem, thấy bức tường phòng giam bị khoét một cái lỗ to bằng miệng chén. Thì ra đó là tiếng động Vương Lương Tiên có ý đồ vượt ngục mà ra. Sau đó Vương chống án, bèn giải đi Đồng Khánh. Ba lần thâm xét chống án đều bị bác bỏ. Vương lại vượt tường định tẩu thoát, nhưng bị bắt. Người nữ quản ngục khóa chân tay Vương đến nổi chảy máu, chừng một tháng sau, vì không chịu nổi sự kham khổ mà chết trong ngục.

Nhưng xét kỹ việc này, thì ra là cha cô trước kia cũng là đầu đàn thổ phi, cướp của giết người, lại kiếm được tiền rồi về mở xưởng làm giấy, đồng đảng thường đến quấy nhiễu nên Cha Cô mua một khẩu súng trường

để phòng thân, cất phòng bên. Sau lại mua thêm khẩu súng lục, giữa lúc Cha Cô đang lau chùi thì bị con gái lấy súng trường bắn sau lưng mà chết (Đó là nhân quả). Vợ y mỗi ngày niệm Phật, con gái thấy vậy đã mừng Mẹ là mê tín. Nghe nói người Mẹ nay đã xuất gia tu hành.

Điều thứ hai là Đặng Bách Xuyên giết Đặng Khả Khâm. Tuổi con còn nhỏ nên không biết rõ chuyện này. Khả Khâm là đảng viên cộng sản, hoạt động ở làng ta. Khi Hồng quân đi qua, Thổ hào rất ghét. Bách Xuyên gian ngoan được quản lý Hội Đường. Giòng họ Khả Khâm nhận định hiểm hoi, thường bị bắt nạt. Lúc đó cộng đảng có thế, Khả Khâm nở mày nở mặt. Khi quan Quốc Dân Đảng đi qua, Bách Xuyên tiếp đón ở Hội Đường, khi rượu đã ngà ngà say nói với mọi người rằng: “Khả Khâm là cộng sản, XX bị hại cũng là bởi y, nếu tôi còn trẻ thì tôi liều mạng với y, tội bay không dám”. Đặt lời kêu gọi xúi giục, Bách Xuyên lại nói thêm rằng: “Tội bay có can đảm thì ra tay, nhưng là các người tự động, không dính dáng đến tôi”. Mọi người xúm lại trói chặt Khả Khâm, buộc vào hòn đá lớn rồi chìm xuống gốc bụi tre dưới sông. Bách Xuyên lại nói thêm rằng: “Cắt nhỏ cỏ phải nhỏ tận rễ, vợ Khả Khâm tên là Bảo Cơ hiện đang có mang, sợ sau này nó sẽ báo thù”. Mọi người đổ xô đến nhà Khả Khâm, nhưng khi đó Bảo Cơ đã chạy trốn, đến bờ Bào Cốc Lâm sinh ra một đứa con, bỏ con lại chạy lấy mạng. Sau đứa con bị chó cắn chết. Bảo Cơ chạy đến Vũ Xương cầu khẩn ông Thạch Anh làm việc ở Bồ Kiến Thiết minh oan,

được Thạch Anh giữ lại để giúp việc nhà. Lúc đó ta và Mẹ con đến Hoàng Ni Cương Nam Kinh, hơn tháng sau ta đến Vũ Xương gặp Thạch Anh. Bảo Cơ khóc lóc nói rằng: “ Xin báo thù hộ chồng y”. Ta đưa Bảo Cơ đến Dương Tân Hội Quán, hứa sẽ tìm cách giúp. Ngày thứ ba, hơn mười người bị Bách Xuyên ép bức đến, và hơn mười người bị Bách Xuyên xúi giục cũng đến, tất cả đều nói hết sự tình. Ta suy nghĩ, chừng 2 tiếng đồng hồ sau, ta bảo mười người phản đối Bách Xuyên hãy về nhà, ở lại ba người. Còn những người bị Bách Xuyên xúi giục cũng về. Tôi nói với họ, việc này là vụ án mạng các người nghe Bách Xuyên xúi giục làm việc ngu dại, nếu biết tội phải gom góp một số tiền đem đến để ta dàn xếp.” Mọi người đều nhận lời. Ta cho họ tạm về nhà.

Đêm đó, ta dạy bảo họ ba người còn lại kế hoạch và nói: “Sự việc chẳng may lại xảy ra ở làng ta, nếu không giải quyết khéo léo thì không còn mặt mũi nào mà nhìn thấy mặt Tổ Tiên. Ba người các anh nếu theo điều ta thì sự việc thế nào cũng xong”. Cả ba người đều đồng ý nghe lệnh. Ta nói: “Các anh ba người hãy về nhưng không được về nhà mình, hãy đến ở nhờ nhà người quen làng bên, đợi đến ngày X tháng X ở Hội Quán có Tính Số và uống rượu, thì ba người hãy xông vào, hô lớn lên là bắt giặc, nhưng chỉ bắt một mình Bách Xuyên thôi, không liên can đến các người khác. Tôi cam đoan với các anh mọi việc sẽ thuận lợi”.

Ta lại chuẩn bị cho họ một tờ Sự Vụ Lệnh, trong nội dung viết là áp giải phạm nhân Đặng Bách Xuyên đến Vũ Xương thẩm vấn, trên đường nếu có cảnh sát khám xét thì có giấy chứng minh. Ta dặn dò kỹ ba người này do Vĩnh Trác chỉ huy về Từ Khẩu. Đêm đó đến bắt Bách Xuyên trong tiệc rượu ở Hội Quán không ai dám ngăn cản. Khi Vĩnh Trác giải Bách Xuyên ra khỏi cửa Hội Quán, thì nghe Bách Xuyên kêu lớn lên rằng: “Khả Khâm đến rồi! Không xong đâu, ta chết mất”. Trác hỏi: “Khả Khâm ở đâu?” Bách Xuyên trả lời: “Ồ đằng trước kia kia. Ta lầm rồi Khả Khâm ơi. Ta biết lỗi rồi. Ta sẽ mở Đạo Tràng mời Thầy siêu độ cho anh, hãy tha thứ cho tôi. Mẹ tôi năm nay trên 70 tuổi, đáng thương lắm”.

Vĩnh Trác thấy vậy biết là mọi việc thuận lợi, bèn ra lệnh cấm y nói năng, ngoan ngoãn lên đường. Thuận lời đến Vũ Xương dàn giải, từ ga xuống xe, Bảo Cơ túm lấy Bách Xuyên kêu oan, cho đến cảnh bị tư lệnh bộ lập tức thẩm vấn rồi giam lại. Bách Xuyên là cháu của Từ Thu Nông, Thu Nông là bạn học với nhiều người họ Đặng, và cũng là quen biết nhiều. Đến Vũ Xương, tìm gặp ta nói là Mẹ y chỉ có một đứa con. “Từ tội có thể miễn, nhưng phải tù từ năm năm trở lên, mười lăm năm trở xuống.” Ta không nói thêm nữa. Kết quả bị kết án bảy năm tù. Ta đem số tiền của các tông phạm lập Đạo Tràng ma chay và lập bia cho Khả Khâm. Hai năm sau, vợ y là Bảo Cơ tái giá lấy người họ Trần. Trong việc này có dính chút ít nhân quả. Vợ Khả Khâm bất hiếu với Mẹ chồng và cũng vì sự bất

hiếu của Khả Khâm mà tự tử. Còn Khả Khâm cũng vì bất hiếu và Bảo Cơ xúi giục, Khả Khâm. Sau ba năm Bảo Cơ lấy chồng khác, lấy người họ Trần, bị loạn quân giết chết. Bách Xuyên ở trong ngục, nhờ người đến xin, ta nói: “Anh ở trong ngục chỉ cần phải niệm Kinh Quan Âm Bồ Tát, thế nào cũng có ngày thoát nạn”. Lúc đó tôi thực không biết Phật pháp, thấy người đến xin thì ứng khẩu nói vậy thôi, mục đích là để khích lệ mà thôi. Kết quả Bách Xuyên tù mấy năm thì được tha về nhà, sinh được một đứa con trai thì mất. Còn con y không biết có còn hay không, cho đến nay vẫn chưa có tin tức gì.

Ta lại nghe lời Mẹ con cho hay, đêm nằm mơ thấy Khả Khâm đến cảm ơn. Mẹ con bảo y nên đi cảm ơn chú Bình Trọng. Y đáp: “Chú ấy đang thịnh vượng, tôi không dám gặp”, nói rồi vái dài rồi biến mất.” Bình sinh của ta thấy rất nhiều sự thực về báo ứng, nay cử ra hai vụ án Vương Lương Tiên và Đặng Khả Khâm để làm sáng tỏ sự xác thực của luật nhân quả.

Theo lời Soạn Giả: Ông Đặng Bảo Tôn, tự là Bình Trọng, người huyện Dương Tân, tỉnh Hồ Bắc, năm nay 58 tuổi, tốt nghiệp tại trường Pháp Chính chuyên môn Giang Tô, đã từng giữ những chức vụ Lục Sự ở Thượng Hải và Nam Kinh, Pháp Viện tối cao hình sự. Viện Trưởng địa phương ở Vô Hồ và Vĩnh Xuyên, là người rất liêm khiết. Ông tới đâu thì các tội nhân bị oan uổng được tháo gỡ rất nhiều. Ông là một Phật giáo đồ rất thành tâm, hiện ở số nhà 18 đường Lư Châu, Vĩnh Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên. Ông Hoan Chương hiện làm

việc tại xứ này, Công Ty Dân Sinh ở khu Đông đường Đại Minh Lộ, nhờ ông cho xem bức thư này, đăng tải trên Giác Tín Nguyệt San số tháng 7. Tôi căn cứ vào một phán quan định trái phép gỡ tội cho kẻ phạm tội giết Cha, thì bị ma đến quấy nhiễu, nháy nhót trên lầu. Còn người quan thẩm phán làm việc theo lẽ phải, rộng lượng phán quyết, thì đêm nằm mơ thấy ma đến khen ngợi. Đó là linh hồn của đám ma quỷ về vụ án họ Vương. Vương Lương Tiên đã tuyên án miễn chết, nhưng nghiệp chướng thúc đẩy, hai lần khoét tường định vượt ngục, để đến nỗi chịu không nổi sự dày vò hành hạ mà chết trong tù, đó cũng là do ma quỷ gây ra. Cha Cô trước làm tướng giặc, giết hại nhiều người, sau cùng bị chính con mình giết chết, đó là báo ứng rõ rệt. Đặng Bách Xuyên bị giam, mở mắt ra là thấy ma quỷ hiện đến. Còn Mẹ và Vợ của Khả Khâm cũng đều có tạo ác, đều bị quả báo. Đó là sự thực xảy ra rất gần đây. Nêu ra ghi lại mọi chuyện này để gây lòng tin tưởng. Tường tận ghi rõ những chuyện này để biết rõ sinh tiền Cha con nhà họ Đặng và nơi ăn chốn ở của Cha con họ Đặng. Bức thư này có hiệu lực hơn các bút ký của cổ nhân trăm ngàn lần, nên đăng tại cuối phụ lục của cuốn Địa Tạng Linh Cảm Lục, để ta biết lời nói của Địa Tạng Bồ Tát quả thực đáng tin lúc tụng kinh Địa Tạng, để ta luôn luôn có lòng cảnh giác, để tránh những điều ác mà làm việc thiện. Nếu vậy thì thiên hạ được thái bình.

Nhiếp Vân Đài cẩn thức

Khuyên Nên Nương Vào Việc Hành Trì kinh Địa Tạng (Phụ Tu Trì Phương Pháp)

Nhiếp Vân Đài



Có người nói thời đại Nguyên Tử này còn tiêu cực nói chi đến Phật pháp ư ? Duy vật thời đại còn nói đến duy tâm Phật pháp ư ? Tôi trả lời là: tác dụng của nguyên tử năng có thể đem một thành thị hóa thành vô, có thể nói là tích cực ư? Phật pháp là một bờ lũy kiên cố, bảo vệ nhân loại an toàn và hòa bình, có thể bảo chứng ở trong xã hội có nhiều người có chính nghị, đồng tình, trọng lòng, khinh tư, tránh làm những việc ác như phạm tội, tranh chấp rồi giết hại nhau. Do đó Phật pháp vô hình chung tiêu trừ mọi tai ương và hư hao. Đó không phải là sự tích cực chân chính ư ?

Phật pháp chính là nói về duy tâm. Điều trọng yếu nhất là đả thông tư tưởng, coi nhẹ việc tự ngã, phổ lợi

cho nhân loại và chúng sinh. Triển khai trăm ngàn năm lịch sử. Những người có tiếng trọng Phật học, hoặc là ở trong chính phủ, hay thấy người khổ não và đáng thương mà bố thí, đó tức là vô tướng, đó tức là đại từ tâm chân thật, đó tức cảnh địa của Phật, Bồ Tát, tức là Đại Thừa chính tông. Phật pháp căn bản là không phân biệt lớn nhỏ, là tùy theo tâm lượng của mọi người. Cũng cùng một chuyện bố thí, có kẻ bố thí ngàn vàng, nhưng công đức ít, có kẻ bố thí một đồng tiền nhưng công đức lại lớn. Có một thiếu nữ vì Mẹ mà phát đại thệ nguyện, thành Bồ tát chứng chánh quả. Cho nên Phật pháp Đại Thừa, ai cũng có thể học được, chỉ cần có lòng làm lợi ích cho người, thực lòng Từ Bi, không một chút nào tạp nhiễm, tức là Đại Thừa Phật pháp. Mọi điều này ở trong Địa Tạng Kinh chỉ bảo rất minh bạch. Cho nên những công đức nhỏ này cảm ứng rất mau nhiệm, nhất là trong thời kỳ mạt pháp, nghiệp chướng rất nặng, chúng sinh bết khổ được an. Trong thời đại này, đại đa số người không tin có quỷ thần, cũng không tin có sự nhân quả báo ứng. Tôi cũng không dám khuyên can, nếu còn những người sẵn có thiện căn, còn có thể phát tâm tu trì theo Kinh, tất có cảm ứng, sẽ được nhiều lợi ích.

Sở dĩ tôi sưu tầm các sách Đặc San, có đăng tải các sự linh cảm gần đây, mục đích là để chứng minh. Mong các đọc giả đọc bài viết này, đừng nên coi thường. Đó là lời cầu khẩn thiết tha của tôi vậy.

Phương Pháp Tu Trì (Vi người sơ cơ mà chỉ dẫn)



- Thờ cúng bằng hình, đóng khung lồng kính hình Bồ Tát để cung phụng. Nếu nhà hẹp không có phòng tiếp khách thì đành treo hình bên cửa sổ trong phòng ngủ, hoặc nơi thanh tịnh, sớm tối thắp một nén hương và lễ bái.

- Người có thể tụng kinh thì mỗi ngày tụng 1 cuốn kinh, ba ngày tụng hết toàn bộ, hay mỗi ngày tụng hết toàn bộ, tùy theo thời gian của từng người. Nếu có việc gì cầu xin thì phát nguyện đọc bấy nhiêu bộ, tự mình có thể quyết định, phải trân tình phát nguyện rõ ràng trước Bồ Tát.

- Người không biết đọc kinh thì chỉ cần xưng niệm Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát bảy chữ Thánh hiệu, mỗi ngày ngàn lần. Nếu thời gian không cho phép thì niệm đọc một hay hai trăm biến cũng được, nhưng phải thành kính, ít nhất cũng có cảm ứng. Nhưng nếu không thật lòng quy y, chỉ muốn gọi là thử coi, thì chắc khó mà có cảm ứng.

- Tuy không cần thực hành việc ăn chay, muốn cầu ích lợi thật thì mỗi tháng giữ sáu ngày ăn chay (Vào ngày mùng 8, 14, 15, 22, 29 hoặc 30 và mùng một âm lịch), hay thập trai (Vào các ngày mùng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và 30) không thể thiếu được. Nếu phục vụ tác ngoại không thể tự chủ được, khó mà thực hiện được, nhưng nếu có thể làm được thì nên cố gắng mà làm và khuyên mọi người trong nhà phải cùng chung một lòng hợp tác theo ngày ấn định mà ăn chay, ngày thường cần nhất là không nên sát sinh.

- Ngày thường niệm Phật hay Quan Âm Thánh hiệu. Ngoài ra niệm đọc thêm Địa Tạng Kinh hay xưng Thánh hiệu cũng được.

- Người thường chỉ biết cầu xin tránh tai họa và được phước, đó là Phật pháp cho phép, nên biết rằng ơn có ứng nghiệm, tự tạo việc trừ nạn mà được phước, cho nên mỗi ngày đọc kinh xong thì hồi hướng, thành tâm cầu xin Bồ Tát gia hộ để được mở mang trí tuệ thấy biết chơn chánh, phát tâm Bồ Đề, mở lòng từ bi, thường cầu nguyện, bốn điều này là con đường chính cầu xin tránh tai họa và được phước. Tôi đại khái nói rõ thế nào là mở mắt trí huệ. Người đời chỉ thấy những sự sai lầm và tội lỗi của người khác, nhưng không nhìn thấy sự sai lầm của mình đã làm. Như vậy chỉ là sự ngu si của biên kiến. Trái lại chỉ thấy lầm lỗi của mình mà không nhìn thấy sự sai trái của người khác, đó là mở mang trí huệ của mình vậy.

Người đời luôn luôn nghĩ đến tự lợi ích kỷ, chỉ cầu hưởng dục lạc, cho đó là trí khôn, không biết đó chính là ngu si. Ngược lại lấy lòng tự lợi dục lạc của mình, làm lợi ích cho người khác, cho là có lợi cho mình đó mới là mở mắt trí tuệ. Đó là sự phát tâm Bồ Đề. Lòng Bồ Đề tức là sự giác ngộ. Thế nhân nhận họa là phước, cho hại là lợi, đó chỉ là sự trước mắt, không thấy ở mai hậu. Đó tức là mê, nhận ra sự mê lầm đã qua tức là ngộ. Giác ngộ tức là Phật.

Ngoài ra, chẳng phải là Phật pháp, đó chỉ là người chánh tri kiến, đầy lòng tin ở nhân quả là xác thực, không để cho tục kiến và tà kiến lay động, có từ tâm thương người. Đây là căn bản của mọi phước đức. Đại khái tất cả những người có lòng từ tâm thương người đều là những người có trí huệ cao cả. Những kẻ phước đức mỏng manh, thế nào cũng thiếu lòng đồng tình. Chúng ta chỉ cầu phước báo, nếu đối xử với mọi người thiếu lòng từ tâm và thương người, thì đó là đi trái ngược với Phật pháp. Những sự cầu xin của chúng ta khó mà mãn nguyện. Bốn sự việc kể trên, nếu có thể luôn luôn để trong lòng cầu xin Bồ tát phù hộ, trong lòng lúc nào cũng hằng nhớ niệm, đó tức là phước ân song tu, phù hợp với trong lòng, tự nhiên cảm ứng rất nhanh, và sở nguyện sẽ được thành tựu. Hai chữ “Nam Mô”, ý dịch là quy mạng, hoặc gọi là quy y. Khi niệm Phật và xưng danh hiệu Bồ Tát cần phải để trong lòng là quy mạng Bồ Tát, thì trong tâm mình tự nhiên lòng thành khẩn sẽ đến. Phật, Bồ Tát dùng pháp giới để làm thân. Pháp giới không có không gian và thời gian (Bao

quát là quá khứ, hiện tại và tương lai). Đó là một danh từ hợp nhất. Xung danh hiệu Phật, Bồ Tát, tức là tâm hòa hợp với toàn thể pháp giới. Cho nên có một uy lực vô thượng cảm ứng rất mạnh mẽ. Có ý nghĩa là Phật pháp chứng quả, tức thoát ly thần thức trong cái thân nhỏ bé này, mà ấn chứng pháp giới cái thân lớn. Trong Kinh Kim Cang nói rằng: “ Phật nói chẳng phải thân, đó là thân lớn vậy.” Nghĩa là chẳng phải là cái thân thần thức, chẳng phải là cái thân phàm này, mà có thể thành đại thân được. Thiên Thần, quỷ thần chỉ là cái thân thần thức, chưa ra khỏi ba cõi (Dục giới, sắc giới và vô sắc giới) sánh với cảnh giới Phật và Bồ Tát rất khác xa.

Phụ Lục

Ghi lại việc đọc Địa Tạng Bồ Tát bốn nguyện Kinh Linh Cảm Lục

Lý Văn Khải



Đảnh lễ thập phương tam thế Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát.

Đệ tử Tuệ Đăng (Pháp danh của tôi), từ ngày phát tâm tụng đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh và xưng Thánh hiệu đến nay, có sáu điểm linh cảm chưa dám tỏ bày. Gần đây có Tạ Trứ Trần lão cư sĩ ở Đài Nam phát tâm in lại cuốn Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục, lại thêm Trần A Nam cư sĩ gửi thư đến nhắn nhủ đem 6 điều linh cảm ghi in ra để đem lại ích lợi cho người đời. Văn Khải tôi tự biết nghiệp chướng nặng, trí huệ kém, học thức thô sơ, lại viết lách kém cỏi, không dám nhận lời. Đệ Triệu cư sĩ lại gửi thư đến thúc giục,

nể tình không thể thoái thác được, nay đành phải viết mấy lời sơ thuật như sau:

Tháng 7 năm Dân Quốc thứ 44 (1955) âm lịch ngày 30, trong lúc tản sáng tôi nằm mơ thấy Mẹ tôi, cầu cho được siêu độ. Buổi sáng hôm đó tôi liền lên ngay Thiện Đạo Tự ở Đài Bắc, tham gia Địa Tạng Pháp Hội, xưng Thánh hiệu và đọc Kinh cùng mọi người. Sau khi pháp hội viên mãn, tôi đem chuyện nằm mơ kể cho bạn tôi nghe. Đạo hữu đó nói cho tôi nghe là: “Chúng ta nếu muốn cầu siêu cho Cha Mẹ, cần phải phát nguyện đọc tụng Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh”. Tôi tức thì đến trước tượng Bồ Tát Địa Tạng. Đánh lễ phát nguyện rằng: “Từ hôm nay trở đi, con phát tâm tụng đọc Địa Tạng Bồ Tát và xưng Thánh hiệu. Trong một tháng đọc hết 24 cuốn Kinh, xưng tụng Thánh hiệu mười vạn tiếng, lấy công đức này cầu xin cho Mẹ con được siêu độ.” Thấm thoát cho đến nay, tụng đọc Kinh và xưng Thánh hiệu đã hoàn tất, không hiểu rằng Mẹ tôi đã được siêu độ hay chưa, đến nay vẫn chưa có cảm ứng gì. Tự biết rằng nghiệp chướng kiếp trước và kiếp này rất nặng, nếu không phát đại nguyện thì không thể được, cho nên lần thứ hai tôi lại phát đại nguyện rằng: “Từ tháng 9 năm Dân Quốc thứ 44 âm lịch nhằm ngày mùng 1 trở đi, đến năm Dân Quốc thứ 45, ngày 30 tháng 7 âm lịch, con tái phát nguyện đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh 500 cuốn, mỗi ngày xưng tụng Thánh hiệu 1000 lần, và thực hành những việc lành như hộ sinh và phóng sinh”. Từ đó hàng ngày tôi nhớ làm chuyện này không

dám biếng trễ. Trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh, phẩm Như Lai Tán Thán có ghi rằng: “Này Phổ Quảng người xử dụng thần lực, nếu là quyền thuộc đến trước tượng Chư Phật, Bồ Tát, chí tâm tụng đọc Kinh này hoặc thỉnh người khác đọc ba lần hoặc bảy lần, nếu là quyền thuộc trong ác đạo, khi đọc xong không kể số lần, sẽ được giải thoát”. Tôi lại thấy phẩm thứ 12 là Kiến Văn Lợi Ích phẩm nói rằng: “Lại nữa Quan Thế Âm Bồ Tát! như có kẻ thiện nam, người thiện nữ trong đời sau muốn cầu hiện tại, vị lai trăm nghìn ức lần lờn nguyện, trăm nghìn ức lần công việc thì nên quy y chiêm lễ, phụng thờ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát”. Lúc đó mọi nguyện cầu sẽ được toại nguyện. Tôi đọc xong hai phẩm này lòng đau như cắt, nước mắt nhỏ ròng, sám hối mình học Phật quá muộn, đọc Kinh quá trễ. Kiếp trước đời đời, Cha Mẹ tôi và lục thân quyền thuộc luân chuyển lục đạo, chịu nhiều sự đau khổ vô biên. Tôi bèn phát đại nguyện lần thứ ba rằng:

Điều thứ nhất: “Đệ tử Tuệ Đăng, thành kính đọc Kinh và tụng niệm Thánh hiệu, nguyện cầu Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ tát Ma Ha Tát Đại Từ Đại Bi Đại Trí Đại Huệ Đại Nguyện Đại Lực, cứu độ đời đời kiếp trước cho Cha Mẹ của con sớm ra khỏi khổ luân, kiếp này Cha Mẹ con sớm sanh Cực Lạc”.

Điều thứ hai : “Cầu Bồ Tát Đại Sĩ gia bị phúc phù hộ cho họ, Đệ Tử xin học ngôn hành của Bồ Tát, một lòng Từ Bi để giải trừ mọi ác nghiệp kiếp trước và kiếp

này, tăng trưởng trí huệ, mọi việc cát tường và cầu cho hai đứa con tương lai được thuận lợi.”

Từ ngày phát nguyện sau ba bốn tháng, lần lượt hiện ra mọi sự linh cảm do Đại Sĩ ban ơn. Điều thứ nhất là tôi bị chứng bệnh ngoài da, đến tuổi già mà vẫn chưa khỏi, ngứa ngáy khó chịu, thuốc gì chữa cũng không khỏi. Từ sau khi đọc Kinh thì thấy khỏi dần. Điều thứ hai là con tôi tên là Tường, sau khi ngưng buôn bán ở Hương Cảng, con dâu bị ốm luôn nên nhất quyết đến Đài Loan để tìm việc làm, thì nhận được giấy nhập cảnh, đang chuẩn bị khởi hành thì có một thương gia ở Hương Cảng đang thiếu người làm, nên được tuyển dụng vào làm. Bệnh của con dâu cũng khỏi hẳn. Điều thứ ba là đứa con khác của tôi tên là Trạch, làm ở một công ty Hương Cảng, học hàm thụ tốt nghiệp đại học của Hoa Kỳ về ngành điều chỉnh không khí, vừa lãnh bằng xong. Đang lúc có một công ty khác muốn mượn một viên chức về điều chỉnh không khí, con tôi bèn làm đơn xin việc. Khi đến thi tuyển thì được tuyển vào làm. Ông giám đốc nói: “Thí sinh hơn 200 người, chỉ có mình anh đủ điều kiện”.

Đó không phải là có Đại Sĩ phù hộ thì là gì? Trạch con tôi không thạo kế toán, ông giám đốc lại mượn một kế toán viên kèm cho 3 tháng, phái đến Công Ty Lưu Cầu để phục vụ. Đó không phải là Đại Sĩ phù hộ là gì? Trạch con tôi tự nghĩ cảm Hồng ân của Đại Sĩ, không biết báo đền cách nào, cho nên nguyện thề hàng ngày đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh, trọn đời

không ngưng. Ngày 17 tháng 10 năm Dân Quốc 45(1956) đọc hết 500 bộ Bản Nguyên Kinh, tôi tự nghĩ chỉ trong một ngày mà hai đứa con tôi đều xin được việc làm mới. Đó không phải là được Đại Sĩ ban cho linh cảm ư? Điều thứ tư là con dâu tôi tốt nghiệp tại trường Đại Học Phục Đản ở Thượng Hải, nhân rồi ở nhà, đang muốn tìm việc làm, bèn tự nguyện đọc Kinh. Có một công ty nọ ở Hương Cảng muốn mượn một thư ký. Lúc đó thì con tôi đã có việc làm. Con dâu tôi tuy muốn tìm việc nhưng chưa vội lắm, vì bệnh mới khỏi, nên đến xem cho khuây khỏa. Một nhân viên trong công ty phát cho lá đơn xin việc. Con dâu tôi nhận đơn rồi viết đại thôi. Trong hơn 70 người thi xin việc thì con dâu tôi trúng tuyển. Đó không phải là Đại Sĩ phù hộ ư? Không còn nghi ngờ gì nữa.

Điều thứ năm là 6 giờ chiều ngày 30 tháng Giêng năm 45 (1956) bỗng lúc tụng kinh tôi chợt nghĩ đến Mẹ tôi đã được giải thoát chưa? Tôi quỳ trước bàn thờ tượng Đại Sĩ, cầu nguyện rằng: “Đệ tử Tuệ Đăng, ngưỡng xin Bồ Tát chỉ bảo, Mẹ con đã được vãng sinh Tịnh Độ hay chưa?” Theo trong Kinh chỉ bảo, chí tâm tự đọc Kinh này, hay thỉnh người đọc ba biến hoặc bảy biến, nếu là quyền thuộc trong ác đạo, sau khi đọc xong mấy biến thì sẽ được giải thoát. Đệ tử đã đọc hết Bản Kinh 131 bộ, vẫn chưa được Đại Sĩ ra ơn, trong lòng rất hoang mang.

Chúc nguyện đến ngày thứ 3 (Ngày mùng 2 tháng 3), vào lúc 5 giờ sáng, tôi đang ngồi nghỉ trên giường,

bỗng nghe tiếng Mẹ tôi gọi tên tục của tôi: “Mau lại đây, mau lại đây”. Tôi nghe tiếng Mẹ gọi lòng rất vui mừng, nói lớn: “Mẹ đã về đây à!” Lúc đó lòng tôi vui sướng vô cùng, vội đứng dậy đi ra, đi theo hướng tiếng mẹ gọi, phát hiện một dải đất phong cảnh rất đẹp, cảnh tượng như khung cảnh đẹp như Di Hòa Viên. Đường đi bằng phẳng như pha lê, sáng như gương, soi rõ một người ăn mặc như cung nữ trang phục rất đẹp, đang đứng mỉm cười. Tôi nhìn rõ xem là ai, trong lòng nghĩ tất là mẹ mình, bước vội đến gần để đánh lễ vấn an. Khi tôi đến gần thì tất cả những cảnh đẹp đều biến mất. Nghĩ ra có lẽ là Mẹ mình đã được sinh Thiên, tôi vui mừng quá rồi tỉnh giấc, thì ra là một giấc mơ. Tuy chỉ là một giấc mơ nhưng đó cũng là lòng từ bi của Đại Sĩ báo mộng. Tôi cảm kích vô cùng. Hôm sau tôi tìm gặp một vị Pháp Sư, thuật lại mọi việc xảy ra trong mộng. Pháp Sư nói: “Không còn nghi ngờ gì nữa”, Mẹ ông đã được sinh Thiên rồi, đã tới thế giới Cực Lạc. Người đứng bên cạnh là Bồ Tát thị hiện đấy”.

Điều thứ sáu là nhà tôi nay tuổi đã già, chưa có cháu, trong lòng rất buồn. Tôi nghĩ Đại Sĩ thường linh cảm ban ơn cho người, nên lại phát nguyện lần thứ tư rằng: “Đệ tử Tuệ Đăng, cầu xin Bồ Tát ra ơn ban cho mấy cháu.” Phát nguyện này vào tháng 3 năm Dân Quốc thứ 45(1956) tháng 7 năm đó được tin cháu Tường gửi thư cho cháu Trạch báo tin chị dâu đã có mang. Hết kỳ mang thai sanh đứa con trai đặt tên là Bảo Anh. Tôi được tin này mừng quá khóc hai lần. Nếu ai hỏi tại sao mà khóc? Tôi trả lời là tôi luôn luôn được

Bồ Tát phù hộ, ơn ấy vô tận. Tôi tự hỏi mình có công đức gì mà báo đền ơn này, nên vừa mừng vừa thẹn, nên không cảm được nước mắt. Văn Khải báo đáp Hồng ân sâu xa này, chỉ có cách là đời đời kiếp kiếp hết lòng quy mạng kính cẩn phụng hành, hoằng dương Phật pháp, kiêng sát giới và phóng sinh, khuyên các đồng tu và đồng đạo, đọc Địa Tạng Kinh cùng đọc Thánh hiệu, cùng cầu xin cho Cha Mẹ đời đời sớm thoát khỏi khổ nạn luân hồi, và cùng cầu xin cho Cha Mẹ hiện tiền, thề đồng tu Tịnh nghiệp, đồng sinh Tịnh Độ, đồng chứng Phật quả.

Nay Văn Khải đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh và xưng danh Thánh hiệu, sơ thuật 6 điều linh cảm, đều là lời thốt ra từ trong lòng, không dám nói sai trái. Xin nói thêm là bắt đầu từ ngày 30 tháng 7 năm 44 (1955) cho đến 28 tháng 10 năm Dân Quốc 46 (1957) đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh tổng cộng lại là 1517 bộ, tụng niệm Thánh hiệu cũng chưa hề gián đoạn. Từ sau trở đi vẫn đọc Kinh và tụng Thánh hiệu không có kỳ hạn. Phàm các vị đồng tu và đồng đạo hãy tin lời nói của tôi, nên sớm phát tâm đọc Thánh Kinh và tụng Thánh hiệu, sẽ được vô lượng vô biên công đức, báo ơn Cha Mẹ đời này và đời kiếp kiếp về sau.

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký

Đỗ Duệ Bản



Mùa Xuân năm Dân Quốc 45 (1956) Lý Văn Khải cư sĩ khuyên tôi đọc Địa Tạng Kinh. Bắt đầu từ hạ tuần tháng 3 âm lịch, cứ mỗi buổi sáng tôi đọc Địa Tạng Kinh một bộ, và xưng Thánh hiệu mấy trăm lần. Tôi tự biết mình nghiệp chướng rất nặng, phước bạc, trí huệ kém. Mỗi khi đọc Kinh thì suy nghĩ vớ vẩn, không được nhất tâm niệm Phật. Nhưng trong vòng hai năm nay, tôi thường nằm mơ thấy linh hồn của các quyến thuộc và thân hữu. Chẳng lẽ Bồ Tát đã cứu bạt họ, nên họ thoát khỏi khổ và được sung sướng? Những chuyện bất như ý của đời người thì chín phần mười là do chúng sinh đã trải qua vô lượng kiếp, tạo nên mọi ác nghiệp, nên nghiệp lực cảm ứng, tạo thành mọi cảnh giới phiền não.

Tôi từ ngày đọc Kinh đến nay, những chuyện bất như ý giảm dần. Nhân tình thế sự, kẻ được theo ý muốn, nhiều người lại gặp nghịch cảnh hiện hình, có lúc là bởi nhân duyên sinh ra quán chiếu lý trí vô tự tánh, tâm sân dần giảm, sự tụng Kinh công lực mỏng

manh, không có đặc thù linh hiển. Nhưng riêng cá nhân tôi, được ơn phúc lợi, trong lòng nhẹ nhàng. Như thế chứng minh sự từ bi quảng đại của Bồ Tát, phù hộ chúng sinh rất thực, không thiếu sót gì.

Đức Thích Tôn vì Mẹ mà thuyết pháp ở cõi Trời Đao Lợi, phát khởi sự tận hiếu của Địa Tạng Kinh. Sự thật chủ yếu trong Kinh là Địa Tạng Bồ Tát hành nguyện mọi hành động cứu Mẹ. Những ai đọc Kinh này, trước hết phải hiếu kính Cha Mẹ coi Cha Mẹ như Phật sống vậy. Nếu Cha Mẹ đã quá vãng thì phải tụng Kinh, làm công đức, xin Địa Tạng Bồ Tát cứu cha Mẹ thoát khổ được an vui. Trong Linh Cảm Lục đã có nhiều sự thật chứng minh.

Trong Kinh có nói: “Thiện nam, thiện nữ, muốn cầu xin hiện tại, vị lai hàng trăm ngàn ức nguyện vọng, trăm ngàn ức sự việc, thì cần phải quy y, chiêm lễ, thờ phụng, tán thán hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, thì những sở nguyện và sở cầu đều được thành tựu.” Trong Kinh lại có nói thêm rằng: “Địa Tạng Bồ Tát phân thân đầy hàng trăm ngàn vạn ức, hằng hà sa số thế giới. Trong mỗi thế giới hóa thân có trăm ngàn vạn ức thân. Mỗi hóa thân siêu độ trăm ngàn vạn ức người, hướng về kính tín Tam Bảo”. Vĩnh viễn lia xa sinh tử, tới cõi Niết Bàn an vui. Biến hóa rộng lớn như vậy, cơ hồ như đến tận hư không giới. Chúng ta đọc Kinh của Ngài, quy kính Địa Tạng Bồ Tát, là cầu mong được nhiếp vào biển nguyện Từ Bi của Bồ Tát, được Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Đại Nguyên Địa Tạng Bồ Tát Hóa Thân



Cỗ ở của tôi ở số 16 Lam Gia Trang lan viên thuộc Nam Kinh. Bốn phía xung quanh đều có hàng rào tre, đằng trước và đằng sau đều có hai cánh cửa ra vào. Một buổi sáng vào tháng 7 năm Dân Quốc 24 (1935) hai cánh cửa trước và sau còn chưa mở, bỗng có một vị lão Tăng bay đến, đầu đội mũ Tỳ Lô, mình mặc áo xanh màu nước biển. Trước ngực có đeo hơn mười chuỗi tràng hạt dài chấm đến mặt đất. Hai chuỗi tràng hạt ở cánh tay áo cũng dài chấm đến mặt đất, trông khí thế rất là trang nghiêm, tràng hạt sáng chói. Tôi hỏi: “Lão Sư Phụ đến từ đâu?” Vị lão Tăng trả lời: “A Di Đà Phật. Tôi đến từ An Huy Cửu Hoa Sơn”. Tôi liền hỏi: “Cửa chưa mở sao Sư Phụ vào được?” Lão Tăng trả lời: “Tôi có phép thần thông, đâu tôi cũng vào được”, nói rồi cho tôi xem một cuốn sách dày có đề Cửu Hoa Sơn Địa Tạng Vương Bồ Tát tám chữ, bìa mạ chữ vàng, ba chữ Cửu Hoa Sơn viết ngang, còn năm chữ kia viết dọc, bốn bên cũng là màu vàng, rất là sáng bóng.

Lão Tăng chấp tay nói: “Tôi đến hóa duyên”. Tôi nói: “Nếu vậy tôi xin gọi là viết chi phiếu chút ít”. Lão Tăng nói: “Tôi không lấy tiền. Hôm nay tôi đến là cố để tìm bà nói vài câu chuyện”. Tôi hỏi: “Su phụ sao lại nhận được tôi?” Lão Tăng trả lời: “Tôi có phép thần thông nên biết bà từ lâu”. Tôi để ý đến chiếc mũ màu xanh của vị lão Tăng rất đặc biệt. Lão Tăng liền nói: “Đó là chiếc mũ từ đời cổ, năm nay tôi đã hơn 100 tuổi”. Tôi bèn kéo ghế mời ông ấy ngồi, ông ấy không chịu ngồi, rót nước mời, ông ấy cũng khước từ không chịu uống, và chỉ nói: “A Di Đà Phật! Bà là người có thiện căn, cùng Phật có duyên. Sau khi bà 40 tuổi thì mới thấy cần phải học Phật. Đến lúc đó bà mới hiểu lời nói của tôi”. Tôi hỏi: “Sao Su Phụ lại biết được việc đời của tôi?” Lão Tăng trả lời: “Tất cả mọi sự trong lòng người, tôi đều biết. Mọi sự kiếp trước của người tôi cũng biết. Những về ba đời trước của bà tôi cũng đều biết. Tôi sẽ kể cho bà nghe. Tôi mong rằng sau này bà khéo tu, tốt hơn kiếp trước. Thế nào cũng có thành tựu tốt hơn. Tôi xem lòng bà hiện nay đang hoài nghi. Tôi khuyên bà hãy đừng hoài nghi, là vì tôi có phép thần thông nên hiểu được”.

Lúc đó tôi thấy tướng của lão Tăng rất đạo mạo. Đột nhiên đến đây nói rất nhiều chuyện, và luôn miệng nói ông có phép thần thông. Tôi không hiểu thế nào là thần thông, trong lòng quả thực có hoài nghi, còn đang suy tư, mọi chuyện đều bị ông lão Tăng hiểu hết cả. Tôi thật không biết thế nào là Phật. Mẹ tôi và Mẹ chồng tôi cũng đều tin Quan Thế Âm Bồ Tát, thì tôi cũng tin

Quan Thế Âm Bồ Tát. Lão Tăng nói thế nào là Phật, thế nào là Bồ Tát, Thánh hiệu của Phật và Bồ Tát rất nhiều, sau năm 40 tuổi thì bà tự nhiên hiểu cả. Tôi coi hình như bà còn hoài nghi, không tin lắm. Nay tôi nói chuyện sự thật cho bà nghe. Thí dụ như ông ấy là Châu Bang Đạo, là đốc học ở Bộ Giáo Dục, diện mạo và tính tình như thế nào, tôi nói cho bà nghe thì bà tin ngay”. Tôi hỏi: “Su Phụ làm sao lại biết được ông ấy?” Lão Tăng nói: “Tôi đã nói với Bà là tôi có phép thần thông, tôi muốn thấy ông ấy lúc nào cũng được”. Tôn và Hứa hai người làm đứng kế bên nói: “Ông ấy bè bạn rất nhiều, và nhiều người đôn đại, ai mà không biết!” Lão Tăng nói: “Nếu thế thì con trẻ chắc không nhiều bè bạn, cũng chẳng có người đôn đại, vậy tôi nói chuyện của trẻ em. Đứa con thứ tư của bà tên là Xuân Đề, hiện ở kế bên, tôi không cần nói, con lớn là Xuân Cảnh, con thứ hai là Xuân Phúc, con thứ ba là Xuân Quý, tất cả đều đi học tại Trường Tiểu Học ở Liên Hoa Kiều, diện mạo và tính nết của họ là không cần nói, có phải vậy không? Bây giờ bà có thể tin được rồi. Bà là một hiền phụ, hiếu phụ, hiếu thảo với Cha Mẹ và bố Mẹ chồng. Bình sinh kiếp trước bà có một đoạn nhân duyên đặc biệt với Mẹ chồng, cho nên bà rất hiếu thảo với bà ấy. Đối với nhân loại, chữ hiếu rất là quan trọng, bà tận hiếu đạo với Cha Mẹ hai họ là một điều rất quý ở trên đời.

Lúc đó con thứ năm tên là Xuân Đường còn trong thai, nhà bảo sanh thấy bụng tôi lớn quá, cho rằng có vấn đề nên không chịu phụ trách việc giúp trợ sản, lòng

tôi rất lo lắng và áy náy vô cùng. Lão Tăng nói rằng: “Hiện bà mang thai là con trai, cốt cách lớn nên bụng to, đừng có lo, không có gì nguy hiểm cả, đến mừng 9 tháng 8 giờ Thìn thì ra đời, sinh đẻ rất dễ dàng, đứa trẻ không khóc chút nào, tính tình của nó là như vậy” và còn nói: “Sinh năm đứa con trai rồi sinh con gái. Chính ra số bà có năm con trai, hai con gái. Nhưng bà không khéo tu cho tròn nên chỉ có một con gái thôi. Lúc đứa con gái sinh ra sẽ gặp nạn, nhưng tôi thường đến thăm phù hộ, bà đừng có lo lắng gì cả, không có gì nguy hiểm đến tánh mạng. Nhưng có một điều là bà phải phát nguyện, cúng đèn dầu thờ phụng trước bàn thờ các Phật và Bồ Tát trên núi Cửu Hoa, nhiều hay ít là tùy ở bà. Bà không lên tiếng, tôi hỏi bà có thể cúng 100 cân dầu đèn hay không? Nếu có thể thì bảo đảm cả gia đình bình an, lúc sinh con gái không có gì nguy hiểm cả. Cúng 20 có thể chứ?” Tôi nói: “Có thể”. Lão Tăng không ghi vào sổ cầm tay, chỉ biên vào một tờ giấy là “Châu Dương Tuệ Khánh cúng dầu đèn 20 cân”, rồi bảo tôi thắp ba nén hương đi theo ông ấy đến phía Tây Nam sau vườn hành lễ. Lão Tăng đốt tờ giấy nói rằng: “Trên Cửu Hoa Sơn đã biết việc này”. Tôi nhìn thấy lão Tăng đó đi qua đi lại chân bước nhẹ như bay không một tiếng động. Trong lòng lấy làm lạ, nhưng chẳng hiểu tại sao? Tôi hỏi: “Sao Sư Phụ lại biết tên họ của tôi?” Ông ấy trả lời là: “Tôi đã nói nhiều lần là tôi có phép thần thông”. Tôi bèn lấy tiền đưa ông ấy. Ông ấy không nhận, nói rằng: “Bà cúng dầu là đủ rồi, nếu là tự bà mang dầu đến thì tôi đích thân ra chào bà. Nếu bà

sai người mang đến thì tôi không ra tiếp. Bà có thể sai người này đi (chỉ người làm họ Tôn, nói rằng: “Người này là người ở huyện An Huy”. Người đó sẽ biết đề vào trong Điện này” (bèn viết tên Điện vào tờ giấy. Tiếc rằng thời gian kháng chiến, gia đình dời đổi chỗ ở nhiều lần nên tờ giấy này bị mất đi).

Hứa Thị bữu môi nói rằng: “Nói là không lấy tiền, dầu không phải là tiền ư?” Lão Tăng nói: “Cô biết gì? Tiền thân kiếp trước cô là gì? Rất đáng thương, tôi không muốn nói. Bà chủ cô là người tốt rất hiếm có, cho nên tôi đến đây nói chuyện với bà ấy. Cô đừng có nhiều lời. Đã sắp về chiều rồi, ông nhà đã sắp tan sở về nhà. Tính ông ấy nóng nảy, sẽ cho tôi là một Hòa Thượng hóa duyên, một Hòa Thượng cần tiền, thế nào cũng mắng tôi và bà. Bà đừng giận, tôi cũng không giận đâu. Ông ấy là một người có lòng tốt. Ông ấy tức giận một hồi thì vô sự. Năm trước khi còn ở Thượng Hải, có người đến mạo xưng là bạn của ông, gạt một số tiền của bà, có phải là ông mắng bà một trận rất lợi hại không? Số tiền đó là do kiếp trước bà nợ của người ấy, nay trả cho người ấy là điều rất tốt thôi, bà đừng nên khó chịu và khóc lóc nữa” (Chính vì việc này mà tôi đã rất khó chịu và khóc lóc).

Chồng tôi khi ở Nam Kinh, tuy thường đến Viện China Hội Học Viện thăm Thầy. Ông ấy là lão cư sĩ Châu Thiếu Do, bỏ tiền ra khắc Kinh, và nhờ Nghi Hoàng Đại Sư Âu Dương Cảnh vô khắc bia trước mộ Mẹ. Trong bia khắc “Xoay vắn ba ngàn, chỉ là sức nhẹ,

ghi ơn Cha Mẹ là công đức rất lớn, ta khắc bia thờ Mẹ, mong sớm tới nơi Cực Lạc”. Tuy vậy nhưng ông lại chưa hề nghe tụng Kinh, chưa hiểu Phật pháp, chưa hiểu nghĩa Tăng, lúc đó vì bị sự kiện bài trừ quan niệm mê tín làm ảnh hưởng nên tư tưởng mâu thuẫn. Vì năm đó tôi bị người gạt tiền, ông cho rằng tôi ngu dại hay bị lường gạt, về nhà không tìm hiểu đầu đuôi, bèn tức giận mắng tôi không nên nghe lời mà tùy tiện quyên tiền, phần lớn các người mượn danh Hòa Thượng đi hóa duyên xin tiền trục lợi.

Lão Tăng mỉm cười nói: “Tôi biết thế nào ông cũng tức giận. Ông đừng mắng tôi và đừng chửi vợ ông. Kiếp trước ông đã khéo tu, kiếp này được người vợ hiền, sau này còn phải nhờ vợ độ ông và giúp ông. A Di Đà Phật: A Di Đà Phật”.

Người làm Hứa Thị tiễn lão Tăng ra khỏi cửa, khi trở vào nói với tôi rằng không biết tại sao khi lão Tăng ra khỏi cửa thì không thấy đâu nữa, chẳng hiểu rõ chuyện gì? Tôi vì việc này rất buồn phiền vì không hiểu tại sao, những lời nói của vị lão Tăng không dám kể lại với chồng tôi. Nhưng y phục, tràng hạt và tiếng nói, mỉm cười, cử chỉ của lão Tăng đều in sâu vào trong óc của tôi.

Giờ Thìn ngày mùng 9 tháng 8 năm đó, quả nhiên đưa con thứ năm của tôi ra đời, khi sinh ra rất yên tĩnh, ngủ thiêm thiếp không một tiếng khóc. Mẹ con đều bình an. Ngày 26 tháng Giêng, khi sinh đứa con Xuân Bàn thì tôi bị bệnh viêm ở bụng, bệnh tình nghiêm

trọng, chữa trị hơn một tháng mới khỏi, chuyển nguy thành an. Mọi việc xảy ra so với lời nói của vị lão Tăng ngày trước thì hoàn toàn phù hợp.

Cuộc kháng chiến đang kịch liệt, gia đình tôi rời khỏi Nam Kinh di cư về quê. Tháng Giêng năm Dân Quốc 27 (1938), chồng tôi được lệnh đi giữ chức hiệu trưởng trường Quốc Lập Đệ Tam Trung Học. Cả gia đình lại từ Thụy Kim dọn đến Đồng Nhân Quý Châu. Mùa Xuân năm thứ 30 (1941), chồng tôi chuyển nhiệm đi Trùng Khánh giữ chức Tham Sự Viện Khảo Thí, Mẹ con tôi thì vẫn ở lại Đồng Nhân Quý Châu. Tôi thường nghĩ đến mẹ chồng tôi đã mất hơn mười năm, trong lòng rất thương nhớ, mỗi khi nghĩ đến thì nước mắt nhỏ giòng. Tháng chín năm đó tôi vừa tròn 40 tuổi, thường nghĩ đến làm thế nào để đền ơn. Có người nói nếu muốn báo ơn Mẹ chồng thì phải lễ Phật, đọc kinh huyết Bồn. Một vị nữ sĩ Đạo giáo đến nói là dạy tôi đọc kinh ấy, nhưng phải lạy nữ sĩ là Thầy (Sur Phụ). Không hiểu sao tôi cảm thấy không ưng ý mấy, nên lần lữa nhiều lần, không chịu đến nhà bà ấy lần nào.

Tháng 3 năm 31 (1944), đêm tôi nằm mơ thấy hai vị Tăng mặc áo cà sa, hai tai dài chấm vai, một vị mặc áo màu xanh, bước vào cửa bèn gọi tên tôi nói rằng: “Chuỗi tràng hạt cổ đời nhà Hán, làm bằng ngọc La Hán có còn hay không?” (Chuỗi tràng hạt này là chồng tôi lúc ở Hà Nam Sùng Sơn trong miếu Trung Nhạc được vị lão Tăng tặng). Vị Tăng khác nói: “Bà đừng nên vội vã lo lắng, sau này tôi sẽ giới thiệu”. Giới

thiệu? Tôi cũng chẳng biết ông nói giới thiệu là cái gì, nhưng tôi cũng nói cho có lễ phép, là xin Sư Phụ lưu ý.

Ngày 19 tháng 6 ở miếu Đông Nhạc ở Đồng Nhân có tổ chức Quan Âm Hội, bỗng có người lớn tiếng nói ba bốn lần rằng: “Quy Y Tam Bảo”, “ Quy Y Tam Bảo” nói ba bốn lần như vậy. Câu nói này ai cũng nghe thấy, nhưng không biết là ai nói, và chẳng hiểu ý nghĩa thế nào là Quy Y Tam Bảo, chỉ nghe thấy tiếng mà thôi. Sau tôi đến thỉnh giáo Khoan Ngạn Đại Sư, thì được biết ít nhiều về câu nói đó. Tôi bèn xin được quy y, nhưng ông ấy không thuận và nói: “Trong thời gian kháng chiến, chỉ lo chạy loạn, quy y cái gì? Sau này đến Phổ Đà Sơn mà quy y”. Tôi năn nỉ xin mãi. Ông ấy mới miễn cưỡng nhận lời, và nói: “Tôi thực không muốn bà quy y đâu, nhưng bỗng có tiếng nói trong không gian, e rằng Bồ Tát gọi các người quy y”, bèn cử hành nghi thức đơn giản. Thế là tôi bắt đầu quy y Tam Bảo, sau 40 tuổi sẽ tin Phật và học Phật. Đó là chứng nghiệm lời nói của lão Sư Phụ từ nhiều năm trước mà tôi quên lãng, nay mới nhớ lại.

Sau khi quy y, Khoan Ngạn Đại Sư dạy tôi đọc Đại Bi Chú. Tôi cầu dạy tôi đọc Kinh Kim Cang, nhưng ông ấy không chịu và nói: “Bà chưa hiểu, đọc làm gì?” Một đêm tôi có nằm mơ thấy có một vị lão Hòa Thượng dạy tôi đọc Kinh Di Đà, đọc xong thấy trên không trung có cái thuyền bay qua. Tôi sợ hãi hỏi: “Sao thuyền lại biết bay?” Lão Hòa Thượng nói: “Đó không phải là vật dễ thấy”. Tôi quay lại thì thuyền và

lão Hòa Thượng cũng biến mất, trong tay còn cuốn Kinh Di Đà. Khi tỉnh giấc thì cả Kinh Di Đà trong tay cũng không còn nữa. Tôi nghĩ kỹ lại dung mạo và thần khí của vị lão Hòa Thượng này thì thấy có nhiều điểm giống như vị Sư Phụ đã gặp khi ở Nam Kinh. Từ đó về sau tôi thường nghĩ đến vị Hòa Thượng những năm về trước.

Sáng hôm sau, Khoan Ngạn Đại Sư đến, nói là: “Ở cầu thang dưới nhà, nghe thấy bà đọc Di Đà Kinh”. Tôi kể lại chuyện đêm đó nằm mơ việc đọc Di Đà Kinh. Tôi xin hỏi cái gì là Di Đà Kinh? may nhờ ông ấy sơ lược giảng cho biết ít nhiều. Chiều hôm đó đem sách ra phơi, con tôi thấy một cuốn Kinh Phật do trước kia được ông Trương Mặc Quân in tặng (Những sách khi ở Nam Kinh không hề mang theo, không biết tại sao lại có một cuốn Kinh lộn vào đồng sách, đó mới có lẽ là chuyện đặc thù). Kim Cang Kinh, Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Tâm Kinh, Đại Bi Chú v.v..., trong đó đều có cả. Tôi mừng quá, từ đó bèn phát tâm tụng Kinh, trì chú, ngày đêm không ngừng, quên cả mệt nhọc.

Trong thời gian kháng chiến, chồng tôi cũng phát tâm tụng niệm Ma Lợi Chi Thiên Kinh. Lão cư sĩ Châu Thiếu Do cũng gửi thư nhắn bảo nên đọc Di Đà Kinh và xưng Quan Âm Thánh hiệu. Ở Đồng Khánh, ông Đới Quý Đào cũng được cảm hóa, lòng tin Phật càng ngày càng kiên cố, lựa chọn nhiều cuốn Kinh gửi đến Đồng Nhân cho tôi. Khi ông ấy ở Giang Tây phụ trách

việc giáo dục, ở nhà tôi có Phật Đường, ông thường đến cùng chúng tôi lễ Phật. Sau khi đến Đài Loan, được lão cư sĩ Long Kiện Hành giới thiệu, cùng quy y Nam Hoa Hư Vân lão Hòa Thượng, và cùng là lão đệ tử thường theo hầu của Lý Tuyết Lư, nghe Kinh học Phật rất tiên bộ. Đó là đại khái nhân duyên học Phật của ông.

Tháng 7 năm 42 (1953) là ngày Thánh Đản của Địa Tạng Vương Bồ Tát, cư sĩ Tuyết Lư tặng cho nhà tôi khoảng mười bức hình tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tôi nhìn hình Bồ Tát thấy quần áo và chuỗi tràng hạt nhìn giống y như vị lão Tăng hơn 100 tuổi ở Cửu Hoa Sơn đã đến nhà mình ở Nam Kinh 24 năm về trước. Có khác là trong tượng hình dáng trẻ hơn một chút, và trong tay có cầm thêm một cây Tích Trượng bằng thiếc. Tôi nghĩ lại lời nói của ông ấy và mọi sự việc xảy ra, chứng minh đều là sự thực. Tôi tỉ mỉ kể cho nhà tôi nghe. Nhà tôi nghe xong giẫy nảy lên nói rằng: “Có những linh tích hy hữu như vậy, đương nhiên là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát, tại sao không sớm mà nói cho tôi nghe, để tôi mang tội cho đến nay. Cũng vì bà phát Bồ Đề đại nguyện, tôi cũng biết chỉ hữu định, nhất tâm nhất đức tùy đồng tu trì, đó không phải là bà đã độ tôi và giúp tôi ư? Bởi vậy cung kính lễ Phật và hết lòng sám hối”.

Trong tháng 12, Đài Trung Bảo Thiện Tự có mời Bạch Thánh Pháp Sư giảng về “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh”. Pháp Sư là người được Thế Phát ở Cửu

Hoa Sơn. Lúc giảng Kinh thường nói đến sự tích của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Trong Kinh cũng nói đến con đường thờ kính, hay xây tháp tự, hoặc tạc hình tượng, và cúng dường dầu đèn. Tôi nghĩ đến những chuyện dĩ vãng, y nguyên bản tường thuật, hỏi trên Cửu Hoa Sơn có vị Hòa Thượng đạo mạo hơn 100 tuổi không? Pháp Sư trả lời: “Tôi ở Cửu Hoa Sơn nhiều năm, chưa nghe và cũng chưa hề thấy có vị Hòa Thượng nào là có thể chứng minh sự tích của 18 năm về trước, là sự hóa thân của Ngài trên 100 tuổi”. Đó chắc là Địa Tạng Vương Bồ Tát hóa thân, Ngài cầm một quyển sách dày đưa cho Bà xem và thấy có mấy chữ màu vàng ấy mà chẳng chịu mở ra cho Bà viết, đi bộ rồi lại biến mất. Đây chính là một loại thị hiện khó thể nói hết được. Ngài Địa Tạng hay hóa thân đó đây ở các Thánh Tích. Những người ở gần Cửu Hoa Sơn, nhiều người nhận được ân đức này.

Trải qua một lần hỏi, có thể nói rằng với tướng kia có thể so sánh tức không còn nghi ngờ gì nữa. Mắt người thường nhìn đâu có biết Thánh nhân, và cũng không phân biệt được Phật và Bồ Tát. Vì vậy người thường mất đi một cơ duyên mà đời người khó mà tạo ngộ, nên chưa hỏi nhiều về nhân quả, chưa thỉnh khai thị và có thể vi phạm sự tôn nghiêm của các đấng Thần Thánh và Bồ Tát mà gây nên tội lỗi. Cho nên hỏi lại cũng đã muộn, trăm đời cũng khó chuộc.

Tôi và nhà tôi kính cẩn quỳ bái trước bàn thờ Địa Tạng Vương Bồ Tát ở Bảo Thiện Tự, cúng 20 cân dầu

trong, để tỏ chút lòng túc nguyện, thành khẩn cầu xin, sám hối việc đã làm, và hồi hướng đến pháp giới, cũng như trời đất chư vị. Sám hối tội từ xưa đến nay, để mong được giảm bớt nghiệp chướng, để hướng về pháp giới.

Từ năm ngoái sám hối lễ Phật đến nay đã gần một năm, sơ lược nhớ lại ngọn ngành câu chuyện, tôi thành thật kể rõ cho quý vị đồng tu, cùng cung dẫn Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh, trong phẩm thấy nghe đều được Lợi Ích của Thế Tôn nói rằng: “Ta thấy Địa Tạng oai thần lực, hằng hà sa kiếp nói khó hết, thấy nghe chiêm bái trong một niệm, lợi ích nhân gian vô lượng sự.” Muốn tu vô thượng Bồ Đề, phát tâm Đại Bi, trước nên lễ bái Tượng Đại Sĩ. Tất cả các nguyện mau thành tựu, quyết không nghiệp chướng hay đến gần.

Dân Quốc năm thứ 43 (1954), ngày 9 tháng 11.

Kiến Bồ Đề Thọ thứ 25, 26 – Lương Nguyệt San
– Dân Quốc tháng 12 năm 43 (1954)

Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Vấn Đáp

Do Lý Viên Tịnh Cư Sĩ Biên Thuật



Hỏi: Địa Tạng Bồ Tát Thánh đản là ngày nào?

Đáp: Ngày 30 tháng 7 hạ lịch.

Hỏi: Lấy gì làm căn cứ ?

Đáp: Năm Vĩnh Huy thứ 4 đời nhà Đường, ở Đông Phương có nước Tân La (tức là nước Cao Ly hiện nay), Thái Tử Kim Kiều Giác sau khi xuất gia, dùng thuyền đến Trung Quốc, đến ngọn núi Cửu Chỉ Sơn trên núi Cửu Hoa Sơn ở tỉnh An Huy, tu hành 75 năm. Đến đời Đường Huyền Tông khai nguyên, năm thứ 16 ngày 30 tháng 7 thành đạo, sau lại nhập định 20 năm. Đến ngày 30 tháng 7 Đường Chính Đức năm thứ

2, nhà Đường hiển thánh dựng tháp, cho nên Địa Tạng Thánh đản tức là ngày đó.

Hỏi: Cửu Hoa Sơn có phải là đạo tràng ứng hóa của Bồ Tát?

Đáp: Phải, Cửu Hoa Sơn đạo tràng ở huyện Thanh Dương tỉnh An Huy. Hằng năm vào tháng 7, những người đến hành hương trên Cửu Hoa Sơn rất đông, giao thông tiện lợi (Khởi hành từ Thượng Hải, đi thuyền đến huyện Đại Thông tỉnh An Huy, rồi đi đò đến Tiền Gia Cung, rồi ngồi ghé có mấy người khiêng lên Cửu Hoa Sơn).

Hỏi: Tại sao khi niệm Thánh hiệu thường xưng là Đại Nguyên Địa Tạng Bồ Tát?

Đáp: Hai chữ Đại Nguyên rất là có lai lịch, trong Địa Tạng Bản Nguyên Kinh có nói. Bồ Tát kiếp trước từng là con gái của Bà La Môn, từng là con một trưởng giả, từng là Quang Mục Thánh Nữ, từng là Quốc Vương. Khi còn là con gái Bà la môn, Ngài ở trước Tháp Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, phát đại nguyện rằng: “Ta nguyện tận vị lai kiếp, độ những chúng sinh có tội, mở mọi phương tiện, để chúng được giải thoát”. Khi là con trưởng giả, Ngài ở trước Sư Tử Phần Tân Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, phát đại nguyện rằng: “Ta tận vị lai chẳng kể kiếp số, vì tội khổ của lục đạo chúng sinh, mở rộng phương tiện, là cho giải thoát hết, thì bản thân ta mới thành Phật”. Khi là Quang Mục

Thánh Nữ, Ngài phát đại thề nguyện rằng: “Ta thề từ nay về sau, trước tượng của Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, từ sau trong trăm nghìn vạn ức kiếp, trong mọi thế giới. Tất cả địa ngục và tam ác đạo, mọi tội khổ của chúng sinh thề nguyện cứu bạt, để họ rời khỏi địa ngục, ác thú, súc sinh, ngạ quỷ v.v..., như là người có tội ác đều thành Phật rồi ta mới thành Chánh Giác”. Lúc là Quốc Vương, Ngài phát đại nguyện rằng: “Nếu không độ hết tội khổ chúng sinh để họ được an lạc, đến nơi Bồ Đề, tôi vẫn chưa thành Phật”. Cho nên Địa Tạng Bồ Tát, không biết rằng đã trải qua bao nhiêu vô lượng đại kiếp, độ không biết bao nhiêu chúng sinh vô biên, đến bây giờ cũng vẫn là Bồ Tát, chưa chịu thành Phật. Nguyện lực của Bồ Tát, đơn chẳng thành Phật. Ta thử nghĩ xem, nguyện lực của Bồ Tát lớn lao biết bao! Làm sao mà nói cho hết được. Trong các Đại Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát biểu hiện Đại Trí, Phổ Hiền Bồ Tát biểu hiện Đại Hạnh, Quan Âm Bồ Tát biểu hiện Đại Bi, còn Địa Tạng Bồ Tát biểu hiện Đại Nguyện. Trong Pháp Hội Đức Thích Ca, thề điều phục cương cứng chúng sinh, và thề độ thoát cực khổ ác của chúng sinh, phải công nhận đó là Đại Nguyện của Địa Tạng Bồ Tát vậy.

Hỏi: Nghe nói Địa Tạng Bồ Tát chỉ độ chúng sinh dưới địa ngục, có phải vậy không?

Đáp: Trong Bản Nguyện Kinh, Phật nói: “Địa Tạng Bồ Tát với cõi Diêm Phù có nhân duyên lớn, nếu nói đến mọi sự Kiến Văn Lợi Ích của chúng sinh thì

trăm ngàn vạn kiếp cũng kể không hết được”. Trong Chiêm Sát Kinh, Phật tuyên bố rõ ràng là: “Địa Tạng Bồ Tát từ khi phát tâm đến nay qua vô lượng vô biên trải qua không biết bao nhiêu A Tăng Kỳ kiếp, đã lâu đời đã từng độ Tát Bà Nhược Hải. Công đức đầy đủ rồi, dựa vào bản nguyện tự tại lực, ảnh hiện thập phương. Tuy đi đến nhiều quốc độ nhưng thường khởi công nghiệp. Ở tại ngũ trược ác thế, tạo ra sự lợi ích sâu dày trong tư hội, thân tướng đoan nghiêm, uy đức thù thắng, chỉ trừ Như Lai ra, không ai sánh bằng. Lại tất cả sở hữu hóa nghiệp trên thế giới, ngoài trừ Biên Cát, Quan Thế Âm, tất cả đại Bồ Tát cũng không bì kịp”. Bản nguyện thệ lực của Bồ Tát, đủ để thành tựu mọi sở cầu của chúng sinh. Có thể diệt mọi trọng tội của chúng sinh, trừ mọi nghiệp chướng, sẽ được yên ổn”. Thế nhân cho rằng Bồ Tát chỉ độ chúng sinh dưới cõi địa ngục, mà không nghĩ đến cõi người, đó là một sự hiểu lầm rất lớn. Trong kinh sách có nói: “Bồ Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả”. Cứu quả cố nhiên là cần, cứu nhân lại càng cần gấp. Trong cõi người, chúng sinh tạo thập ác tội nghiệp là nhân, kiếp sau này phải xuống địa ngục đó là quả. Địa Tạng Bồ Tát đối với những kẻ ở dưới địa ngục còn cứu bạt, hưởng hồ với những kẻ chưa xuống địa ngục.

Hỏi: Tôi còn nghe Địa Tạng Bồ Tát công đức lợi ích vượt khỏi các Đại Bồ Tát, có phải hay không?

Đáp: Các Đại Bồ Tát phần lớn là các vị cổ Phật tái lại, không ai hơn ai, nhưng chúng sinh từ nhiều kiếp đến nay hay kết pháp duyên có sâu có nông, tránh sao cho khỏi. Nhưng Địa Tạng Bồ Tát đối với thế giới này có đại nhân duyên, cho nên Thế Tôn khen là tối thắng, chúng sinh nào vững niềm tin thì được lợi ích. Trong Thập Luân Kinh, Đức Phật có nói: “Giả sử có người nào cho rằng Di Lặc Bồ Tát Diệu Cát Tường và Quán Tự Tại Bồ Tát, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát là thượng thủ Khắc Ca Sa Đại Bồ Tát và Ma Ha Diễn ở trong trăm kiếp chí tâm quy y, xưng niệm danh hiệu, đọc tụng, lễ bái, thờ cúng mọi điều sở cầu. Không bằng có một người trong một bữa ăn, mà chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, thờ cúng Địa Tạng Bồ Tát, thì những sự cầu xin sẽ sớm được y nguyện. Vị Đại Sĩ có mỗi nhiệt tình quen với loài hữu tình từ lâu vững tin đại nguyện, đại bi dũng mãnh vượt các Đại Bồ Tát. Cho nên các người nên cúng dường.” Trong Kinh Bốn Nguyện cũng có nói: “Địa Tạng Bồ Tát Diêm Phù Đề có đại nhân duyên như Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Di Lặc cũng hóa muôn thân hình để độ lục đạo. Còn có điều chưa hết, như Địa Tạng giáo hóa mọi chúng sanh trong lục đạo, phát ra những thệ nguyện kiếp số như hàng vạn ức hằng hà sa số.

Hỏi: Chúng ta thờ cúng Địa Tạng Bồ Tát có công đức lợi ích gì?

Đáp: Thờ cúng Địa Tạng Bồ Tát thì công đức lợi ích nói không hết.

Hỏi: Có những công đức và lợi ích gì rất rõ rệt?

Đáp: Nếu muốn cầu phước đức và trí tuệ, không thể không được nơi hiện thế, mà sự hiển linh như việc cầu xin như xuất ngoại lữ hành, sanh con trai hay gái, bệnh nặng hay mắc bệnh khó chữa, đều rất linh nghiệm.

Hỏi: Khi đi du lịch cung phụng Địa Tạng Bồ Tát có ích lợi gì?

Đáp: Trong Bản Nguyên Kinh có nói rằng nếu có chúng sinh nào vào rừng, vượt biển, gặp phải sóng gió, hay qua các đường nguy hiểm, thì niệm đọc danh hiệu Bồ Tát vạn lần, trên đường nguy hiểm sẽ có thổ công và quỷ thần hộ vệ tránh mọi nguy hại.

Hỏi: Mới sinh con trai hay gái thì cúng Địa Tạng Bồ Tát có lợi ích gì?

Đáp: Kinh nói: Nếu có sinh con trai hay gái, thì trong 7 ngày, tụng đọc Bản Nguyên Kinh và niệm danh hiệu Bồ Tát vạn lần, đứa trẻ sẽ được hết mọi tai ương kiếp trước, được an lạc, trưởng thành tăng thêm phúc thọ.

Hỏi: Nếu mắc bệnh nặng, cung phụng Địa Tạng Bồ Tát có ích lợi gì?

Đáp: Trong Kinh có nói nếu có chúng sinh nào khi lâm chung được nghe tiếng tên Bồ Tát bên tai. Sau khi chết, xa lìa vĩnh viễn ba đường ác. Lúc đó Cha Mẹ hay quyến thuộc đem nhà cửa, hay đồ quý báu và quần áo đem bán mà tạc tượng hay họa hình Bồ Tát, để người bệnh trước khi chết được mắt thấy tai nghe, thì túc nghiệp báo hay kẻ bị bệnh nặng sẽ được khỏi và tăng thọ. Nếu có nghiệp báo hay mạng đã tận, hoặc có tội nghiệp phải xuống địa ngục, thì cũng được tiêu trừ nghiệp chướng, siêu sinh nhân thiên mà hưởng lạc.

Hỏi: Mắc chứng ác bệnh, cung phụng Địa Tạng Bồ Tát có ích lợi gì?

Đáp: Trong Kinh sách nói: “ Nếu có chúng sinh nào nằm triền miên trên giường bệnh đã lâu năm, cầu sống không được, cầu chết cũng không được, đêm nằm thường mơ thấy ác quỷ, hoặc đi đường hiểm nghèo và cùng quý đi chơi, bệnh tình ngày càng thêm nặng, kêu khổ trong khi ngủ. Đó là do nghiệp đạo thảo luận, chưa định tội là nặng hay nhẹ, cho nên bệnh tạm thời chưa khỏi. Nhưng đối trước tượng chư Phật và Bồ Tát lớn tiếng đọc Bản Nguyên Kinh một biến, hay lấy thứ vật gì mà bệnh nhân yêu quý nhất, như quần áo bảo vật, trang viện hay nhà ở, đối trước bệnh nhân nói rằng: Tôi là XX vì bệnh nhân mà bỏ đi mọi vật này, thờ phụng Kinh tượng hoặc tạc hình Bồ Tát và tượng Phật, hoặc

xây tháp và cất Chùa, hoặc quyên dầu đèn, và làm việc thiện thường xuyên. Nói trước bệnh nhân 3 lần, để bệnh nhân nghe cho rõ. Nếu bệnh nhân khó sống, từ 1 đến 7 ngày lớn tiếng đọc Kinh, thì bệnh nhân sau khi chết được giải thoát hết mọi tội.

Hỏi: Cứ gặp 10 ngày chay cung phụng Địa Tạng Bồ Tát có lợi ích gì hay không?

Đáp: Có, trong Kinh có nói, các cử chỉ hay ý nghĩ của Nam Diêm Phù Đề chúng sinh đều là nghiệp. Nếu có thể trong 10 ngày chay, tức là những ngày mùng 1, mùng 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và ngày 30, đến trước tượng Phật và Bồ Tát đọc Địa Tạng Bản Nguyện Kinh một lượt, thì bốn bên chỗ ở của mình không có tai nạn, người trong nhà này bất luận già hay trẻ, hiện nay và sau này, vĩnh viễn lìa khỏi tội ác, không sinh bệnh tật, ăn mặc phong phú.

Hỏi: Nghe nói Địa Tạng Bồ Tát tu địa đại Viên Thông chứng Như Lai Tạng tánh. Trong Thập Luân Kinh có nói Địa Tạng Bồ Tát khi đến Pháp Hội, mọi người cảm thấy địa đại tăng cường, thấy mình nặng khó cử động. Nếu vậy những nhà ở và kẻ làm nông cung phụng Địa Tạng Bồ Tát có phải là có ích hay không?

Đáp: Đúng, Bản Nguyện Kinh có nói: “Ở phía Nam đất đai thanh khiết, lấy đất, đá, tre, gỗ làm cái thất để thờ, bên trong tạc hay vẽ tượng Bồ Tát, phụng thờ,

thấp hương, chiêm lễ và tán thán, thì người ở khu đó được 10 điều lợi ích:

1. Là Đất đai thu hoạch gặt hái phong phú.
2. Là Gia đạo bình an.
3. Là Tiên vong sinh thiên.
4. Là Hiện tồn phúc thọ.
5. Là Sở cầu toại ý.
6. Là Vô tai nạn thủy hỏa.
7. Là Tránh mọi hư hao.
8. Là Đoạn tuyệt ác mộng.
9. Là Sớm chiều ra vào có thần phù hộ.
10. Là Gặp nhiều Thánh ân.

Hỏi: Xin nói lại kẻ làm ruộng cung phụng Bồ Tát có ích lợi gì?

Đáp: Thập Luân Kinh có nói: “Tùy ở nơi đó, nếu các hữu tình gieo các hạt giống ở ruộng hoang hoặc ruộng tốt, hoặc siêng năng làm việc, hoặc không làm việc mà có thể chí tâm xưng niệm danh hiệu, đọc tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, kẻ thiện nam này công đức, diệu định, uy thần lực cố. Tất cả mọi cây trái đều được nhiều hơn. Sở dĩ được như vậy, người thiện nam này đã từng trải qua vô lượng vô số đại kiếp bởi vô số lượng cõi Phật Thế Tôn, sở phát đại tinh tấn, kiên cố thệ nguyện. Do sức của thiện nguyện đó, vì muốn thành các loại hữu tình. Thường phổ nhiệm trì mọi đại địa. Thường phổ nhiệm trì mọi hạt giống, khiến cho mọi hữu tình đều tùy ý thọ dụng.

Đó là vị thiện nam này do thần lực mà ra. Có thể làm cho gốc rễ mọi thảo mộc, cây cối, lá, hoa, đều được sanh trưởng. Mọi thuốc mầm non của cây đều nảy nở thành thực và nhuận trạch thanh khiết đẹp đẽ.

Hỏi: Xin nói rộng lớn hơn lợi ích của Địa Tạng Bồ Tát?

Đáp: Bản Nguyên Kinh có nói: Nếu chúng sinh nào được thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát và nghe Bản Nguyên Kinh, và đọc tụng hay dùng hương hoa, ẩm thực, y phục và châu báu cung phụng cúng dường, hay tán thán chiêm lễ, sẽ được 28 thứ lợi ích:

1. Là Được Thiên Long hộ niệm.
2. Là Thiện Quả càng ngày càng tăng.
3. Là Tập Thánh Thượng ân nhân.
4. Là Bồ Đề không phai.
5. Là Y thực phong phú.
6. Là Bệnh tật không đến.
7. Là Khỏi thủy hỏa tai.
8. Là Vô đạo tặc nguy.
9. Là Mọi người kính nể.
10. Là Thần Quỷ hộ trì.
11. Là Nữ chuyển nam thân.
12. Là Làm Vua thần nữ.
13. Là Tướng tốt đoan chính.
14. Là Đa sinh Thiên thượng.
15. Là Có thể là đế vương.
16. Là Túc trí mệnh thông.

17. Là Hữu cầu giai toại.
18. Là Quyên thuộc vui vẻ.
19. Là Mọi ngang trái đều tiêu diệt.
20. Là Nghiệp đạo vĩnh trừ.
21. Là Nơi đi tận thông.
22. Là Đêm nằm an lạc.
23. Là Chết trước lia khổ.
24. Là Sống trong phúc đức.
25. Là Chư Thánh tán thán.
26. Là Thông minh lợi căn.
27. Là Có lòng từ bi.
28. Là Cuối cùng thành Phật.

Hỏi: Phát Đạo Tâm, phụng thờ Địa Tạng Bồ Tát, có phải được lợi ích lớn hơn không?

Đáp: Phải! Trong Kinh nói: Nếu có chúng sinh nào phát Đại Từ Tâm, cứu độ mọi chúng sinh, muốn tu vô thượng Bồ Đề, muốn thoát khỏi tam giới, người này nếu thấy hình Bồ Tát, hoặc nghe danh Bồ Tát, chí tâm quy y cung phụng chiêm lễ, thì sở nguyện tức thành và sở cầu tất thành.

Hỏi: Ngoài ra còn có điều gì mà cung phụng Bồ Tát, còn lợi ích gì không?

Đáp: Còn rất nhiều, có thể đọc Địa Tạng Bản Nguyện Kinh, Phẩm thứ 6 và cùng 11 đến phẩm 13.

Hỏi: Địa Tạng Bồ Tát có những sự tích linh cảm?

Đáp: Rất nhiều, đời nhà Tống thường Cẩn Tập, có Tượng Bồ Tát Linh Nghiệm Ký và trong Tục Tạng Kinh. Tôi chỉ thu thập được, đã liệt kê vào Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục, đây không thể kể là ghi sự chép đầy đủ.

Hỏi: Xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát, và xưng niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát có phân biệt không?

Đáp: Không phân biệt gì! đều có thể niệm. Các Kinh sách phần nhiều xưng là Địa Tạng Bồ Tát, Duy có Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán Kinh thì xưng là Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Hỏi: Những Kinh sách nào nói về Địa Tạng Bồ Tát?

Đáp: Có Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh, Thập Luân Kinh, Chiêm Sát Kinh, còn Kim Cang Tam Muội Kinh và Đại Tập Tu Di Tạng Kinh cũng có nói đến. Những Kinh sách có liệt tên Địa Tạng Bồ Tát thì rất nhiều. Bình thường phần nhiều đọc Địa Tạng Bản Nguyên Kinh, Linh Thừa Đại Sư Tuyển lựa ra chú thích. Gần đây người ở Hồ Trạch Phạn có cuốn Bạch Thoại giải thích cũng khá tốt. Chiêm Sát Kinh là của Bồ Tát Địa Tạng nói, Ngẫu Ích Đại Sư tuyển cuốn nghĩa sớ, mọi người nên đọc.

Hỏi: Những sách chú thuật về Địa Tạng Bồ Tát, loại nào ta nên đọc?

Đáp: Cuốn Ngẫu Ích Đại Sư viết khen ngợi Địa Tạng Bồ Tát Sám Nguyện nghi quỹ, và Chiêm Sát Hành Pháp là cuốn sách tốt. Và gần đây Hoàng Nhất Pháp Sư biên soạn cuốn Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan, Lư Thế Hầu vẽ Địa Tạng Bồ Tát Cửu Hoa thùy tích đồ tán, Ân Quang Pháp Sư giám tu cuốn Cửu Hoa Sơn Chí, (khoảng Dân Quốc thứ 26) Nông Phụng Trì viết cuốn Địa Tạng Bồ Tát Vãng Kiếp Cứu Mẫu Ký, và tác phẩm của tôi biên soạn cuốn Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục cũng là những sách đáng đọc.

Hỏi: Cư Sĩ cũng thường tụng niệm Địa Tạng Bản Nguyện Kinh, xin cho biết cảm tưởng đối với cuốn Kinh đó ra sao?

Đáp: Tôi đọc Bản Nguyện Kinh và Chúng Sinh Nghiệp Duyên phẩm mới biết chúng sinh nghiệp duyên quá nặng, đọc Chúc Lụy Thiên Nhân Chi phẩm mới biết Phật và Bồ Tát lòng từ bi rất sâu rộng, đọc Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông Chi phẩm mới biết Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện lớn lao. Chúng ta sống trong kiếp vận giữa lục đại nạn lâm đầu, chỉ còn cách chí thành quy kính Đại Nguyện Bồ Tát mà thôi.

Hỏi: Địa Tạng Bồ Tát có dạy chúng ta pháp môn tu hành hay không?

Đáp: Có ! Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta niệm Phật, sống trong thời đại mạt pháp. Pháp môn niệm Phật là chắc chắn hơn cả. Bản Nguyên Kinh xưng danh hiệu Phật là phẩm Trung. Cố nhiên là tường tận liệt kê danh hiệu Chư Phật. Trong Thập Luân Kinh có nói rõ, sẽ sinh nước Tịnh Độ, nơi Đạo Sư ở đây”. Chiêm Sát Kinh cũng nói: “Nếu có người muốn sống tha phương, hiệu là Tịnh Độ, nên theo danh xưng thế giới Phật mà tụng niệm, nhất tâm bất loạn, như kẻ quan sát trên, nhất định được sống ở nước của Phật. Cho nên Ngẫu Ích Pháp Sư ở trong Chiêm Sát Hành Pháp phát nguyện rằng: “Xả thân tha thế, sinh tại Phật tiền, gặp được Di Đà, cận kề Chư Phật, sẽ được thọ ký, hồi nhập trần lao, phổ hội quần mê, đồng quy bí tạng.”

Hỏi: Sự phát nguyện lớn lao của Địa Tạng Bồ Tát ta đã biết rồi, sao lại còn thấy nghiệp duyên chúng sinh còn nặng như vậy?

Đáp: Đã từng thấy trong Bản Nguyên Kinh, từ Phẩm thứ 3 đến thứ 5 có nói rõ. Trong đó, Địa Tạng Bồ Tát từng đem sự việc nhân quả báo ứng, sự quả báo của chúng sinh ở dưới địa ngục nói rõ tường tận. Mọi tội của tội nhân, Bồ Tát đã nói với họ về quả báo của từng tội, nhưng họ vẫn chưa tỉnh ngộ sám hối, nên còn phải xuống địa ngục để chịu khổ. Ở trong các địa ngục, khổ nhất là ở Vô Gián địa ngục. Vì sự khổ không hề gián đoạn, chứa chất tội nhân cũng không gián đoạn và tội nhân chịu khổ cũng không gián đoạn.

Hỏi: Những loại người nào đáng xuống địa ngục Vô Gián?

Đáp: Một là những người bất hiếu với Cha Mẹ, hoặc giết người. Hai là làm thân Phật chảy máu, phỉ báng Tam Bảo, bất kính tôn Kinh. Ba là xâm tổn hại của thường trú, làm ô uế Tăng Ni hay dâm dục trong chốn Già Lam, hoặc sát hoặc hại. Bốn là giả làm Thầy tu. Trong lòng không phải Thầy tu, phá của thường trú, lừa dối bạch y. Năm là trộm cướp tài vật, gạo thóc, đồ ăn và quần áo, cho đến không cho mà lấy của người. Những loại người này đáng xuống địa ngục, khó mong kỳ hạn được thoát ra.

Hỏi: Làm sao thấy được lòng từ bi rất lớn của chư Phật và Bồ Tát?

Đáp: Đức Phật Thích Ca khi ở Đạo Lợi Thiên Cung đã giơ cánh tay vàng ngàn vạn ức hóa thân Địa Tạng Bồ Tát và nói rằng: “Ta từ lũy kiếp cần khổ, độ thoát những kẻ tội khổ càng cường khó cảm hóa tội khổ chúng sinh. Còn những kẻ chưa điều phục, tùy nghiệp mà báo ứng. Nếu xuống địa ngục, lúc chịu cực khổ. Người nên nghĩ đến lời Ta ở Đạo Lợi Thiên Cung ân cần dặn dò, những chúng sinh từ Ta Bà thế giới đến Di Lặc xuất thế đến nay dù cho có được giải thoát, vĩnh lia đau khổ, ngẫu nhiên gặp Phật thọ ký. Thường căn dặn trong phẩm Chúc Lũy Nhân Thiên phẩm “Phật lại sờ đầu Bồ Tát, khen thần lực Bồ Tát thật không thể nghĩ bàn được. Từ Bi cũng không thể nghĩ bàn. Biện tài

cũng không thể nghĩ bàn, và ân cần đem mọi chúng sinh nhân thiên chưa ra khỏi tam giới, còn ở trong nhà lửa giao phó cho Địa Tạng Bồ Tát, và dặn nếu có nhân thiên nào ở trong Phật pháp còn thiếu thiện căn thì cần phải ủng hộ, dạy cho họ tăng trưởng đùng để cho thoát thất. Nếu có chúng sinh nào bị đọa vào chỗ tội ác, nếu có thể niệm danh hiệu Đức Phật, một vị Bồ Tát, một câu một kệ kinh điển Đại Thừa, ông nên dùng thần lực mà cứu vớt họ, để họ được sinh lên cõi trời hưởng những sự vui”. Địa Tạng Bồ Tát nhất nhất nhận lời và mong Thế Tôn đừng lo. Đó cho thấy rõ lòng từ bi của Phật và Bồ Tát rất là rộng lớn bao la.

Hỏi: Phó chúc ý nghĩa là thế nào?

Đáp: Phó Chúc Ý nghĩa mười phần trọng đại. Vì hiện tại, vị lai, mọi tội khổ chúng sinh đều do phó chúc của Thế Tôn. Mọi điều đều ở trong Địa Tạng bi nguyện. Tất cả mọi chúng sinh đã biết mà quy ngưỡng. Thế Tôn độ chưa tận, thì nên độ chúng sinh là ở Địa Tạng Bồ Tát, là không còn nghi ngờ gì nữa. Hạnh nguyện của Thế Tôn tức là hạnh nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, từ hộ của Bồ Tát tức là từ hộ của Thế Tôn. Cho nên nếu được Bồ Tát cứu hộ thì có thể coi Địa Tạng như là Phật vậy.

Hỏi: Còn ý nghĩa gì khác nữa không?

Đáp: Còn! Phàm phát Đại Bồ Đề tâm thì không khác gì Địa Tạng Bồ Tát nhận sự phó chúc ở Thiên cung.

Hỏi: Hiện nay tôi nên làm cách gì , về việc hoan hỷ cảm ơn ? Từ nay tôi biết rằng nên làm thế nào rồi. Mỗi ngày kính lễ Địa Tạng Bồ Tát, ông có thể giúp tôi viết một bản văn hồi hướng chăng?

Đáp: Tốt lắm! Tôi đã từng biên soạn một bài Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện hồi hướng, ai ai cũng có thể đọc như sau:

Một lòng quy y
Đại từ bi phụ
Công đức lớn lao
Cùng kiếp nan tuyên
An nhẫn bất động
Do như đại địa
Tĩnh lũy thâm mật
Do như bí tàng
Thường hành huệ thí
Như xe hằng chuyển
Trì giới kiên cố
Như Diệu Cao sơn
Tĩnh tiến nan hoại

Như kim cương bảo
Trí huệ sâu xa
Giống như đại hải
Chúng sinh chướng dày
Thật nặng thật sâu
Địa Tạng hoảng từ
Chẳng sợ chẳng bỏ
Giúp sự sợ hãi
Như thân như hữu
Phòng chur oán địch
Như khám như thành
Giết giặc phiền não
Giống như thần kiếm
Cứu các chúng sanh
Giống như phụ mẫu
Con nếu yếu đuối
Phụ ái biện cường
Nhi bất tiêu hề
Mẫu lân phiên trọng
Đệ tử XX
Ân thâm duyên thâm
Thề dĩ thân tâm

Phụng Địa Tạng Chủ
Phục nguyện hoàng tu
Thường giác ngộ con
Khiến con hằng nhớ
Đến Bồ Đề tâm
Quyết định sinh Tây
Được gần Di Đà
Thừa bản nguyện lực
Hóa độ hữu tình
Tùy nơi trần kiếp
Ở trong xứ khổ
Thay chúng sanh khổ
Làm thành Phật trước
Mới chứng Bồ Đề
Địa ngục chưa trống
Thề chẳng thành Phật
Tận đời vị lai
Không có một nhọc
Kiếp đá hóa được
Nguyện này chẳng đổi
Sở tu phúc nghiệp
Sám hối phát nguyện

Đảo loại thiện căn
Thê đồng pháp giới
Mỗi mỗi hồi hương
Phổ thí hàm thức
Tất chứng chân thường
Quy Tịch Quang độ.

Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Hiệu đính xong ngày 28.6.2012

Nhân sinh nhật lần thứ 64

Thích Như Điển

Đức Quốc Viên Giác Tự Phương Trượng

Hòa Thượng.

地
藏
菩
薩
本
迹
靈
感
錄

Mục lục	trang
- Lời đầu sách	3
- Lời phụ	7
• Ấn Quang Pháp Sư Giám Định	13
- Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục	15
- Bài tán thưởng thứ nhất	21
- Bài tán thưởng thứ hai	23
- Ứng Hóa Thánh Tích của Địa Tạng Bồ Tát	25
- Nhân duyên trong quá khứ của Đức Địa Tạng Bồ Tát	29
- Công đức và lợi ích của Địa Tạng Bồ Tát	34
- Ứng cơ chỉ bày của Địa Tạng Bồ Tát	44
• Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục	49
(Lý Viên Tịnh)	
- Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục Mục Thứ	51
- Vẽ tượng khỏi nguy hiểm	53
- Nghe danh khỏi tù tội	55
- Giúp cha sinh thiên	57

- Niệm danh hiệu Đức Địa Tạng khỏi bị quý	59
- Thờ Pháp sống lại	60
- Đổi nhà thành chùa	63
- Nhờ Đức Địa Tạng thoát khỏi nạn cạp xé	65
- Khắc tượng tiến thân	67
- Khắc tượng Địa Tạng cầu siêu cho thân mẫu	70
- Dịch chẳng lo	72
- Trì danh giải nguy	74
- Niệm danh hiệu Địa Tạng khỏi binh đao	77
- Được gặp mẹ hiền	79
- Lửa tắt được sống	80
- Đổi chết yếu sống lâu hơn	81
- Cầu phước được vàng	82
- Phóng quang tiêu trừ bệnh tật	83
- Cầu nguyện được mọc răng	85
- Con thảo gặp của quý	86
- Bồ Tát hóa thân	87
- Tụng kinh Địa Tạng cứu mẹ lành bệnh thủng	90
- Lời sau khi biên soạn	92

• Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Cận Văn Lục	95
Nhiếp Vân Đài Cư Sĩ Biên Tập	
- Địa Tạng Bồ Tát Cảm Văn Lục - Mục thứ	97
- Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Cận Văn Lục – Lời tựa	99
- Trong 24 năm, 9 chuyện đã soạn đăng vào hậu Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục	103
- Lễ bái dễ sanh	104
- Tụng kinh gặp mẹ	105
- Khỏi nạn trộm cắp	107
- Khỏi bệnh tăng phước	108
- Điếc nghe tiếng Phật	109
- Bái kinh hết bệnh	113
- Bệnh liệt cảm mộng được thuốc hay	116
- Lấy máu họa tượng được linh cảm	118
- Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký	120
- Địa Tạng Quan Âm Linh Cảm Ký	122
- Địa Tạng Bồ Tát Tiết Phụ Sinh Tây	124
- Thần uy của Địa Tạng Bồ Tát	129
Sơn Thiên Thích Huệ Khánh	
- Phụ : Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Cận Văn (Nhiếp Vân Đài – Lý Viên Tịnh – Hứa Chỉ Tịnh ghi)	134

- Phụ lục Sách của Hoǎng Nhất Pháp Sư của Lý Viên Tịnh	141
- Sám Pháp có bốn Bộ	144
- Địa Tạng Bồ Tát Phóng Quang Ký	145
- Địa Tạng Bồ Tát Thánh Ân Ký (Tô Duệ Minh Nữ Sĩ ở Thương Thực)	148
- Địa Tạng Bồ Tát Thánh Uy Ký (Phương Dục Huệ)	151
- Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Ký (Khương Trí Thanh)	157
- Địa Tạng Bồ Tát Thánh Ân Ký (Giác Thuần)	159
• Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký	161
Ngô Kinh Nhân	
- Cầu Địa Tạng Bồ Tát để biết tên cha (Dật Thanh)	164
- Lạc Thanh Phật Giáo Cư Sĩ Lâm Địa Tạng Hội Linh Cảm Ký Thuật (Phóng Quang Thị Thoại)	166
- Mơ có người đòi đầu	168
- Bệnh nguy được khỏi	169
- Cứu nguy dưới vực	170
- Mơ thấy Bồ Tát	172

- Vong tử sinh thiên 173
- Mơ thấy Pháp tướng 174
- Chở nước không khô 175
- Đoạn trừ ác mộng 176
- Đường Nhạc Lan Nữ Sĩ khắc Địa Thập
Tạng Luân Kinh Tự Thuật Linh Cảm 177
- Qua 40 năm gần gũi linh cảm 178
- Chứng minh về luân hồi 185
- Chứng minh việc nói chuyện cùng quý
(Nhiếp Vân Đài) 190
- Cổ Cát Cương Phu Nhân Thần Hồi Ký 193
- Bức thư một vị quan tốt gửi cho con
(Sự thực về nhân quả hồn ma) 196
- Khuyến nên nương vào việc hành trì
kinh Địa Tạng (Nhiếp Vân Trì) 205
- Phương pháp tu trì (vì người sa cơ mà
chỉ dẫn) 207

• Phụ Lục 211

- Ghi lại việc đọc Địa Tạng Bồ Tát bốn
nguyện Kinh Linh Cảm Lục (Lý Văn
Khải) 211
- Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký (Đỗ Duệ
Bổn) 218

- Đại nguyện Địa Tạng Bồ Tát Hóa Thân 220
- Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Vấn Đáp
(Do Lý Viên Tịnh Cư Sĩ biên thuật) 233

